

G I A I P H Ầ M

BACH KHOA

- Viện bảo tàng Nông Công, Ngư nghiệp
- Mua bán súng ống trên thế giới
- Tình hình Hoa lục
- *Nồng cỏ Mìn đàm* và P.t. Duy Tân
- Bàn luận về *Cơ cấu* và *ngôn ngữ*
- *Văn chương học đường*
- Những vụ từ chức lịch sử



- *Thơ, Truyện*: VÕ TẤN KHANH • THỦY TRIỀU • ĐÔNG • NGUYỄN HUY CHƯƠNG • VÔ ƯU.



BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẮT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

2.300đ.

MỘT NĂM

4.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay một năm : 600đ (mỗi số 25đ.)

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 1.560đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 22-7-74, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia : 90đ.

— Ai-lao : 90đ.

— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...) : 140đ.

— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc : 190đ.

— Âu-châu, Bắc Phi

Trung Đông, Đại-dương-châu

Úc, Tân-Tây-Lan v.v... : 365đ

— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 440đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

oOo

1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	10.000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5.000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4.000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3.000đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

E** : 425

VÔ VĂN DẬT <i>sự khẩn thiết có mặt của một Viện Bảo-tàng Nông, Công, Ngư-nghiệp</i>	05
ĐẶNG TRẦN HUÂN <i>mua bán chiến cụ trên thế giới ngày nay</i>	14
PHẠM VIỆT CHÂU <i>diễn tiến từ Đại hội Đảng tới Đại hội Nhân dân ở Hoa-lục</i>	19
PHẠM LONG ĐIỀN <i>vai trò Nông cò Mìn đàm trong Phong trào Duy-tân ở miền Nam</i>	23
NGUYỄN SINH DUY <i>Những bức thư của Đễ-dốc Lê Trục trả lời Quan Ba Mouteaux (Đề góp vào sử Cần vương)</i>	33
TRẦN NGỌC NINH <i>bàn luận về Cơ-cấu và Ngôn ngữ</i>	39
MỸ LINH PHƯƠNG Ý <i>nghĩa của một vài vụ từ chức lịch-sử</i>	45
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>Văn chương học đường</i>	51
VÔ ƯU <i>bạn đồng môn (truyện ngắn)</i>	57
VÔ TẤN KHANH <i>độc âm hành (thơ)</i>	66
NGUYỄN HUY CHƯƠNG <i>chiều trong rừng sâu... (thơ)</i>	67
THỦY TRIỀU <i>tình ta với Huế ngày xưa (thơ)</i>	68
ĐÔNG <i>bài cho người em An-cựu (thơ)</i>	68
SINH HOẠT	
LÊ THỊ MÃO <i>tôi đi dự Hội nghị Quốc tế</i>	69
ĐỖ HỒNG NGỌC <i>Tết Ất-Mão với nhà văn Ngu Í</i>	72
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	75
VĂN THANH <i>trình bày bìa (hình ảnh của nhiếp ảnh gia Nhật-bản YUKIO SHIMIZU)</i>	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon 3
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon 3
GIÁ : 200\$ Công sở : 400\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi s

Sách nhận được trước 15-3-75

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Lịch-sử Văn-minh Ả-Rập, nguyên tác của Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch, do Phục-Hưng xuất bản và dịch giả gửi tặng. Tác phẩm được xuất bản thứ 99 của nhà văn Nguyễn Hiến Lê, dày 344 trang, gồm 7 chương trình bày từ Mahomet, Kinh Coran, đến Xã hội, tư tưởng và nghệ thuật Hồi-giáo, Thịnh và suy của Hồi-giáo. Bìa của Văn Thanh. Giá 1.000đ.

— Kiếp người, nguyên tác "Of Human Bondage" của W. Somerset Maugham, Nguyễn Hiến Lê dịch, Lửa Thiêng xuất bản, nhà xuất bản và dịch giả gửi tặng. Tác phẩm đặc sắc và quan trọng nhất của Maugham, bản Việt dịch được in lại lần thứ 2, dày 470 trang, Văn Thanh trình bày bìa. Giá 1.200đ,

— Phần đóng góp của Văn học Miền Nam : Những bước đầu của báo chí, tiểu thuyết về thơ mới, của Bùi Đức Tịnh, do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 374 trang, ngoài phần mở đầu có các phần : Báo chí, Tiểu thuyết và Thơ mới. Bìa của Trần Nhật Tân. Khổ 15 x 21. Giá 1.200đ.

— Những vấn-đề lao-động và xã hội hiện đại (quyển II) của Nguyễn Quang Quynh, do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 336 trang trình bày những vấn đề xã hội (quyển I. Những vấn đề lao động), vấn đề thiếu nhi phạm pháp, sự biến đổi của gia đình, vấn đề an sinh xã-hội, Vấn đề giáo dục, Kế hoạch hóa gia đình v.v... Bìa của Văn Thanh. Khổ 15 x 21. Giá 1000đ.

— Tự học 1200 chữ Nho thông dụng của Lạc Thiện Tăng Văn Hi, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 118 trang, khổ 15,5 x 21,5, in offset, biên soạn công phu hướng dẫn cách viết chữ và giọng đọc "bạch thoại", Trung-hoa bằng mẫu tự la-tinh. Phụ lục : 3 bảng tra chữ. Giá 600đ.

— Một phương pháp giáo dục mới (Làm thế nào để hiểu tâm lý trẻ), nguyên tác của Rose Vincent và R. Mucchielli, bản dịch của Phan Mật, do Anh Vũ xuất bản và gửi tặng. Sách dày 300 trang, gồm 5 phần trình bày về tính tình, trình độ trí tuệ, cá tính của trẻ em và vấn đề hướng nghiệp cho trẻ. Giá 900đ.

— Tiểu luận (Những vấn đề lớn của Văn-học Việt-nam) của Nguyễn Q. Thắng, do Trường Xuân xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 204 trang, gồm 7 bài tiểu luận : Phong trào tân văn hóa ; Nguyễn Đình Chiểu ; Vụ án truyện Kiều ; Bài Chòi v.v... Giá 700đ.

— Mưa trên sông tập truyện của Nguyễn Hương Nhân, do cơ sở xuất bản Thời Mới ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 162 trang, gồm 6 truyện ngắn chọn lọc, tranh bìa của Hồ Đắc Ngọc. Bản đặc biệt.

— Trường ca sông nước : Tiếng chim bìm bịp, tập thơ của Linh Cơ, do Tò hợp Trái Tim ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 20 trang, khổ 11 x 21, gồm 8 bài thơ, in trên giấy đẹp, Lê Nguyên Thảo trình bày bìa. Bản đặc biệt.

— Mặt trời lên tập thơ của Trung Phong do Chim Việt xuất bản và gửi tặng. Sách dày 92 trang, in Ronéo 2 mặt gồm 18 bài thơ và bài : "Hòa bình dân tộc" do Thiệu Sơn viết về 2 tập thơ trước của tác giả.

Sự khẩn - thiết có mặt của một Viện Bảo-tàng Nông, Công, Ngư-nghiệp

Trông người mà nghĩ đến ta...

Hình như người Việt-nam chúng ta thường ưa nói hơn là làm, thích khoe-khoang rầm rộ nhưng rất ít chứng-minh bằng thực-tế. Người ngoại quốc có lẽ đôi khi đã giật mình trước quá khứ lập quốc dài lâu của chúng ta, nhưng chắc cũng đã nhiều lần kín đáo mỉm cười khi tìm kiếm đề chiêm-ngưỡng và tìm hiểu những di-tích và di-vật làm chứng cho cái quá trình lập quốc và văn-minh của một dân-tộc thường tự hào có trên «4.000 năm văn-hiến». Họ không kín đáo mỉm cười sao được khi họ thấy rằng cái quá-khứ của giống dân sống trên mảnh đất chữ S này thật là đặng đặng, đầy oai hùng và bi thương, nhưng tìm cho ra những chứng-tích dồi dào của lịch-sử và văn-minh của dân-tộc này còn khó hơn tìm đường lên cung trăng vì nó chẳng còn được lưu giữ là bao và hầu như ít ai có ý lưu giữ để làm gì !

Có thể người viết đã nói quá đi một chút, nhưng chắc chắn người viết đã nói lên một sự thật. Thông thường, cái nơi mà người ta có thể tìm thấy bộ mặt dĩ-vãng của một quốc-gia một cách dễ dàng và nhanh chóng là những di-tích lịch sử, các bảo tàng viện. Các quốc gia thường hay khoe lịch-sử và văn-minh của nước

họ trong những tòa nhà «trưng bày đồ cổ» này. Ngay như Hoa-kỳ, một quốc-gia mới khai-sinh trong vòng 200 trở lại đây, có một quá khứ lập quốc dài không bằng 1/10 quá khứ của Việt-nam, nhưng những bước đường mà tổ tiên họ đã sống, đã đi qua, đều được gìn giữ trân-trọng và đầy những di-tích, di-vật sống động gấp trăm gấp ngàn lần nước ta. Một dân-tộc như Hoa-kỳ, vốn bị các quốc-gia của cựu thế-giới coi thường về phương-diện văn-hóa, đã có những công-trình bảo-vệ văn-hóa đáng kể hơn ta rất nhiều, còn nói chi đến việc so sánh ta với các quốc-gia có truyền-thống dài lâu như Trung-Hoa Nhật-bản, Anh, Pháp vv...

Các bảo-tàng-viện của chúng ta hiện có, có thể đếm không quá một bàn tay, một là Viện Bảo-tàng Quốc-gia tại Saigon, hai là Viện Bảo-tàng Huế, tục gọi là Musée Khải-Định, và ba là Cờ-viện Chàm (Musée Chàm) ở Đà-nẵng. Ai đã vào thăm ba nơi đó đều thấy nơi nào cũng nhỏ bé về qui-mô và nghèo nàn về số lượng, đó là chưa nói đến giá-trị và tính cách quan trọng của các cổ-vật trưng bày. Nói ra đau lòng : thực ra, những thứ còn sót lại trong hai Viện Bảo-tàng Huế và Saigon chỉ là những quý vật hạng hai hạng ba, vì những thứ đáng giá, đồ hạng nhất,

đã đào thoát ra ngoại quốc mất rồi. Góp cả ba Viện Bảo-tàng này lại thật không bằng một góc của các Viện Bảo-tàng Louvre của Pháp, British Museum của Anh, hay Đài-loan của Trung-hoa Quốc-gia.

Phải thành thực mà thú nhận rằng — một sự thú nhận xót xa — dân ta, đa số đã không biết quý, không biết trọng những gì tiền-nhân đã di-lưu vì thiếu ý-thức bồn-phận và trách-nhiệm của một cá-nhân đối với di-sản văn-hóa và những di-tích lịch-sử. Bởi thế, ta thấy gì ? Trong những ngày toàn quốc kháng-chiến của năm 1946, những pho sách vô giá, những tài-liệu ngàn vàng của Thư-viện Bảo-Đại và lầu Tàng-Thơ đã « được » người dân rừng rừng gánh ra khỏi 9 cửa kinh-thành, đem bày bán khắp chợ, vùng An-hòa, Bao-vinh... để người ta mua làm... giấy gói hàng và giấy vắn thuốc hút, nếu cần, làm giấy nhen lửa ! Nếu không có một tâm-hồn nặng tình văn-hóa của L.m. Nguyễn-văn-Thích hy-sinh tiền túi để mua lại một ít, rồi khi yên ổn tặng lại cho quốc-gia, thì chắc ngày nay, đối với hai kho tàng đó, ta chỉ còn một con số không to tướng. Trong biển-cổ Mậu-Thân, có bao nhiêu sách quý của Thư-viện Đại-học Huế được đem nhen lửa, lót làm chỗ nằm ? Có bao nhiêu cổ-vật quý - báu của Viện Bảo-tàng Huế đã lọt vào tay tư-nhân có quyền thế để rồi xuống tàu ra ngoại quốc, kết-quả là trương-mục ngân-hàng của ai đó đầy lên như thủy triều, biệt-thự thì lộng lẫy, nhưng quốc-gia thì nghèo nàn ! Những tâm-hồn ích-kỷ, thiên-cận đã

tạo nên những mẫu người Việt-nam (l) đặc biệt : dân-biểu tượng Chăm, con buôn đồ cổ bất-lương, không ngừng làm băng-hoại di-sản của cha ông.

Rồi còn gì nữa ? Hiện có bao nhiêu di-tích lịch-sử đang bị lãng quên, để phôi pha và tàn lụi theo năm tháng ? Có bao nhiêu di-tích lịch-sử chưa được khám phá ? Có bao nhiêu tài liệu lịch-sử văn-học chưa được sưu-tầm hay chưa được đưa từ nước ngoài về đất tổ ? Cổ-đô Huế với đền, đài, miếu, vũ đã bẽ bàng chờ đợi từ sau biển-cổ Mậu-Thân...

Văn-minh nước ta vốn là một văn-minh nông-nghiệp. Một cuộc sống lâu dài và giản dị đã bắt nguồn từ việc cấy hái, đám ruộng bùn lầy, mùa màng khi được khi mất mà ra. Cho đến bây giờ, khi con người đã có thể thoát khỏi hấp lực của trái đất để đặt chân lên một thiên-thể khác không khó khăn, thì cuộc sống đó vẫn còn là căn-bản của đời sống dân ta.

Điều lạ lùng nhất là những phương-tiện làm nên và nuôi dưỡng đời sống đó, giúp cho dân-tộc trường-tồn từ thời lập-quốc cho đến giai-đoạn tiến bộ ngày nay, đã không được mọi người quan-tâm cho bằng những yếu-tố, những sản-phẩm khác của đời sống. Nói một cách khác, có lẽ người ta chú ý nhiều đến sự đổi thay của một kiểu áo kiểu quần từ bên Tây bên Mỹ xa xôi nào đó hơn là sự tiến bộ của lưỡi cày ; người ta thích tìm tòi và lưu giữ một cách quý-trọng một cái lọ cổ, một chiếc bát xưa của đời Khang-Hi, Càn-Long, Tồn, Hán nào đó hơn là để ý lưu giữ một kiểu gàu tát nước đã mất, một kiểu lưỡi cuốc đã

được dùng nhưng nay không còn, cái tôi lá không đáng trăm bạc nay không còn thích dụng; mặc dù chính những thứ hết sức quê mùa, tầm thường đó đã có công đem lại sự sống và làm cho sự sống của dân-tộc trở thành trường tồn và dễ thờ.

« Có thực mới vực được đạo », ai cũng công nhận chân-lý của câu tục-ngữ xoàng-xĩnh này, nhưng dường như người ta rất dễ quên. Xin hãy lắng lòng một chút, hãy lấy tay che bớt hào quang của những chiến-thắng oai hùng trong lịch-sử của một Lý-Thường-Kiệt, một Trần-Hưng-Đạo, một Quang-Trung v.v... ta sẽ thấy gì? Rõ ràng là nếu không có những con người cần cù bắt chắp nắng lửa mưa dầu, ngày ngày cúi mình trên những cánh đồng loáng nước bùn lầy, nếu không có những dụng cụ tầm-thường như cái cày, cái bừa, cái cối xay, bộ chày cối giã gạo, cái giần, cái sàng, cái nong, cái nia, cái liềm, cái hái v.v... và v.v... thì thử hỏi lấy gì làm nguồn nhiệt-lượng cung cấp cho hàng vạn tinh binh và dũng-tướng, anh hùng kia cầm nổi gươm giáo, mang nổi cung tên, cất nổi bước chân, để chiến thắng vinh-quang trước quân xâm-lăng?

Thế nhưng, cho đến nay, mặc dù trải qua bao triều-đại, bao thế-chế, câu « dĩ nông vi bản » đối với nước ta vẫn còn giá trị lớn, nước ta vẫn không có được một công-trình nào giúp hậu-thế nhìn lại cái quá-khứ nông-nghiệp quan-trọng và vững vàng kia của dân-tộc.

Cách đây non hai năm, người viết

đã thao thức thật nhiều trước một mẩu tin chắc chắn không làm cho ai đề ý hay bận tâm. Trong buổi phát thanh sáng của ngày 4-3-1973, lúc 7 giờ, đài VOA loan một tin như sau: Sở Bảo-tồn Di-tích Lịch-sử Hoa-kỳ quyết định trợ cấp một năm 60.000 đô-la cho vợ chồng tiến-sĩ R... (không rõ viết ra sao) và hai người con... Trợ cấp để làm gì? Thưa, hai vợ chồng ông này đều là sử-gia, chuyên về thời-kỳ Tây-tiến của nước Mỹ. Họ tình-nguyện đến một miền điền-hình của vùng trung-tây để sống lại đời của một nông-dân di khải-hoang của thế-kỷ XVIII. Họ sẽ dựng lại ngôi nhà thô-sơ bằng gỗ của thời đó, mặc y-phục thời đó, ăn thuốc lá, thực phẩm và thức uống của thời đó do họ tự chế lấy bằng những sản-phẩm họ làm ra với những phương-tiện và dụng cụ thời bấy giờ. Tóm lại, du khách tới vùng cư ngụ của hai vợ chồng sử-gia này sẽ được sống lùi lại trên một trăm năm, sẽ chứng kiến một cách sống động cảnh sống điền-hình của tổ-tiên người Mỹ thời lập-quốc. Người dân Hoa-kỳ nào muốn biết quá-khứ tây-tiến thì cứ tới đó, học-giả, sinh-viên muốn nghiên-cứu cho tới ngọn nguồn hãy đến đấy mà sống...

Còn ta? Có lẽ ngoài một Sơn-Nam « lần thân », không mấy ai biết rõ tiền-nhân ta đã chiến-đấu gian-khò với thiên-nhiên và con người, đã sống cam-go và hào-hùng như thế nào, đã hy-sinh ra sao trong công cuộc khai phá miền đất Thủy-Chân-Lạp để ngày nay biến thành Nam-phần trù phú của quốc-gia.

Khi chúng tôi nảy sinh ý-nghĩ cần thiết phải thành-lập một Viện Bảo-tàng Nông, Công và Ngư-nghiệp (1968) và đem bàn với một vài vị lão-thành ở Huế thì các vị này cho biết đó không phải là một ý-kiến mới mẻ, vì « Tây nó đã làm rồi ». Quả là một điều kỳ-lạ và bi-thảm với chúng ta, nhưng đó là sự thực.

Trước năm 1945, Phòng Hỗn-hợp Thương-mãi và Canh-nông Trung-kỳ (Chambre Mixte de Commerce et d'Agriculture de l'Annam) đã phối-hợp với chính-quyền bảo-hộ thiết-lập ở Huế một Viện Bảo-tàng, lấy tên là Musée Économique (Bảo-tàng-viện Kinh-tế). Điều khôi-hài là tất cả những người Việt đi xem Viện Bảo-tàng do Tây-thực-dân lập ra đều lấy làm thích-thú và không ngớt trầm trồ. Không thích-thú và trầm trồ sao được khi họ được thấy tận mắt đủ các loại nông-cụ, đủ các loại tơ nón, đủ các loại sản-phẩm thủ-công-nghệ, đủ các loại nông-phẩm, các loại y-phục, những món giải-trí (các thứ bài bạc, cái đầu-hồ...), những dụng-cụ thường-nhật, được sưu-tập khắp nước, từ Nam chí Bắc, từ đồng-bằng đến cao-nguyên và thượng-du. Tất cả được phân-loại, gọi tên theo thò-ngữ, sắp xếp có hệ-thống, trưng-bày mỹ-thuật, trong mấy gian phòng nay dùng làm Tòa Thượng-thẩm của Pháp-đình Huế. Sau đó, vì cần cơ-sở này, Pháp cho dời vào Điện Khâm-văn trong Đại-Nội, và năm 1946, khi bùng nổ cuộc kháng-chiến, Việt-Minh đã mang đi đâu hay thiếu hủy cùng các cung điện, không ai rõ.

Như chúng tôi đã thưa ở trên,

công việc mà người Pháp đã làm như nói trên quả là một điều bi-thảm và kỳ-lạ đối với chúng ta, ít ra là bề ngoài. Kỳ lạ, vì đang khi người Pháp bận nỗ-lực thi-hành chính-sách thực-dân, khai-thác thuộc-địa để làm giàu chính-quốc, thì họ lại còn có thì giờ nghĩ đến và làm nên chuyện một việc xem ra rất là vô-bồ và không quan-thiết đối với họ và ngay cả đối với một số lớn người Việt đương-thời. Bi-thảm, vì đáng lý người Việt-Nam chúng ta phải nghĩ ra và làm việc đó trước, chứ không phải để cho ngoại-nhân thống-trị đưa ra sáng-kiến và tổ-chức rồi ta thụ-hưởng một cách hồn-nhiên và... không cần bảo-tồn.

Nhà văn Duy-Lam, trong một lần mạn-dàm với chúng tôi, đã không khỏi ngậm-ngùi khi thuật lại câu chuyện ông được một người bạn ngoại-quốc ở Saigon cho xem trọn bộ Phong Họa, Ngày Nay, Văn-Hóa Ngày-Nay đóng gáy da chữ vàng cần thận, chưa kể trọn bộ tiểu-thuyết của Tự-lực Văn-đoàn! Người có chút thao-thức về văn-hóa dân-tộc sẽ còn nhiều dịp ngậm ngùi và đau xót như thế nếu cái đà « mất máu văn-hóa » này tiếp-tục mà không có người có thẩm-quyền chịu khó tìm cho một mũi vitamine K thật mạnh hay làm một cái « ga-rô » cấp-thời.

Vì sao khẩn thiết phải có
một Viện Bảo tàng
Nông, Công, Ngư nghiệp?

Chúng tôi thành thực xin lỗi độc giả là đã than thở hơi nhiều. Thật sự chúng tôi muốn « thắp một ngọn

nền nhỏ», hơn là «ngồi nguyên rửa bóng tối», nhưng có lẽ có thắm thía về sự u-uất của bóng tối rồi mới thấy ánh nền nhỏ là cần thiết. Đề trả lời câu hỏi vừa nêu ra, xin hãy chú ý một chút đến những gì đã, đang và sẽ diễn ra trong đời sống hiện nay của nước ta, của dân-tộc ta :

— Trong lãnh vực nông-nghiệp, việc cơ-giới-hóa đang được khuyến khích mạnh mẽ. Với sự truền-bá sâu rộng, với sự khích-lệ và giúp đỡ của chính phủ, với sự quảng-cáo khéo-léo của các xí-nghiệp kỹ-nghệ ngoại-quốc và trong nước, với kỹ-thuật rao hàng tân-kỳ của các nhà nhập-cảng, nông-dân Việt-nam đã thấy rõ cái lợi của việc cơ-giới-hóa nông-nghiệp. Nên, nếu hoàn-cảnh cho phép, họ không ngần ngại gì mà giã từ phương-tiện canh-tác cũ — vốn đã gắn liền với đời sống của họ và cha ông kể có hàng nghìn năm — để theo phương tiện mới, nhanh chóng, đỡ nhọc sức, năng-suất cao và lợi-tức nhiều hơn. Do đó, hiện nay ở nông-thôn, dần dần chiếc máy cày Kubota, Agrima, Mathchless, International Harvester (IH), John Deer v.v. đang thay thế cho con trâu và cái cày, cái bừa. Cũng thế, ta thấy máy xay lúa thay cho cối xay lúa, cối chày giã gạo, cái nong, cái nia, cái giần, cái sàng ; những máy bơm nước đủ hiệu đủ cỡ thay cho xe đạp nước, guồng nước, gàu sòng, gàu dai v.v. Người nông-dân Việt-nam hiện nay đang tập làm quen và có vẻ ngày một gần gũi hơn với tiếng nổ của động-cơ, với mùi gasoil, ết-xăng, nhớt, mỡ... Ngay hiện nay, khi lẽ lối canh-tác cổ-truyền chưa đi đến chỗ

mất hẳn sau lũy tre xanh (nếu còn được lũy - tre !), nhưng số người thành thị hiện nay chưa biết và chưa thấy cái cày, cái cối xay lúa, cái xe đạp nước v.v. ngang dọc ra sao, không phải là hiếm, nhất là trong lớp tuổi thiếu-niên. Hơn một lần chúng tôi đã thử làm một cuộc trắc-nghiệm bỏ túi khi nói chuyện với một tổ-chức thiếu-niên thành phố : để đáp lại câu hỏi có em nào đã thấy cái cối xay lúa ở nhà quê, thì chỉ có 14 trong số trên 60 em hiện diện đưa tay. Và để làm cho các em không đưa tay có ý-niệm về dụng-cụ gọi là «cối xay lúa» thì chúng tôi vừa phải định-nghĩa, vừa giải-thích cách chế-tạo, cách sử-dụng, kèm theo hình vẽ trên bảng đen !

Quê tôi, vốn không phải là một nơi đất đai màu mỡ, thế nhưng hồi ấu thơ, tôi đã biết mặt và biết tên ít nhất là bốn ông thợ đóng và chữa cối xay hay có mặt trong làng, và nhà nào có chừng 5 sào ruộng trở lên là có cối xay lúa và cối chày giã gạo trong nhà. Thế nhưng hiện nay, trong một dịp thăm quê, tôi không thấy một cái cối xay lúa nào cả. Chả là trong làng có hai nhà máy xay lúa bỏ túi : một thúng lúa xay mất không đầy 10 phút, giá 30đ., khỏe quá, để cối xay làm gì cho chật nhà. Còn gàu sòng, gàu dai cũng mất tiêu luôn vì đã có máy bơm nước của riêng mỗi nhà hay của tổ-hợp.

Nếu chúng ta không mau mau sưu-tập và bảo-tồn những dụng-cụ nông-nghiệp tầm-thường nhưng có công-năng làm nên đời sống mấy ngàn năm đó, thì tôi tin rằng chỉ chừng

(xem tiếp trang 77)

Thực trạng mua bán chiến cụ trên thế giới ngày nay

Vũ khí giết người, từ khẩu súng lục tới những chiến xa, máy bay phóng pháo không thấy bày bán trong một siêu-thị như cân đường, mớ rau, trái cam, trái táo nên ta không cảm thấy nó là một «nhu yếu phẩm», một món hàng tiêu thụ tốn kém tiền bạc.

Những vũ khí mua bán trao đổi được đưa thẳng từ người bán tới người mua không phô trương nên ta không thấy tầm mức quan trọng của nó.

Nhưng ta hãy đọc thử vài giòng tin tức vụn vặt sau đây :

* Ai-cập bắt đầu nhận những chiếc phản lực cơ Mig 23 đầu tiên trong số 50 chiếc họ đặt mua của Nga-sô. Ai-cập cũng đang điều đình mua 44 phản lực cơ Mirage của Pháp trị giá lối 264 triệu đô la (trong bài này những số tiền ở các đoạn dưới đều tính bằng Mỹ-kim).

* Tây-ban-nha đang mua phản lực cơ F-4 bay nhanh gấp hai lần âm thanh và phi cơ Phantom của Mỹ trị giá trên 200 triệu.

* Éthiopie đang khẩn cấp yêu cầu Mỹ bán cho họ lối 30 triệu vũ khí nhẹ và đạn dược để đối phó với quân ly khai tỉnh Eritrea được Si-ry và Algeria giúp đỡ.

* Hồi-quốc có thể mua máy bay,

hỏa tiễn của Mỹ trị giá 50 triệu sau khi Mỹ vừa hủy bỏ lệnh cấm bán vũ khí cho Hồi để đòi lấy việc đặt một căn cứ hải quân tại Gwador.

* Kuwait tuy đã mua chiến xa của Anh nhưng vẫn mua thêm máy bay A-4 Skyhawk và hỏa tiễn Hawk của Hoa-kỳ 300 triệu.

* Ba-tư cho đến nay là nước mua nhiều chiến cụ nhất thế giới đang mua thêm 6 tuần-dương-hạm Spruance của Mỹ với giá 110 triệu mỗi chiếc.

Những tin tức về thị-trường chiến cụ vừa kể trên chỉ là những sự việc xảy ra trong vòng hai tuần lễ trong tháng 2-75

oOo

Dịch-vụ mua bán vũ khí trên thế-giới hiện nay đã phá bỏ những nguyên-tắc thông lệ trước đây. Các tay lái súng bán lung tung, bán cho tất cả mọi nước để chém giết lẫn nhau.

Trước đây những nước sản xuất vũ khí thường chỉ bán những loại cũ, loại dùng dở dang, hay đã lỗi thời. Ngày nay, Nga - xô đã bán loại máy bay Mig 23 tối tân nhất cho Si-Ry và Ai-cập trong khi chính các nước cộng-sản trong Minh Ước Varsovie

chưa được sử dụng loại máy bay này. Hoa kỳ thì đã cho phép xuất cảng hỏa tiễn chống chiến xa Tow một loại hữu hiệu nhất hiện nay cho Do Thái, Việt-nam, Li-Băng và Jordanie

Những vũ khí thường bán ra cho các nước bạn rồi giữa các nước bạn này dùng vũ khí để trở thành thù. Trong trận chiến tranh Ấn Hồi năm 1965 cả hai nước đều sử dụng chiến cụ Mỹ. Khi Thổ và Hy-lạp đụng độ nhau trên đảo Chypre năm vừa qua cũng đều dùng chiến cụ do Hoa-kỳ cung cấp nhân danh Minh Ước Bắc Đại-tây-dương. Đến nỗi Thổ Nhĩ-Kỳ đã phóng hỏa tiễn đánh chìm chính chiến hạm Thổ vì tưởng là của Hy bởi hai bên cùng xài tàu Mỹ hình dáng giống nhau như hệt.

Hiện nay Hoa-kỳ đang cung cấp vũ khí cho một vài nước Ả-Rập và cho cả Do-thái. Như vậy nếu trong tương lai chiến tranh Trung Đông tái phát súng Mỹ sẽ so tài cùng súng Mỹ.

Tại Tây-phương đa số chiến cụ đều do các hãng tư nhân sản xuất nhưng thực ra việc bán các vũ khí đều được chính quyền gián tiếp hay trực tiếp giúp đỡ. Tòa Bạch-ốc và Bộ Thương-mại Hoa-kỳ đã từng gọi cổ vắn sang cuộc triển lãm hàng-không tại Ba-lê. Tại Pháp ai cũng biết nhân vật then chốt trong việc bán vũ khí Pháp sản xuất không ai khác hơn là Tướng Không-quân Hugues de l'Étoile. Lúc nào cũng vận thường phục, ông chu du thế giới để tìm mỗi bán hàng. Thường thường

các tùy viên quân sự tại các sứ quán được lãnh thêm nhiệm vụ mỗi lái bán vũ khí cho quốc gia họ.

Chính phủ các nước sản xuất vũ khí còn giúp đỡ các hãng sản xuất vũ khí quảng cáo hàng bằng nhiều cách khác như Anh quốc biến thương thuyền *Liberty* thành tàu triển lãm chiến cụ đi khắp thế giới. Pháp mở phòng triển lãm chiến cụ thường xuyên ở Satory gần Versailles. Hoa-kỳ cho phép các căn cứ lực quân và không quân của họ bày và biểu diễn các vũ khí cho người ngoại quốc coi.

Các nước cũng cạnh tranh nhau trong việc bán khí giới giết người bằng cách hạ giá hàng như trường-hợp Liên Xô đã cướp mỗi của Pháp khi bán cho Maroc (cựu thuộc địa của Pháp) máy bay Mig với mức lời 3% trả làm 17 năm trong khi Pháp đòi Maroc trả trong 12 năm và phải chịu lời 7%.

Hiện nay Hoa-kỳ vẫn là quốc gia hàng đầu về việc cung cấp chiến cụ với 86 tỷ kể từ 1950. Riêng năm 1974 Hoa-kỳ cho phép các hãng vũ khí bán ra cho 136 quốc gia khác nhau tổng số thầu lên tới 8,3 tỷ Mỹ kim. Những chiến cụ này gồm có súng trường cho Guatemala, Paraguay phản-lực-cơ cho Tây Đức và Ba-tây, hỏa tiễn Sidewinder cho Ý và Nam Hàn, thiết vận xa cho Jordanie và Na-uy, trực thăng Chinook cho Ba-tư, Tây-ban-nha và Việt-nam, vũ khí nhẹ cho Phi-luật-tân và vận tải cơ C. 130 cho Thụy điển, Congo.

Liên-sô đứng hàng nhì, sau Mỹ, với số thu 39 tỷ từ 1950 và 5,5 tỷ

riêng cho năm 1974. Năm qua, Liên xô xuất cảng 400 phi cơ siêu thanh trong khi Mỹ chỉ bán ra có 325 chiếc nhưng trên lãnh vực trực thăng và chiến xa Mỹ dẫn đầu với 100 trực thăng và 1.177 chiến xa.

Tuy nhiên một vài thứ vũ khí của Nga rất được các nước trong khối thứ ba ưa chuộng như phi cơ Mig, súng A.K. 47.

Gần đây Nga đã bán cho Pérou phi cơ Mig 21 với giá rẻ hơn loại phi cơ Mỹ có giá trị tương đương là F. 5 (giá 2 triệu đô la).

Nhưng mua vũ khí Nga có một bất tiện nhỏ là khi hư hỏng rất khó mua bộ phận thay thế. Chính Ai-cập đã rút tĩa được kinh nghiệm này. (Phải chi Ai-cập ngoan ngoãn nghe theo Nga thì đã có phụ-tùng ngay).

oOo

Tại Âu-châu trừ Nga, Anh và Pháp từ lâu nay vẫn được coi là đứng hàng thứ ba về sản xuất vũ khí bán cho vùng Trung Đông, Nam Mỹ và các cựu-thuộc-địa của họ ở châu Phi.

Năm 1974 Pháp đã vượt Anh khi bán được 3 tỷ vũ khí cho khoảng 80 quốc gia từ tiếm-thủy-đỉnh cho Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha, Hồi-quốc và Nam Phi, tới đao găm cho cảm-tử-quân Tunisie.

Hàng Pháp được ưa chuộng gồm có phản-lực-cơ Mirage, chiến xa AMX, trực thăng Alouette và hỏa tiễn vô tuyến điều khiển Exocet.

Nước Anh ngày nay không còn

là nước cung cấp vũ khí nhiều cho Liên-Hiệp-Anh và cũng không còn là nước có nhiều vũ khí cũ dư dưng đem bán như khi Thế-chiến 2 vừa chấm dứt. Khi đó Anh-quốc là quốc-gia xuất cảng vũ khí đứng hàng nhì của Tây-phương. Tuy nhiên năm 1974 Anh cũng bán được 1,5 tỷ vũ khí cho châu Mỹ la-tinh (tàu ngầm và tiêu đỉnh) và Ba-tur (chiến-xa Chieftain và Scorpion) v.v...

Ngoài 4 nước kể trên nhiều quốc-gia kỹ-nghệ khác cũng có vũ khí xuất cảng hàng năm như :

* Ý-đại-lợi xuất cảng 240 triệu trong năm qua gồm có trực-thăng cho Ba-tur, chiến xa cho Hồi-quốc máy bay cho Zambia và Nam Phi. Súng lục Beretta là loại súng gián-điệp được cả thế-giới ưa chuộng.

* Tây-Đức bị cấm sản xuất vũ khí từ năm 1955 và chính họ cũng tự nguyện không tham-gia các dịch-vụ mua, bán vũ khí. Tuy thế một hãng tàu vẫn chế tạo loại tàu đặc biệt bán cho châu Mỹ la-tinh mà người ta biết đó là tàu ngầm trong khi công ty quốc danh Fritz Werner xuất cảng nguyên con những nhà máy tiền chế sản xuất đạn dược. Chiến xa Leopard của Đức tiến bộ đến nỗi chính Hoa-kỳ đã phải thử với loại chiến xa của các hãng General Motors, Chrysler đề quyết định nên lựa chọn loại nào cho quân lực Mỹ trong tương lai.

* Thụy-điền và Thụy-sĩ, hai nước nhỏ tưởng như không chế được chiến

cụ nhưng thực ra cũng là những quốc gia có chiến cụ bán ra. Muốn giữ tiếng chủ trương trung-lập, hai nước này cấm bán vũ khí cho các nước có chiến tranh hoặc các vùng căng thẳng. Vậy mà hàng năm hai nước này cũng thu về khoảng 75 triệu tiền bán vũ khí. Thụy-điển nổi tiếng với loại phản lực cơ Draken mà Đan-mạch và Phần-lan đang sử dụng. Thụy-điển cũng hy vọng sẽ bán cho khối Minh-ước Bắc Đại-tây-dương loại phi cơ siêu thanh Viggen bay nhanh gấp hai lần tiếng động. Thụy-sĩ chuyên chế tạo đại bác phòng không bán cho Tây Đức, Bỉ và Hòa-lan.

* Gia-nã-đại hàng năm kiếm được 100 triệu nhờ chế tạo phi cơ chiến đấu và vận tải theo mẫu của Mỹ để vừa cho bán Hoa-kỳ vừa bán cho Khối Minh Ước Bắc Đ.T.D.

* Do-thái sản xuất vũ khí chỉ để dùng cho nhu-cầu quốc phòng trong nước. Tuy thế vì cần tiền nên năm qua, Do cũng bán ra lối 50 triệu. Trong 20 năm gần đây Do bán cho một vụ Hoa-kỳ và 50 quốc gia khác 300.000 khẩu tiểu liên Uzi. Máy bay nhỏ cất và hạ cánh trên phi đạo ngắn Arava được Nicaragua và Mễ-tây-cơ đặt mua. Hòa tiền bán tàu thủy Gabriel của Do-thái chế-tạo bán các tiểu đỉnh Nga do Ai-cập sử dụng trong trận chiến tranh 10-73 hữu hiệu đến nỗi hải-quân Mỹ phải ngợi khen.

Các nước Cộng sản thường giữ bí mật việc xuất cảng chiến cụ nhưng Ngũ-giác-đài tin rằng Trung Cộng cung cấp Mig 21 với sách dạy sử dụng bằng Hoa-ngữ cho Bắc-Việt,

Bắc-Hàn, Hồi-quốc, Tiệp-khắc, nổi tiếng với súng Bren và đại bác bác Skoda Works là quốc-gia bán súng hàng nhì sau Anh-quốc trong thập niên 1930 nhưng nay đã sụt hạng. Tiệp cũng được coi như nước trung gian đề Nga-sô cung cấp vũ-khí cho Ai-cập năm 1955, năm đầu tiên mà vũ khí cộng-sản bắt đầu xâm nhập Trung Đông.

Những nước xưa nay tưởng như chỉ biết mua vũ khí mà cũng có vũ khí bán ra. Như trường hợp Ấn bán súng trường cho Tanzania, Jordanle bán xe tăng cũ của Anh cho Nam Phi với số lộ trình chuyên chở ghi là *máy ủi đất*.

Buôn bán chiến cụ được nhiều người ưa thích vì nhiều lý do. Lý do thứ nhất là kiếm được ngoại tệ mau chóng, nhiều và hàng tốt thì bán độc quyền. Người ta đã tính bán được một chiếc phản-lực-cơ sẽ thu vào một số ngoại-tệ tương đương với bán 1.000 chiếc xe hơi du-lịch.

Một lý do khác khiến Nga và Mỹ phải đưa chiến cụ ra ngoại quốc là để được quyền đặt các căn cứ quân sự trên lãnh thổ quốc-gia nhận vũ khí. Nga được phép sử dụng nhiều căn cứ không quân ở Somalia và Yemen chính vì Nga đã cung cấp chiến cụ cho hai quốc-gia này. Mỹ được dễ dàng tại Thái-lan hay Tây-ban-nha chính cũng vì lý do đó.

Bán vũ khí cho ngoại quốc cũng là một phương thức để nuôi dưỡng kỹ-nghệ quốc-phòng trong nước. Bán được nhiều thì mới có phương tiện tìm tòi thí nghiệm các loại chiến cụ mới. Ví dụ trường hợp nước Pháp nếu hãng Dassault Bréguet không kiếm

lời được bằng số lượng khổng lồ, máy bay bán cho nước ngoài thì họ không thể nào sản xuất được các loại Mirage giá hạ cho quân đội Pháp.

Về việc mua chiến cụ vùng phi cũng có những trường hợp đáng ghi nhận tại các quốc gia mới giàu nhờ nhiên liệu nhất là Ba-tư. Ba-tư giàu nhờ trời cho, nhiều tiền không biết dùng vào việc gì nên đặt mua chiến cụ quá mức cần dùng. (Năm vừa qua các nước trong vịnh Ba-tư kiếm lời 56 tỉ Mỹ-kim nhờ bán dầu). Một nước không phải là kỹ nghệ như Ba-tư mà nay quân lực họ đã có tới nhiều loại phản-lực-cơ do Mỹ chế tạo, có trên 3000 thiết giáp xa, trên 1000 trực thăng, 40 chiến hạm có những chiếc được trang bị hỏa tiễn tối tân v.v...

Thừa tiền Ba-tư cứ mua mãi, và khi có loại vũ khí mới chắc Ba-tư sẽ mua thêm để sa thải loại cũ để xảy ra trường hợp tức cười như những chiến xa của Tổng Thống Amin Dada.

Năm 1971 tướng Amin Dada sử dụng năm chiến xa Sherman của quân đội Uganda để đảo chính lật đổ Tổng Thống Milton Obote và ông lên kế vị. Năm chiến xa này nguyên là của Mỹ chuyển cho Mạc-tư-khoa theo tinh thần đạo luật chuyển nhượng chiến cụ cho đồng-minh được Quốc-hội Mỹ thông qua năm 1941. Sau đó Nga chuyển 5 chiến xa nói trên cho Ai-cập. Năm 1967, Ai-cập thất trận và 5 chiến xa trên bị Do-thái tịch thu. Do-thái sửa chữa lại và tặng cho Uganda trong một chương-trình viện-trợ quân sự và rồi tướng Amin Dada đã sử dụng những chiến xa này để lên ngôi Tổng-Thống 4 năm nay, nổi tiếng thế giới về những lộng ngôn và hành động kỳ dị của ông ta.

oOo

Chưa có một đạo luật hay quyền lực quốc tế nào cấm một quốc-gia bán chiến cụ hay cấm một quốc gia

có tiền mà không được mua chiến cụ. Việc mua bán, nếu trước đây chỉ giới-hạn trong những vũ khí cổ-diễn thì bây giờ đã có chiều thay đổi.

Đã kích thích sách « bán vũ khí cho bất cứ ai và bất cứ loại nào » của nước Pháp, ông Jean Jacques Servan Schreiber, lãnh tụ đảng Cấp-tiến và Chủ-nhiệm tuần báo *Express* đã báo động rằng ngày mà Pháp bán vũ khí nguyên-tử giết người không còn xa.

Trên thực tế chính Nga và Mỹ hiện nay đã cung cấp máy bay và hỏa tiễn có thể chở hay gắn đầu đạn nguyên-tử cho nhiều quốc-gia đồng-minh của họ từ lâu rồi.

Để bênh vực cho việc bán chiến cụ người ta đã dẫn chứng rằng khu vực mua nhiều vũ khí nhất trong những năm qua không phải là Đông-Dương hay Trung Đông mà là các quốc-gia kỹ-nghệ Tây-Âu, vậy mà Tây-Âu sống hòa bình trong ngót ba mươi năm rồi trong lúc Đông-Dương và Trung Đông mịt mù khói lửa. Họ cũng nói rằng chiến tranh tàn bạo không nhất thiết phải có vũ khí tối tân nếu căn cứ vào những trận chiến tranh khốc liệt đã ghi trong Thế-giới-sử như trận chiến tranh 30 năm tại Âu-châu hồi thế kỷ thứ 17, trận nội chiến Nam-Bắc Mỹ hay Thế-chiến thứ nhất 1914-1918.

Nhưng dù lý luận thế nào chẳng nữa họ cũng không thể phủ nhận sự thực khi có vũ khí trong tay con người dễ trở nên hung hãn, độc đoán. Và với cái đà mua bán vũ khí tự do, đi tới mỗi người, mỗi nhà đều có vũ khí thì dù không có chiến tranh thế giới, không có chiến tranh cục bộ nhưng những cuộc thanh toán nhau trong các quán bia ôm, thanh toán nhau vì xe buýt, thanh toán các ngõ hẻm hay thanh toán kiểu Mafia sẽ gia tăng đáng kể trong cái xã hội ngọt ngạt khói lửa... thời bình.

ĐẶNG TRẦN HUÂN

(viết theo báo *Time* 3 và 10-3-1975)

Diễn tiến từ Đại-hội Đảng tới Đại-hội Nhân-dân ở Hoa-lục

Nỗ lực chung của những người lãnh đạo Hoa-lục trong mặt kỳ của giai đoạn Mao Trạch Đông hiện nay là ổn định lại guồng máy lãnh đạo Đảng và guồng máy quản trị Nhà nước để đối phó với giai đoạn hậu Mao sắp tới—giai đoạn có thể mở đầu bằng sự rạn nứt toàn diện nền tảng thống nhất của Hoa-lục. Nỗ lực này đã được thể hiện công khai trong hai Đại-hội tại Bắc-kinh gần đây ; Đại-hội Đại-biểu toàn quốc lần thứ 10 của Đảng Cộng-sản được triệu tập từ 24 đến 28-8-1973 và Hội-nghị lần thứ nhất Đại-hội Đại-biểu Nhân-dân toàn-quốc khóa 4, được triệu tập từ 13 đến 17-1-1975.

Đại-hội sau chỉ là hệ-quả của Đại-hội trước, do đó muốn hiểu rõ hơn những gì đang xảy ra ở Hoa-lục, tưởng cũng nên nhìn qua lại những diễn tiến từ Đại-hội trước tới nay.

Trong hệ thống tổ chức các đảng Cộng-sản, cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại-hội Đại-biểu toàn-quốc. Đại-hội Đại-biểu toàn-quốc của Đảng đề ra đường lối và kế hoạch hoạt động, và bầu ra Ban Chấp-hành Trung-ương để lãnh đạo Đảng thi hành kế-hoạch ấy. Do đó, Đại-hội 10 của Cộng-sản Trung-quốc đã bầu ra Ban Chấp-hành khóa 10. Ngày 30-8-1973, Ban Chấp-hành khóa 10 họp hội-nghị toàn thể lần thứ nhất và bầu ra Bộ Chính-trị Trung-ương (21 ủy-viên chính thức và 4 ủy-viên dự khuyết) ; rồi sau đó lại bầu, trong số các ủy-viên Bộ Chính-trị, ra một Chủ-tịch, 5 Phó Chủ-tịch Ban Chấp-hành và 9 ủy-viên Ủy-ban thường-vụ. Bộ Chính-trị là cơ cấu thu hẹp nhất trong việc lãnh đạo đảng : chính các ủy-viên Bộ Chính-trị mới thực-sự là những người cầm đầu Hoa-lục, dù những người này có nắm giữ các chức vụ chính quyền hay không.

Nghị-quyết của Đại-hội 10 đã quy định việc tổ chức bầu cử Đại-hội Đại-biểu Nhân-dân toàn-quốc khóa 4. Đại-hội Nhân-dân khóa 3 đã ngưng họp cách đây 10 năm. Trong suốt thời gian này, Hoa-lục luôn luôn ở trong tình trạng xáo trộn vì việc tranh chấp quyền hành để thực hiện đường lối riêng của các phe nhóm. Mặc dầu Đại-hội Nhân-dân chỉ là con dấu dùng để đóng nhận « dân-chủ nhân-dân » lên cơ-cấu chính-trị Hoa-lục, nhưng quyết định tái tổ chức Đại-hội cũng biểu lộ sự ổn định nội tình giới lãnh-đạo cộng-sản, ít ra là trong lúc này.

Thi hành nghị-quyết của Đại-hội Đảng, Ban Chấp-hành Trung-ương đã đề cử các ủy viên thường vụ Bộ Chính-trị đặc trách từng công tác sau : Chu Ân Lai tiến hành việc chỉnh đốn guồng máy chính quyền. Trương Xuân Kiêu thu thập ý kiến đảng bộ các cấp để soạn bản dự thảo

hiến-pháp mới, Chu Đức don đốc công việc bầu cử đại biểu nhân dân ở các địa phương và trong quân đội.

Về việc cải tổ Quốc-vụ-viện (Chính phủ trung-ương), Chu Ân Lai đã có nỗ lực bỏ khuyết các chức vụ Bộ-trưởng sau cuộc thanh trừng phe Lâm Bưu. Những nha sở đã điều hành với tính cách độc-lập vì không có Bộ-trưởng, dần dần được qui tụ lại như trường hợp Bộ Bưu-diện, hoặc được phát triển thành nhiều Bộ mới như trường hợp Bộ Công-nghiệp Cơ-khí. Chính những quyết định thay đổi có tính cách khá độc đoán của Chu đã làm cho phe tả trong đảng khai thác bằng cách đầy mạnh hơn tuyên truyền chống Chu. Tới tháng 5-1974, Chu đã vào dưỡng đường để điều trị « bệnh tim »; đây cũng là một cách làm mất đối tượng tấn công của phe tả. Dù sao, hai Phó Thủ-tướng Đặng Tiểu Bình và Lý Tiên Niệm tiếp tục công tác chính đốn guồng máy chính quyền cũng đã đi theo đúng đường lối Chu đã vạch.

Công tác sửa hiến-pháp của Trương Xuân Kiều có vẻ dễ dàng hơn, vì đây cũng là công tác của nhóm điều hành nội-vụ Đảng. Trước Đại-hội 10, chính nhóm này đã đứng ra thu thập ý kiến toàn đảng để lập điều-lệ mới dưới sự phụ trách của Vương Hồng Văn. Còn về phần Chu Đức, việc tổ chức và điều hành Đại-hội Đại-biểu Nhân-dân cũng như Ủy-ban Thường-vụ Đại-hội vốn là việc cũ hời 10 năm trước, nên Chu đã có những thuận

lợi đặc biệt khi tiến hành công tác. Ngoài ra còn một công việc chung của Quốc-vụ-viện là soạn thảo báo cáo công tác chính phủ để đưa ra quan-điểm chính thức về những diễn biến từ hội-nghị chót của Đại-hội Nhân-dân khóa 3 (1964) đến nay và đề ra những nhiệm vụ mới. Đây chỉ là công tác mô phỏng, vì mọi điều trên đã được nêu lên trong báo cáo chính trị của Đại-hội Đảng lần thứ 10.

Tới cuối 1974 thì công việc chuẩn bị đã hoàn tất, tuy nhiên Bộ Chính-trị không thể tự đứng ra chỉ phối Đại-hội Nhân-dân đề thông qua các dự-án; công việc này đòi hỏi phải có nghị-quyết của hội-nghị toàn thể Ban Chấp-hành Trung-ương. Tưởng cần mở một dấu ngoặc ở đây để nói thêm rằng hội-nghị của Cộng-sản được triệu tập chỉ để thông qua dự-thảo nghị-quyết, chứ không phải để thảo luận và soạn nghị-quyết. Tiến trình bàn thảo luôn luôn đi trước hội-nghị để tránh những quyết định hồ đồ và nhất là sự tranh chấp lộ liễu; nếu còn bất đồng thì phải giải quyết cho xong trong phiên dự bị tiền-hội-nghị; chỉ khi mọi vấn đề dự liệu đã được tất cả đồng ý thì hội-nghị chính thức mới được tổ chức để biểu quyết lấy ý kiến thuận của toàn thể (1).

Việc tổ chức Đại-hội Nhân-dân vừa qua có một điều trực trặc rất rõ là trong khi các đại biểu nhân dân đã

(1) Dĩ nhiên không kể những biệt lệ đã có trong quá-trình sinh-hoạt của các đảng Cộng-sản.

dự phiên dự bị từ 5-1-1975 mà hội nghị toàn-thể lần thứ 2 của Ban Chấp-hành vẫn chưa khởi họp. Mãi tới 8-1, Ban Chấp-hành mới họp và 2 ngày sau mới phổ biến nghị-quyết chấp thuận: bản dự-thảo tân hiến-pháp, bản báo cáo công tác chính-phủ, bản danh sách các nhân viên công tác lãnh đạo Nhà nước, và đặc biệt đã bầu Đặng Tiểu Bình, ủy viên Ban Chấp-hành, vào Bộ Chính-trị với tư cách ủy viên thường vụ Bộ Chính-trị và Phó Chủ-tịch Ban Chấp-hành. Từ 5-1, dù nghị quyết của Ban Chấp-hành chưa ra, nhưng hai bản dự thảo tân hiến-pháp và báo cáo công tác chính phủ cũng đã được phổ biến rộng rãi cho các đại biểu nhân dân đề nghị nghiên cứu trước. Như vậy, rõ ràng lý do sự trì hoãn hội nghị Ban Chấp-hành chỉ ở vấn đề nhân sự. Trong việc sắp xếp nhân sự, có thể có những đề nghị đổi thay thêm bớt vào phút chót trên danh sách nhân viên công tác lãnh đạo nhà nước (2); nhưng có lẽ điều khác thường hơn cả là việc Đặng Tiểu Bình được phục hồi vị thế cao trong đảng (3), và chính điều này đã gây ra bất đồng ý kiến nên Bộ Chính-trị phải trì hoãn để có thì giờ đã thông với nhau.

Vì nghị-quyết của Ban Chấp-hành đã được thông qua và phổ biến, nên phiên họp dự bị của các đại biểu nhân dân cũng được chấm dứt ngay ngày hôm sau, 11-1-75. Ngày 13-1 hội nghị lần thứ nhất của Đại-hội Nhân dân khóa 4 đã khai mạc dưới sự điều khiển của 23 Chủ-tịch thường trực qui tụ chung quanh Chu

Đức trong một Chủ-tịch-đoàn đông đảo gồm 218 đại biểu.

Trước Đại-hội, toàn quốc đã bầu 2885 đại biểu, số về dự hội là 2884 người. Thành phần Đại-hội được ghi nhận đông đảo nhất là công nhân (72%), rồi tới nông dân, quân đội, đại biểu 54 dân tộc thiểu số, đặc biệt còn có đại biểu tỉnh Đài loan (12 người) và Hoa kiều ở hải ngoại (?).

Trong quá trình hội nghị, Trương Xuân Kiêu đã thay mặt Ban Chấp-hành Trung-ương đọc báo cáo về sửa đổi hiến-pháp, còn Chu Ân Lai đã thay mặt Quốc-vụ-viện đọc báo cáo công tác chính phủ.

Ngày 17-1-1975 Đại-hội Nhân-dân đã bế mạc. Nhìn một cách tổng quát đặc sản của Đại-hội Đảng lần thứ 10 là bản điều-lệ mới của Đảng, đặc sản của Đại-hội Nhân-dân khóa 4 là bản hiến-pháp mới, sản phẩm chung của hai Đại-hội là quan-diêm được

(2) Cụ thể là danh sách nhân viên Quốc-vụ-viện và danh sách ủy viên Ủy-ban Thường-vụ Đại-hội Đại-biểu Nhân-dân toàn-quốc. Quốc-vụ-viện gồm có Thủ-tướng (Chu Ân Lai), 12 Phó Thủ tướng (trong số có 3 người kiêm Bộ trưởng hoặc Chủ nhiệm Ủy-ban), 26 Bộ trưởng và 3 Chủ nhiệm Ủy-ban (tương đương Bộ trưởng). Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân đứng đầu bởi một Ủy-viên-trưởng (Chu Đức) và 22 Phó Ủy-viên-trưởng.

(3) Trước cuộc Cách mạng Văn hóa, Đặng Tiểu Bình là ủy-viên thường-trực Bộ Chính-trị, Tổng Bí-thư Ban Chấp-hành Trung-ương và Phó Thủ-tướng. Trong cuộc Cách mạng Văn-hóa, Đặng bị lột hết chức tước; trong Đại hội Đảng lần thứ 3 năm 1973, được tái cử vào Ban Chấp-hành Trung-ương với tư cách ủy-viên-thường.

qui định rõ rệt về những diễn biến đã xảy ra và đường lối dự - phóng cho tương-lai biểu lộ qua hai báo-cáo đều do Chu Ân Lai đọc. Tất cả những kết quả này cũng mang một tác dụng : thiết định những nguyên-tắc pháp-lý mới cho mọi sinh hoạt của Đảng và quốc dân hầu ổn định cơ-chế, ổn định nhân-tâm trước một tình huống nguy hiểm đang gần kề — tình huống của một nước Trung-Hoa không có Mao !

Chính Mao cũng đã ý-thức được điều đó và kể từ sau Đại-hội 10 (8-1973), Mao đành phải thuận tình với các đồng chí lãnh đạo khác trong Đảng của mình, là tự làm biến đổi hình ảnh một Mao lãnh tụ đầy quyền

uy để thay vào đó hình ảnh một Mao, nhà tư-tưởng. Quyền uy thì sẽ mất đi cùng với xác thân, chỉ có tư-tưởng là còn lại mãi. Cho nên, trong khi 19 ủy viên Bộ Chính-trị, tượng trưng cho uy quyền tuyệt đối của Hoa-lục - choán dài hàng ghế đầu của Đài Chủ-tịch trước Đại-hội Nhân-dân ở Bắc-kinh thì có 2 ủy-viên tạm lánh « chốn lao xao » rút về nơi yên tĩnh ở tỉnh lẻ : đó là Mao Trạch Đông và đồ đệ tâm phúc Uông Đông Hưng (4) của Mao.

PHẠM VIỆT CHÂU

(1) Uông hiện là trưởng toán cận vệ của Mao và cũng là một ủy viên Bộ Chính-trị trong Ban Chấp-hành khóa 10.



Vai trò *Nông cổ Mìn* đàm trong phong trào Duy-tân miền Nam

Năm 1907, phong trào Duy tân rầm rộ từ Nam chí Bắc. Tại Hà nội, trường Đông-kinh Nghĩa thực được thành lập. Tại miền Trung, cứ điếm của phong trào là Quảng Nam. Riêng tại miền Nam, phong trào Duy tân mang nhiều sắc thái đặc thù. Cơ quan ngôn luận chánh thức của phong trào Duy tân tại miền Nam trước là tờ *Nông-cổ Mìn-đàm*, kể đến tờ *Lục-tĩnh tân-văn*.

Theo luật lệ báo chí hồi ấy, người Pháp dễ dàng ra báo hơn người bản xứ. Nhờ đó, ông Canavaggio đứng tên chủ nhân tờ N.C.M.Đ. Với bộ N.C.M.Đ từ số 154 ngày 25-8-1904 đến số 257 ngày 30-10-1906 mà chúng tôi tham khảo thì Chủ bút là ông Lương Khắc Ninh tự Dũ Thúc.

Đến số 260 ngày 9-10-1906, Gilbert Chiếu đứng làm Chủ bút. Dựa vào một số bài báo trong các bộ N.C.M.Đ. 1906, 1907 và 1908 thì Gilbert Chiếu đã mượn măng sết của ông Canavaggio. Nhờ đó, Gilbert Chiếu tự quyền quyết định mọi vấn đề trong tòa báo. Với tài quán xuyến của ông, tờ N.C.M.Đ khởi sắc từ hình thức tới nội dung.

Đầu năm 1908, phong trào Duy tân tại miền Nam lên quá cao với số người thật đông đảo, cồ xúy việc

lập thương hội do Gilbert Chiếu đề xướng và đứng ra cai quản. Kể từ số 341 N.C.M.Đ. ngày 26-5-1908, ông Canavaggio có lẽ bị áp lực của nhà cầm quyền thực dân, lấy lại tờ báo và giao cho ông Lê-văn-Trung, Hội-đồng quản hạt, làm Chủ-bút.

Với 81 số báo từ số 260 đến số 341, Gilbert Chiếu đã biến tờ N.C.M.Đ. thành diễn đàn chung của các thức giả trong Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử báo chí nước nhà, đông đảo quần chúng tích cực tham gia vào mặt trận báo chí đề cồ xúy Duy tân, chống lại chánh quyền thuộc địa, chống lại những hình thức nô dịch từ nô dịch kinh tế đến nô dịch văn hóa. Với chủ bút Gilbert Chiếu, tờ N.C.M.Đ. mở đường cho lẽ lối làm báo theo kiểu Tây-phương : tờ báo của mọi người, của mọi gia đình với nhiều tiết mục nhưng chung qui đều hướng về công cuộc duy tân xứ sở, tạo thế đứng cho cơ sở kinh tài do người Việt chủ xướng và đặt lại vấn đề chủ quyền của con người V.N. trên chính phần đất quê hương. Đặc biệt nhứt, các nhà Nho trong Nam đã tự nguyện từ bỏ bút lông, cầm lấy bút sắt, viết quốc ngữ, cồ xúy tân học trên tờ N.C.M.Đ. xuất bản đều đặn mỗi ngày thứ ba trong suốt thời gian Gilbert Chiếu làm chủ bút.

*Từ Minh tân công ty, Minh tân công nghệ
đến Minh tân khách sạn*

Bài báo ảnh hưởng mạnh mẽ đến quần chúng hồi ấy trong việc cổ xúy Duy tân là bài *Duy-Tân Công-ty* đăng trong N.C.M.B. số 303 ngày 13-7-1907. Tác giả bài báo này là Trần-Chánh-Chiếu. Mở đầu, tác giả viết :

« Sự đổi dân thì Thánh nhưn ngài đã dạy khi ngày còn sanh tiền : Đại học chỉ đạo, tại minh minh đức, tại tân dân...

« Ấy vậy từ ngày vua Sĩ vương đến hóa dân thành tục nước Nam-việt, những nhà Nho gia coi lại thì hay tàn ần và hay noi điều hủ lậu chẳng có mấy múng nào tác tân dân ! »

Tác giả cho biết ông được sang Tàu và nhìn thấy tình hình Duy tân bên ấy :

« Người thì ngồi trong phố rộng dệt bố tơ, làm pha ly, làm lược, làm cà rá, hoa tai. kẻ lo đóng giấy, làm hia làm mũ, làm kiến, làm đèn, làm rương, làm thùng, làm đủ các thứ vật dụng đăng gởi qua Nam Việt mà bán cho người mình mua.

« Có kẻ lại lo việc tác tân dân, lập nhật báo, khai sở nhà in bản đá, vẽ đủ các hình cho thiên hạ dễ hiểu. Có người văn chương lo dịch các sách ngoại quốc ra chữ Nho đăng cho người Thanh tường lãm ! »

Nhìn người rồi nghĩ đến ta, tác giả hồ thẹn, buồn rầu đến rơi nước mắt. Mặc dầu tác giả không nói ra, nhưng bạn đọc đều biết ông khóc vì

đã thấy rõ những nỗi cơ cực, hèn yếu trong cuộc sống nô lệ, ao tù mà thực dân đã bủa lưới giăng với cái học hư văn, mất nước. Trong phần kết luận bài văn nói trên, tác giả cổ động thành lập Duy tân công ty, cơ sở kinh tài chẳng những cho miền Nam mà cho cả phong trào Đông du :

« Tôi muốn mở cuộc Tác tân dân lập 20.000 phần hùn, mỗi hùn 5 đồng mà thôi, chẳng phải là nhiều.

« Có lẽ nào trong mỗi một hạt mà không được 1.000 phần hùn sao ? Được cùng không được, đều được trong tay chư ông.

« Như được thì $20.000 \times 5 = 10$ muôn bạc dùng lập nhà nghề ra rước các thợ về xứ dạy em cháu, trước bán đồ ra trong xứ giá rẻ, có đại lợi, sau lần lần kẻ đồng bang noi biết nghề, lại sanh phương ra nữa thì trong 5 năm cuộc hoán dân phải thành nghiệp cả mà chớ !

« Ấy vậy tôi mở cuộc hùn này lấy hiệu là Duy tân công ty... »

Dựa vào các số báo N.C.M.Đ. trong mục Thơ tín văn lai, quần chúng trong Nam nhiệt liệt hưởng ứng bài Duy tân công ty. Nhiều ông điền chủ viết thư hỏi ông Chiếu chừng nào đứng ra mở công ty này để các ông gởi tiền hùn hạp. Trước lòng nhiệt thành của mọi giới trong Nam đối với việc duy tân nước nhà, trong số 308 N.C.M.Đ. ngày 17-9-1907, Trần Chánh Chiếu cho đăng bảng Điều - lệ của Duy - tân

chữ Duy-tân công-ty lại là Minh-tân công-ty vì trong sách Đại-học có câu Đại-học chi đạo tại minh minh đức, tại tân - dân, tại chí ư chí thiện». (Trích bài «Kính húy hoán hiệu»).

Ý thức duy tân như ngọn đuốc đi sâu vào quần chúng, soi rọi cho đông đảo quần chúng nhìn thấy rõ cảnh nước mất, bao nhiêu nguồn lợi kinh tế đều nằm trong tay ngoại bang. Các bài báo của Trần-Chánh-Chiếu cũng như của các thức giả khác trong N.C.M.Đ. đã tạo thành một phong trào lớn làm dao động xã hội miền Nam lúc bấy giờ. Tuy nhiên một số người vẫn còn thờ ơ với cao trào Duy-tân. Trong phần kết luận của bài «Minh-tân công-ty tiểu thuyết» được xem là chương trình hành động của phái Duy-tân miền Nam, đăng liên tiếp trong hai số 310 ngày 1-10-1907 và 312 ngày 15-10-1907, Trần-Chánh-Chiếu khẩn khoản kêu gọi:

«Cúi xin anh em, chị em, cùng trong tuần kiệt, hãy xem lúc này. Các nhà hào hộ xưa nay, các quan mấy cậu hiềm tay anh hùng. Thầy cai thầy phó thầy sung, nho văn Nông cồ cùng là hương thôn. Sau lại mấy cậu đồng môn, ép mình thức dậy kéo hồn chơi xa. Bọn ta sao chẳng giúp ta, bằng không, con cháu thành ma khó nài, khuyên đừng hẹn một hẹn mai, năm đồng bạc vốn cứu tai chớ chầy!»

Lời thơ mộc mạc nhưng đó là tiếng thơ xuất phát từ tấm lòng của người điền chủ nặng nợ với quốc gia đại cuộc, cảm kích những lời thơ bi hùng của chí sĩ Phan Bội

Châu từ Đông kinh vang dội về. Lời thơ mộc mạc ấy dễ xúc cảm quần chúng yêu nước từ già tới trẻ từ gái tới trai, từ ông hương cả trong làng cho đến ông điền chủ ruộng cò bay thẳng cánh, từ bác nông dân chất phác đến cô gái kim thời tân học, đủ mọi hạng người đều tích cực tham gia vào Minh tân công ty do Trần Chánh Chiếu đề xướng. Không đầy năm tháng mà N.C.M.Đ. vận động được 1802 người hùn vốn chia ra làm 19 danh sách, gồm 11.837 Phần hùn tổng cộng 57.665 đồng. Thật là một số tiền to tát thời ấy. Và điều chúng ta không lấy làm lạ là tại sao người Nam kỳ đóng góp nhiều tiền cho phong trào Đông du và du học sinh sang Nhật, đa số là người miền Nam. (1)

Phong trào Duy tân mỗi lúc một lên cao tại miền Nam như ngọn thủy triều cứ dâng lên, dâng lên, ảnh hưởng đến miệt vườn là nơi trù phú nhất miền Nam. Được sự ủng hộ nồng nhiệt của mọi giới, đầu năm 1908, Trần Chánh Chiếu đứng ra thành lập Minh tân công nghệ với một bản Điều lệ gồm 8 đoạn, 24 khoản, đoạn 1 đề cập mục đích của Minh tân công nghệ, đoạn 2 cách hùn, đoạn 3 bản về mối lợi dành cho nhữn người có phần hùn và các cơ sở do công ty lập ra, đoạn 4 liên quan đến lẽ lối quản trị, đoạn 5 cách gởi tiền ở ngân hàng, đoạn 6 cách chia lời, đoạn 7 cách giải tán hội và đoạn 8

(1) Xem «Cường Đê, cuộc đời cách mạng Saigon 1957 và Phan Bội Châu, Tự phán nhà xuất bản An Minh.

ấn định lương bổng của những người làm việc cho Minh-tân công nghệ. Có đọc toàn bản văn, chúng ta mới thấy ý hướng tiến bộ trong việc thành lập, cũng như lẽ lối quản trị giống như Tây-phương đối với các xí nghiệp lớn. Chúng ta hãy đọc khoản 1 bản Điều lệ nói về mục đích thành lập Minh-tân công nghệ :

« Khoản thứ 1.— Công ty này lập ra là có ý dạy con trẻ trong xứ cho biết nghề nghiệp làm ăn dệt vải, dệt hàng lụa, làm pha ly, savon, thuốc da, đóng giầy, v.v.

« Mỗi cái sẽ ở tại thành Mỹ-tho. » (N.C.M.Đ. số 330 ngày 25-2-1908).

Thành lập Minh-tân công-ty, Minh-tân công-nghệ để canh tân nghề buôn, cổ xúy việc học thực dụng nhưng chưa đủ. Đã có cơ sở kinh-tài nhưng phải tìm nơi hội họp công khai hoặc bí mật các đồng chí trong và ngoài nước. Đề che mắt mật thám thực-dân, Gilbert Chiếu bước thêm một bước nữa, ông đứng ra thành lập Minh-tân khách-sạn ở Mỹ tho.

« Nay tôi đã lập Nam-trung khách sạn Sài-gòn vừa xong, nên sang lo Minh-tân khách-sạn Mỹ tho. Xin chư vị Minh-tân có lòng chiếu cố, hùn hiệp với tôi mà vui chung, lợi chung một cuộc, cho có chỗ cho kim bằng, trước là thù tạc văn lai với

nhau, sau nữa là giúp người đồng bang vô đường văn minh cho mau tấn bộ. » (Trích phần đầu của bản Điều lệ Minh-tân khách-sạn Mỹ tho, N.C.M.Đ. số 311 ngày 8-10-1907).

Phải đặt mình trong bối cảnh lịch sử những năm 1907-1908, chúng ta mới thấy tư tưởng tân kỳ, tiến bộ của Gilbert Chiếu, ngọn cờ tiên phong trong việc lãnh đạo phong trào Duy tân tại miền Nam.

Một luồng gió mới thổi lên, những hơi thở nồng nàn yêu nước, lời thơ lời văn tràn đầy nhựa sống, ý chí bất khuất tự cường, được tỏa ra từ N.C.M.Đ. với một bộ biên tập thật hùng hậu, mỗi người chăm lo một việc trong tòa soạn (1), với tài lãnh đạo khéo léo và can trường của Trần Chánh Chiếu tục gọi Gilbert Chiếu.

Luồng gió mới ấy chẳng những thổi lên trong xã-hội miền Nam mà nó lan rộng ra, tạt về vùng đất Quảng-Nam oai hùng. Trong NCMĐ, chúng tôi đọc được một số thơ từ qua lại giữa Gilbert Chiếu và Cử-nhân Lê-Bá-Trình ở Quảng-Nam. Dựa vào các lá thơ này được đăng trọn vẹn trong nhiều số báo N.C.M.Đ., chúng ta thấy rằng các tư-tưởng duy-tân xuất phát từ miền Nam và lan ra Trung, ra Bắc để rồi thực-dân bắt đầu lo sợ khoảng giữa năm 1907 (2).

Thực dân thẳng tay đàn áp phong trào Duy tân miền Nam

Làn sóng Duy tân với bó đuốc Nông-cô Mìn-đàm cứ trào dâng chảy từ thành thị đến thôn quê, như tiếng kèn thúc quân giục giã mọi người bừng tỉnh dậy lo lấy việc nước việc

(1) Xem « Cúp tóc trong Phong trào Duy tân miền Nam », cùng tác giả, trong Bách-Khoa số 424 (1-3-75) vừa qua.

(2) Xem « Phong trào Duy tân từ Nam chí Bắc, theo nhận định của thực dân », cùng tác giả, sắp đăng trên Bách-Khoa.

dân. Một bài thơ ngắn trong vô số bài thơ bài văn hướng về Duy tân cũng đủ cho ta thấy ảnh hưởng sâu rộng của tờ N.C.M.Đ. trong quần chúng Nam kỳ thời ấy :

*Ai về nhẩn với bạn Minh tân
Phải gần đưa nhau tỉnh dậy lần
Đồng của người đương lo tằm vệt
Đàng khôn ta cũng liệu xa gần
Thảo ngay kéo lại đôi đầu gánh
Quyền lợi đem về một trái cân
Ấy mới gọi làm trai dưới thế
Non sông còn để tiếng muôn phần.*

Trần Đại Chánh, cựu hương chủ làng nghĩa hựu, tổng Thuận trị (N.C.M.Đ. số 328 ngày 11-2-1908).

Nhận thấy phong trào Duy tân quá mạnh, đi sâu vào cuộc sống của người dân mất nước cho nên thực dân tìm cách phá. Ngày 16-5-1908 trong số 341 N.C.M.Đ. ông Cannavaggio lấy tờ báo lại và trao cho ông Lê Văn Trung làm Chủ bút. Tên thực dân này phân bua, tìm cách bêu xấu ông Trần Chánh Chiêu :

«Đã hai năm nay, tôi giao nhưt trình Nông cồ Mìn Đàm cho ông Phủ Chiêu và ông Huyện Trụ lãnh làm Chủ bút và Chủ sự. Nay tôi thấy hai ông ấy làm nhiều điều không y trong lời giao ước và sớ sách không rành, khó biết nên tôi phải kiện ông Phủ Chiêu và ông Huyện Trụ mà đòi nhưt trình lại». (Trích Cẩn thị của ông Canavaggio N.C.M.Đ. số đã dẫn).

Cũng nơi trang nhưt số N.C.M.Đ đã dẫn, ông Lê Văn Trung thanh minh đôi điều với độc giả bốn

phương qua bài «Nông cồ Mìn đàm tân Chủ bút» ! Tuy nhiên kể từ số 341 ngày 26-5-1908, Bồ Biên tập mới gồm các ông Lê văn Trung, cai tổng Lê Quang Chiêu viết bài công kích người lãnh tụ Phong trào Duy tân, giờ đây đã qua làm việc bên Lục tỉnh tân văn, cơ quan ngôn luận thứ hai của Phong trào Duy tân tại miền Nam.

Trong N.C.M.Đ. số 360 ngày 6-10-1908, một tác giả giấu tên, đã kích thẳng những hành vi yêu nước của Gilbert Chiêu :

«Tưởng Duy-tân là gì, chớ Duy-tân là di phong diệt tục, theo mới học thói phương Tây, ăn mặc đồ Tây, cúp tóc, để răng trắng, đi giày Tây, đọc nhưt trình, làm chủ bút, vân vân, thật cũng phải học hành cho thông thái mới hiểu được. Mấy vị bên Mông-cồ chịu hoang chữ Cao-minh mà phải cam tâm vì không lẽ theo Duy-tân mà bỏ lễ nghĩa, phong tục ông bà cha mẹ, nó dính xương cốt mấy đời lia khó nổi lia. Phong tục xứ nào theo xứ nấy, như phong tục Annam có xấu thề nào, cũng phải lần lần mà sửa lại. Nước nào có lễ nghĩa nấy. Như phương Tây có bắt tay nhảy đầm, Annam làm sao bắt chước học tục ấy được» ? (Trích bài «Duy tân» N.C.M.Đ. số đã dẫn).

Chánh quyền thực dân không bao giờ để cho những người V.N. yêu nước hoạt động tự do, tập hợp quần chúng, nói lên tiếng nói bộc trực của lớp người bị áp bức. Chánh quyền thực dân luôn luôn tìm cách diệt

phong trào quần chúng nuôi ý chí tự cường. Cuối tháng 10 năm 1908, Gilbert Chiểu cùng một số đồng chí của ông bị nhà cầm quyền thực dân bắt. N.C.M.Đ. số 364 ngày 3-11-1908 loan báo :

« Có tên Trần-văn-Huấn, kêu là Hội, quê quán ở Cái Bè, đi Nhứt-bồn về bị phép tòa tra xét bắt đăng tờ giấy có tang án muốn xui mưu làm loạn với nhà nước Langsa, mà giúp ông Hoàng Cường-Đề ở Nhứt-bồn lên ngôi đế vị. Cũng có nhiều người bị bắt ở Mỹ tho, Cần thơ, còn tại Sài-gòn, Gilbert Chiểu bị giam tại khám đường. » (Trích bài « Bị Tòa bắt » N.C.M.Đ. số đã dẫn).

Nhưng chưa hết. Ngày 24-11-1908 trong số 367 N.C.M.Đ., Bộ Biên-tập còn cho đăng một tin ngắn « Sanh sự sự sanh » với lời lẽ phản động :

« Nghe tin nhà nước đã bắt Trần-Chánh-Chiểu là Tri-phủ hàm, Võ

văn Thiệu là cai tổng cự, Nguyễn Háo Văn là thơ ký, Nguyễn Giác Nguyên là lão sư Phật đường và Võ Văn Huỳnh, hương quản Phải. Giáo Bút, đều cầm nơi khám, cũng về tội xúi dân làm phản, song chưa biết nhà nước định đoạt thế nào.

« Võ văn Thiệu muốn tự vận tại khám Cần thơ ngày 4-11-1908 xé lưng quần làm vòng, mới vừa thắt cổ treo lên, bị lính giữ khám ngó thấy, lại cứu khỏi chết, nên chưa liệu mạng đăng.

« Khuyên người ở đời phải thủ phận an mạng, thuận thời thích thiên, vâng theo lời thầy Châu Tử gia huấn thì khỏi ăn năn về sau. » (Trích N.C.M.Đ. số đã dẫn).

Cũng như các phong trào quần chúng yêu nước khác, vì không gây được cơ sở cán bộ hạ tầng cho nên khi người đầu não bị cầm tù thì phong trào Duy tân tại miền Nam bắt đầu tan rã.

Vai trò Nông cồ Mìn đàm trong nền văn học cách-mạng

Ngày 15-4-1865 đánh dấu sự tham dự của chữ quốc-ngữ vào sân khấu chánh trị và văn học tại miền Nam. Ngày này, tờ Gia-định báo, cơ quan ngôn luận của Soái-phủ Nam-kỳ, chào đời để cổ xúy cho chữ quốc-ngữ vừa thoát khỏi nhà chung. Trong suốt 45 năm ngự trị trên đàn ngôn-luận miền Nam (1865-1910), tờ Gia-định báo đã đóng góp công lao không nhỏ vào việc phổ biến chữ quốc-ngữ. Nhưng giai đoạn quan trọng

nhứt là khoảng thời gian Trương-Vĩnh-Ký làm Chánh Tổng-tài tức Chủ-bút, từ số 20 Gia-định báo năm thứ 5 ngày 24-9-1869 cho đến số 25 Gia-định báo năm thứ 7 ngày 15-12-1871 (1). Với tài khéo léo của họ Trương, Gia-định báo đã đem chữ quốc-ngữ thực hiện được những bước tiến khả quan về phương diện

(1) Xem « Một đóng góp mới cho Gia-định báo », cùng tác giả, sắp đăng trên Bách-Khoa.

chính tả cho đến cách viết, cách diễn đạt tư tưởng bằng quốc-ngữ.

Đầu thế kỷ 20, tờ Gia-định báo nhường sân khấu hoạt động cho các tờ báo quốc ngữ khác, đặc biệt là tờ Mông-cồ Mìn - đàm. Ra đời ngày 1-8-1901 (1) tờ N.C.M.Đ. đã đóng một vai trò thật quan trọng suốt 20 năm trong việc kết hợp giới tư sản trí thức thành thị và giới điền chủ tại miền Nam cũng như làm gạch nối giữa nền văn-học quốc-ngữ cuối thế kỷ 19 và từ 1930 trở về sau. Theo các tập báo N.C.M.Đ. mà chúng tôi hiện tham-khảo từ 1904 đến 1919 thì cao điểm tờ báo này là những năm ông Trần-Chánh-Chiếu làm Chủ-bút. Như chúng ta đã thấy, với tài quán xuyến, mẫn tiệp của họ Trần, tờ N.C.M.Đ. tập hợp được đông đảo quần chúng trong công cuộc Duy-tân tại miền Nam. Từ việc cổ xúy hội buôn, lập công ty, mở trường dạy chữ quốc ngữ, đả phá hủ tục cho đến việc phổ biến kiến thức mới về lễ lối làm việc, cách quản-trị theo Âu-Tây, bài xích cái học từ chương thoái hóa, tờ N.C.M.Đ. quả thật là bộ đuốc soi đường cho cao trào quần chúng yêu nước đang đi lên tại miền Nam. Cao trào ấy đã mở mắt cho quần chúng thấy rõ cái nhục mất nước, mất chủ quyền và mất luôn cả thân phận làm người trên mảnh đất do ông cha mình đồ mồ hôi, nước mắt tạo dựng lên (qua các bài chỉ trích Trần-Bá-Thọ).

Tờ N.C.M.Đ. còn đóng góp một công trình lớn lao trên tiến trình văn học quốc-ngữ. Từ năm 1904 đến

giữa năm 1906, ngoài một số bài ngắn bàn về cái học thực dụng, tờ N.C.M.Đ. khuyến khích người dân trong Nam đọc truyện Tàu qua các bản dịch bằng quốc ngữ của Nguyễn-An-Khương, Trần-Phong-Sắc.

Đến số 260 N.C.M.Đ. ngày 9-10-1906, Gilbert Chiếu đứng ra làm Chủ bút. Tờ báo thay đổi ngay từ hình thức lẫn nội dung, đưa báo chí nước nhà rẽ sang một khúc quanh thật hệ trọng. Tờ báo chẳng những dùng đề phổ biến kiến thức mới mà còn là phương tiện tập hợp quần chúng để canh tân, đề chống lại những thế lực áp bức đại đa số quần chúng đã mất chủ quyền. Trong năm 1907, Trần Chánh Chiếu mở một cuộc thi văn chương về tiểu thuyết. Quyền tiểu thuyết được trúng giải và được chọn đăng vào N.C.M.Đ. từ số 280 ngày 5-3-1907 là « *Lương hoa truyện* » của Nguyễn Khánh Nhương. Đặt vào bối cảnh lịch sử hồi ấy, chúng ta sẽ thấy quyền truyện có vóc dáng của một cuốn tiểu thuyết, đúng theo nghĩa mà thời nay chúng ta dành cho bộ môn tiểu thuyết. Tuy nhiên tình tiết sắp xếp chưa được tự nhiên. Ta có thể nói không ngoa là « *Lương hoa truyện* » đánh dấu sự chào đời của tiểu thuyết trong nền văn học quốc ngữ, chúng ta phải kể những cái mốc thật quan trọng. Tờ Gia định báo số 6 năm thứ 5 ngày 24-4-1869 đăng truyện dịch « *Ro-bên-son* » (tức Robinson Crusoe). Đây là truyện dịch đầu tiên bằng quốc ngữ tại

(1) Theo Huỳnh-văn-Tòng, « *Lịch sử báo chí Việt-nam* », Trí-Đăng xuất bản.

nước ta. Kể đến năm 1887, nhà xuất bản J. Linage ở Saigon cho ấn hành cuốn «Truyện Thầy Lazaro Phiền» của Nguyễn Trọng Quản. Đầu thế kỷ 20, truyện Tàu ồ ạt xuất bản tại miền Nam. Năm 1907 trên tờ N.C.M.Đ. độc giả trong Nam thưởng thức «Lương hoa truyện» viết bằng quốc ngữ, có vóc dáng của một quyền tiểu thuyết. Sau «Lương hoa truyện», các nhà báo: nhà văn trong Nam đưa ra một số truyện. Nhưng các truyện này chưa có gì đặc sắc lắm và còn chịu ảnh hưởng nặng nề của truyện Tàu (2).

Phải đợi đến năm 1917, trước khi thế chiến thứ nhứt kết liễu, miền Nam mới đóng góp cho nền văn học quốc ngữ một đứa con tinh thần có kích thước của một quyền tiểu thuyết theo kiểu Tây phương: đó là «Hà hương hoa nguyệt» của Lê Hoảng Mưu (2). Đây là quyền tiểu thuyết đầu tiên viết bằng quốc ngữ, có tình tiết không khác tiểu thuyết hiện nay và đây cũng là quyền tiểu thuyết đầu tiên viết bằng quốc ngữ. Sách phát hành được một tuần thì nhà cầm quyền thực dân ra lệnh tịch thu ngay.

Trở lại tờ N.C.M.Đ. một tờ báo

đã tạo nên phong trào Duy tân tại miền Nam. Nó đã có những đóng góp thiết thực cho việc phát triển chữ quốc ngữ. Nó đã giữ vai trò mà các nhà làm báo tiền bộ thường đặt cho báo chí trong lịch sử cách mạng trên đường cải tiến dân sinh và bình vực dân quyền. Đây chiến đấu tinh, nó tự tạo dòng văn học cách mạng trong nền văn học thỏa hiệp công khai những năm đầu thế kỷ 20.

Sự có mặt của N.C.M.Đ. đã đánh tan đi những luận điệu trước đây cho rằng văn học miền Nam có một khoảng trống đầu thế kỷ 20. Đứa con tinh thần ấy cần phải được đặt đúng chỗ trong lịch sử văn học, đặc biệt trong lịch sử văn học cách mạng yêu nước, chống xâm lăng.

PHẠM LONG ĐIỀN

Kỳ sau: Vị trí Hà Hương Hoa Nguyệt của Lê Hoảng Mưu trong tiến trình hình thành tiểu thuyết tại miền Nam.

(1) Xem Bùi Đức Tịnh «Phân đóng góp của văn học miền Nam», Lửa thiêng xuất bản 1975.

(2) Hà hương hoa nguyệt, chớ không phải «Hà hương phong nguyệt» như ông Bùi Đức Tịnh đề cập tới tác phẩm này trong sách đã dẫn.

PHÂN ƯU

Được tin **NHẠC MẪU** Ông **LÊ BÁ PHÚC**, Tổng Thanh tra Ngân hàng Quốc gia, đã mất phần tại Saigon,

Xin trân trọng phân ưu cùng Ông Bà Lê Bá Phúc và tang quyến. Xin cầu nguyện hương hồn Cụ Bà được về Nước Chứa.

Ông Bà **LÊ NGỘ CHÂU**



Bồ máu Chuông vàng
Soluté Br, Br₂, Fer

FERAMIN

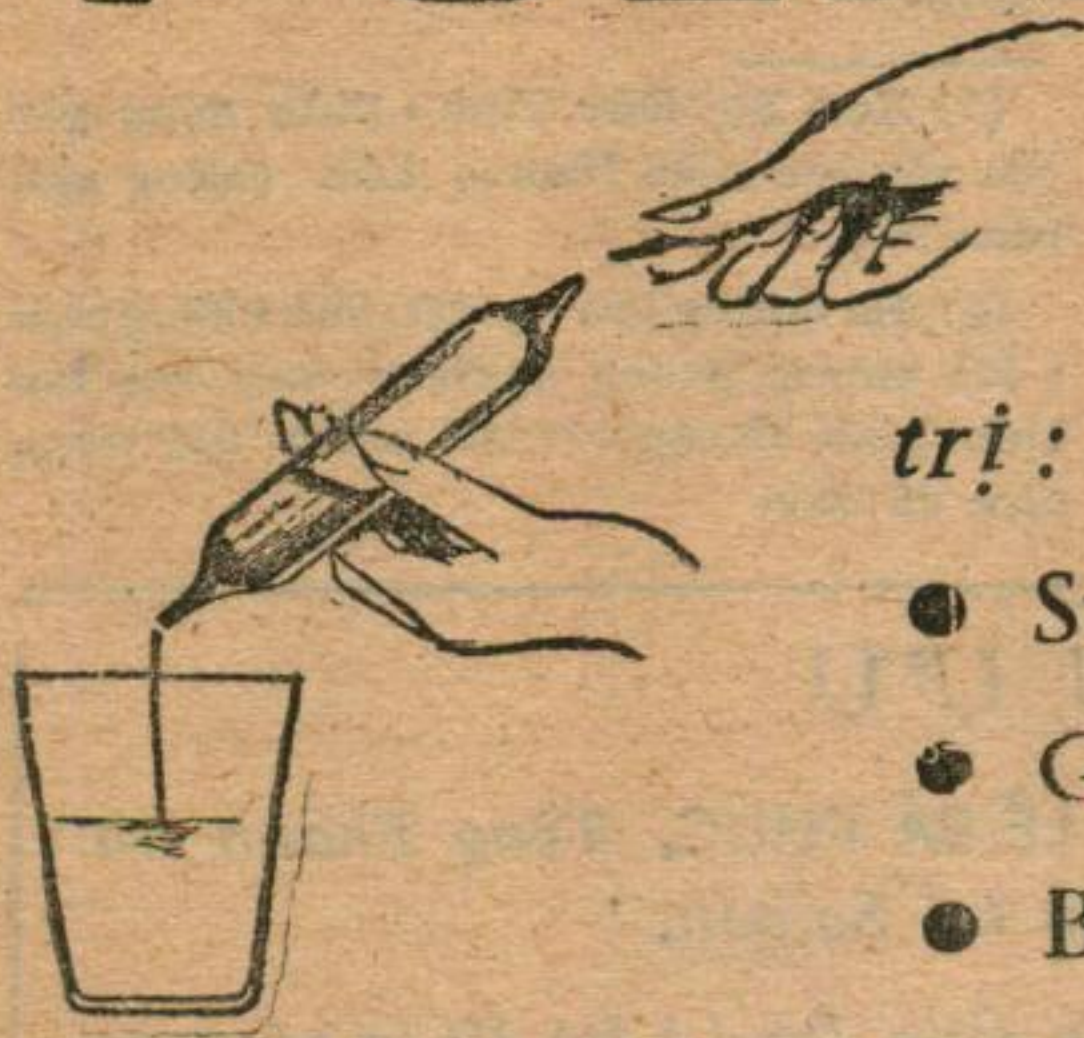
Mất máu — Đau mới khỏi — Ăn
không tiêu — Băn khoăn mỗi mệt

Viện bào chế TENAMYD

Đậy kỹ và giữ trong tối

POLYTONYL

Vitamine C, B₆, PP, Calcium,
Magnesium, Potassium, Lysine



trị :

- Suy nhược.
- Gầy ốm. Mệt mỏi.
- Bồi bổ sức khỏe.

VIỆN BÀO CHẾ UPSA

Những bức thư của Đề-đốc Lê-Trực trả lời Quan Ba Mouteaux

Với cuộc cử nghĩa ở Quảng Bình, Lê Trực đã liệu lý ra sao cho những ngày tàn cuộc, đó là điều chúng ta cần theo dõi con người ông cũng như phương thức ông đem ra thi hành. Lời cáo buộc « láo » của nhà viết sử Nguyễn Thiệu Lâu quả có đúng nếu xét trên đức thành tín của sự giao tiếp. Nhưng ở đây sự giao tiếp đó lại đặt ra với một kẻ địch đang nắm thế mạnh, thì sự giả dối đó đúng như lời O' Brien viết : « Tôi chỉ biết một trường hợp mà lời nói dối có thể tha thứ, ấy là lúc anh muốn đánh lừa một kẻ thù. Thế thì sứ mệnh đối với tổ quốc cho phép anh nói dối cho tới khi đến tới cả xấu hổ, và cứ lấy cái lý ấy, dù có phải ngược với bản chất của anh, nó cũng trở thành một đức cao quý vậy » (1)

Chính trong tình thần đó mà đề đốc Lê Trực đã trả lời bức thư sau đây cho Mouteaux :

« Tôi vừa nhận được thư ngài, ông quan ba có tâm hồn cao quý và nhân từ chỉ mong muốn thanh bình và yên vui cho mọi người. Nhưng vì lòng yêu kính vua tôi, có những lúc cần phải ăn mặt và đôi khi cũng nên xuất diện ra. Phần tôi, tôi không thể chứng tỏ là của người Pháp, cũng không là quan chức của Đồng Khánh (2).

Ngày còn ở Hà-Nội, có binh đội dưới tay, tôi đã không được đánh nhau với người Pháp, dù lý do vững mạnh hơn bây giờ.

Ngài, ông quan ba, ngài có gởi trao tôi mấy bức thư đề kêu gọi tôi qui phục, nhưng ngài đã không xét cho rằng chính các thừa sai và linh mục an-nam là nguyên do của những cơ sự này. Ngày trước nhà vua ngược đãi người công giáo, lưu đày họ đến những nơi người lương cư ngụ. Lúc ấy, người lương không hề sát hại các giáo dân, thế thì tại sao ngày nay còn có những giáo dân, những thừa sai và linh mục bản xứ lại ra lệnh rên đức khi giới, xây đắp đồn lũy vv...

(1) Mgr Henry Bond Restarick, *Sun Ya Sen*, Payot, Paris 1932, tr. 22.

(2) Muốn thấy rõ thái độ của sĩ dân Việt Nam đương thời đối với chế độ Đồng Khánh và tay sai ra sao, tưởng nên đọc lại câu chuyện dưới đây, trên tuần báo « *Sông Hương* » số 30 ngày 13-3-1937. trong mục « Những chuyện oái oăm »

Đồng Khánh năm thứ ba, có mở khoa hương Mậu Tý gọi là đặc ân của nhà vua cho sĩ tử, sau mấy năm lặn độn vì binh cách. Sau giờ thu quyền tại Trường Quốc-tử-giám, quan Chủ khảo phát giác một quyền có bài thơ kỳ lạ. Quyền được mã trạm hỏa tốc chuyển về bộ Lễ, đệ trình viện Cơ-mật. Đương đêm, các quan Cơ-mật cũng nhóm lại đề « khảo tường » bài thơ, Thơ rằng :

Cu-li quân hề, cu-li thần.

Cu-li quân hề, cu-li dân.

Cu-li tú tài hề, cu-li cử nhân.

Cu-li trường quan hề, cu-li văn.

Cu-li hề, cu-li.

Phi-lu hề, phi-lu.

Có phải đây là văn chương thời Cầm-vương ?

Do đó, tôi đã phải tập hợp dân chúng và võ trang cho họ đề tự bảo vệ chứ không phải đề manh tâm sát hại người công giáo.

Nay thì Hoàng-Kế-Viêm đã nhậm đề bình định hai xứ.

Riêng tôi bị đau ốm, chỉ có thể gọi đến ngài 4 lãnh binh (có tên kê sau), 2 đốc binh, 2 hiệp quân, 1 bang biện, 1 bát phẩm, 1 cửu phẩm cùng số lính đề tỏ cho ngài biết bản ý của tôi.

Ông quan ba phải nghĩ rằng tôi lấy làm bất mãn khi thấy những đồn lũy dựng lên ở Hương-phương, Đan-sa và Mi-hòa, chỉ duy việc này cũng đủ đề phán xét rồi.

Vì vậy tôi mong ông quan ba, người đại diện của Bảo-hộ nơi đây, hiểu cho rằng tôi muốn rút lui vào trong cô ả, không làm tay sai cho bất cứ ai, trên bất cứ lãnh thổ của người nào, chỉ ở giữa khoảng trời đất mênh mông.

Đề làm gì vậy? Tôi không cần hiểu. Cũng chẳng cần bận tâm. Tôi chúc ngài khấm khá lâu năm. Tôi chưa từng bắt tay ngài, nhưng ít ra chúng ta cũng đã biết nhau! Cổ nhiên không cùng đi chung một thuyền, ăn chung một bàn, ngủ chung một giường, nhưng chúng ta coi như đã biết nhau; còn tôi có qui phục hay không, tôi mong ngài đừng quan tâm đến nữa.

Tôi xin gửi đến ngài mấy món vật nhỏ mọn (hai con gà trống béo, những quả trứng tươi cùng tí trái cây (1)). Và thư này tôi cậy nhờ người em của vị tú tài mà ngài đã thả lại cho tôi, y sẽ đến đề chào ngài.

Như thế đó, những lời chào của tôi gửi đến ông quan ba Mouteaux, vị chỉ

huy đồn Quảng-khé.

Hàm Nghi năm thứ hai,
tháng 12, ngày 15 (2)

Đề-đốc LÊ TRỰC

Trong thư, Lê-Trực cho hay ông rút lui vào trong cô ả, chỉ ở giữa khoảng trời đất mênh mông như Mouteaux, dù không tìm ra chỗ ở của ông, cũng đã biết được rằng Đề-Trực vẫn tiếp tục liên lạc mật thiết với Đề Lê (Nguyễn-Phạm-Tuân) trên thượng lưu sông Gianh. Do đó Mouteaux lại đưa thư đe dọa chấm dứt tình bạn và cảnh cáo nếu bắt được sẽ đem bắn ngay.

Một khi thực dân Mouteaux đã trở giọng thì nhà tướng Cần Vương, dù đang trong thế yếu bị bao vây, cũng trịnh trọng cứng rắn tỏ thái độ bất khuất phục đề dạy một bài học đích đáng cho tên thực dân

(1) Đây chỉ là một cử chỉ "đáp lễ" của Lê-Trực về những quà tặng mà Mouteaux đã gửi biểu ông cũng như Mouteaux đã gửi cho vua Hàm Nghi một tạ gạo trắng nhờ Trương-quang-Ngọc chuyển giao.

(2) Về hai niên-hiệu Hàm Nghi và Đồng Khánh, nhiều người (như Nguyễn-quang-Tô trong Sử Địa số 26) đã lầm lấy năm tấn phong làm năm đầu rồi cứ thế mà tính ra đệ I, đệ II rồi đệ III niên v.v... Thật ra, vua Hàm Nghi lên ngôi ngày 17-8-1884 (tức 27 tháng 6 Giáp-thân, nhưng đề đến năm sau — Ất-dậu (1885) — mới lấy Hàm Nghi nguyên niên. (xem Quốc triều chánh biên). Cho nên tờ Chiêu Cần Vương của Tôn-Thất-Thuyết phụng thảo mà Phan-trần-Chúc dẫn trong cuốn Vua Hàm Nghi đề là Hàm-Nghi nguyên niên, tháng 8 ngày 11. Các tài liệu của Pháp, như trường hợp bức thư trên đây và các thư sau của Lê-Trực cũng cho thấy có sự phù hợp chính xác về niên đại. Trường hợp niên-hiệu Đồng-Khánh cũng không khác.

cướp nước, khoác áo tri thức nhân nghĩa mà kêu gọi hòa-bình :
Hàm Nghi năm thứ 3, ngày 1 tháng 3.
Đề-đốc Lê-Trực gọi quan ba Mouteaux ở Minh-Cầm.

Tôi hiểu ngài vẫn giữ tình bạn cũ và không muốn có lòng dạ nào khác : tôi rất muốn nói chuyện với ngài nhưng vì lý do khó ở, tôi không thể dễ dàng đến với ngài.

Năm rồi, sau khi người Pháp chiếm kinh thành, đâu đâu cũng có những vụ náo loạn và người công giáo dần thân vào những cuộc phá phách.

Tôi là người thứ nhất đại diện cho chính quyền của nhà vua (Hàm Nghi) trong tỉnh và tôi đã tập hợp văn thân cùng thân hào đề tái lập vua và bảo vệ tổ quốc.

Ngài, ngài mới đến đây đề che chở cho mọi người với sự công bằng vô tư.

Tháng 12 năm rồi, khi ngài viết thư kêu gọi tôi đình hoãn mọi hành động cừu địch cùng là giải tán các bộ đội của tôi, tôi có trả lời cho ngài bằng cách gọi đến Quảng-kê một sứ giả mang những tặng vật nhằm chứng tỏ cho ngài thấy lòng thành thực của tôi.

Từ ấy tôi kéo lê một cuộc sống mới mẻ trong rừng Quảng-trạch, tôi đã ban lệnh rằng hòa bình phải được lập lại giữa những người lương và giáo dân.

Nay ngài lại vừa thiết lập một đồn mới và ngài cũng đã xâm nhập vào tất cả bí mật ở trong núi. Dựng đồn này lên tức là ngài đã đánh thức sự ngại ngùng nơi dân chúng, không phải họ mang sự hận thù đối với ngài mà chính vì ngài đã gieo ngờ vực trong lòng của họ : làm như thế ngài đã

đánh mất đi cái đức tính cần trọng và khôn ngoan của ngài.

Vì vậy tôi xin yêu cầu ngài hãy trở lui lại cái đồn cũ ở Quảng-kê nơi chúng ta có thể tái chứng kiến tình bằng hữu, tôi sẽ lấy làm hoan hỷ trong lòng và dân chúng vùng này cũng tìm thấy lại thanh bình ngày xưa.

Ký tên : Đề-đốc LÊ-TRỰC

Nhận thư Trực, quan ba Mouteaux trở lại dụ giọng. Mouteaux viết thư cho đề đốc, giải thích rằng ông chỉ khuyên đề đốc thi hành những gì Tờ niêm yết đã nêu ra cho các lãnh tụ phiến loạn phải qui phục và nghe theo chính quyền mới lập tại Huế. Mouteaux cũng trách đề đốc đã không thành thực khi vẫn đề niêu hiệu Hàm Nghi trên các thư. Đây là tất cả mấu chốt đề đặt định thể đứng của những người Việt giữa một thời mà chính nghĩa đã bị cưỡng đoạt, huyễn hoặc che lấp bằng một thứ ngụy quyền tay sai.

Đưa yếu điểm này ra tức là Mouteaux cũng như bọn tay sai ngụy quyền Đồng-Khánh muốn đẩy viên đề đốc Căn Vương vào cái thế phải dứt khoát : hoặc chấp nhận Đồng-Khánh hoặc theo phò Hàm-Nghi.

Đến nước này, Lê Trực chỉ còn cách nói huých toẹt cho Mouteaux và đồng bọn hiểu rằng chính Hàm-Nghi là chính thống được toàn dân thừa nhận, là chính nghĩa toàn dân phải theo. Và đây là lá thư cuối cùng của đề đốc Lê Trực gọi cho quan ba Mouteaux ở đồn Minh Cầm :

Hàm Nghi năm thứ 3, ngày 5 tháng 3.
Đề-đốc Lê-Trực, thống lĩnh nghĩa binh
Quảng Bình

Tôi xin hồi âm. Tôi có nhận thư ngài trong đó ngài qui kết rằng tôi đã niên hiệu Hàm-Nghi trên các thư, ấy là lòng tôi không thành thực và ngài muốn ngược đãi tôi.

Thế nhưng hoàng đế Hàm-Nghi là em đích thực của Kiến-Phúc, nhà vua được chính Hoàng-thái-hậu triệu thỉnh các đại thần, các quan văn võ tiếp rước nâng cao và toàn dân thấy đều chấp nhận.

Tiếp theo các biến cố khả ố trong kinh thành, nhà vua đào nạn, nhiều kẻ không suy nghĩ nhảy chỗ này chỗ khác, nhưng những người hữu lý hiểu rằng nhà vua quả xứng đáng hơn hết, ngay cả đến bây giờ.

Và tôi, tràn ngập ân sủng của các tiên vương, tôi có nên chấp nhận thay đổi một trật tự đã an bài? (việc nối ngôi của các vua An-nam đã được đặt định trong số Trời). Nếu tôi trở mặt và đổi lời, không chỉ trong đời này tôi sẽ không xứng đáng sống trong núi rừng, mà sau khi chết đi tôi phải hổ thẹn trước mặt các tiên vương. Từ đó, không thể có vấn đề yêu cầu tôi không được tuyên xưng lại niên-hiệu Hàm-Nghi.

Nhà của tôi đã bị đốt cháy và hiện tôi không nơi nương tựa, tôi tìm một chốn ẩn thân tiện lợi và không lưu ngụ lâu một chỗ nào.

Tôi đã nói với ngài, lời nói không cần phải khắc trên vàng hay ngọc, nhưng tôi sẽ giữ lời dù là tôi có mặt bên ngài hay ở cách xa ngài vạn dặm.

Có cần phải khẳng định lại tình bạn của chúng ta bằng cách uống chung một

chén rượu hoặc nắm chặt tay nhau chăng?

Ngài đã tỏ với tôi là một người bình dị và thẳng thắn, thì ngài cần phải xét tới những lý lẽ tôi viết cho ngài trong thư, hãy triệt hạ đồn Minh-Cầm và đưa binh lính trở lại vị trí cũ hoặc ở Quảng-Khê, hoặc ở Đồng Hới.

Đó là điều kiện duy nhất để tôi có thể đem lại thanh bình và, do đó, cho dân chúng một nguồn hạnh phúc lớn lao.

Thư này của đề-đốc Lê Trục phải được chuyển tới ông quan ba Mouteaux, Chỉ huy-trưởng pháo đài Minh-Cầm.

Sau thư này, đề-đốc Lê Trục cắt đứt thư từ với Mouteaux. Tên quan ba liền tung do thám điều nghiên tình hình trên thượng lưu sông Gianh.

Đêm 8-4-1887, do lệnh của Bộ tham-mưu Sư-đoàn chiếm cứ Bắc-kỳ và Trung-kỳ, quan ba Mouteaux cùng với 16 tên lính quần rộng (zouaves) và 10 lập binh (1) người An-nam vượt núi, tiến lên trung lưu sông Rào-Năn để vào làng Yên-lương là sào huyệt của Đề Lê Nguyễn-Phạm-Tuân. (2)

Rạng ngày 9-4-1887, bọn chúng tới nơi và thắt chặt cửa nhà của Đề Lê. Một trận đánh xáp-lá-cà diễn ra và Nguyễn-Phạm-Tuân bị Mouteaux bắn chính xác một phát đạn súng lục

(1) Một loại lính lập ra, do Trương-Vinh Ký thúc đẩy Paul Bert, có nhiệm vụ săn đuổi (chasseurs) các lãnh tụ Cần-Vương, (xem Bouchot, Pétrus Trương-Vinh - Ký, *Érudit cochinchinois*, 1925 tr.56.

(2) Mouteaux ghi là Phạm-Nguyên-Thuận.

bên hông trái trong khi Nguyễn đang cầm gươm và ôm chiếc tráp đựng nhiều giấy tờ quan hệ. Mouteaux đưa Nguyễn về đồn Minh Cầm bằng bó nhưng rồi Nguyễn-Phạm-Tuân cũng chết sau đó.

Ngày 19-6-1887, lúc nửa khuya, cùng với 11 lính quần rộng và 10 lạp binh tinh nhuệ, Mouteaux lại mở cuộc đột kích mật khu của Đề Trục, bắt được vợ con ông, thu cò và nhiều súng đạn, giấy tờ. Lê Trục đã thoát được. Gia đình ông bị giải về Huế theo lệnh của viện Cơ-Mật.

Nhưng Lê-Trục vẫn trung thành với vua Hàm Nghi trên miền cao sông Gianh.

Ông chỉ thật sự bỏ súng qui phục khi nhà vua, linh hồn của cuộc kháng chiến bị bắt. (1)

Ngày 21-11-1888, cùng với 100 thuộc hạ, Lê-Trục ra đầu thú tại đồn Thuận-bài. Các quan Cơ-Mật thấy khẩu cung Lê-Trục có nhiều câu vô phép, định làm tội, bèn tư giấy hỏi khâm sứ Pháp. Quan Pháp thương rằng: « Khi Lê-Trục ra thú các quan trót đã hứa cho tha tội mà lại hậu thưởng, nay đừng nên thưởng nữa nhưng tha nó khỏi tội » (QTCB). Đồng

thời cũng do phúc trình của Mouteaux (2) và của cố Tortuyaux (tình báo viên đặc lực của Mouteaux) và của các giáo dân Quảng-Bình xác nhận « ông là một lãnh tụ phiến loạn không tàn bạo như những người khác » và, mặt khác, cũng vì lý do Pháp đang thi hành chính sách xoa dịu, nên Rheinart đã yêu cầu tha ông về.

Lê-Trục trở lại quê nhà ở Thanh-Thủy, sống trong cô ẩn thanh bần (3), giữa khoảng trời đất mệnh mông...

NGUYỄN SINH DUY

(1) Cũng nhân đây, tôi xin góp ý thêm với ông Hồ-Hữu-Tường (BK. 404, t. 21) về thái độ của cụ Đồ Chiểu đối với vua Hàm Nghi, khi ông cho rằng « những luận điệu của vua Đồng Khánh, cụ Đồ Chiểu cho là phải... » bằng cách trích nguyên văn câu sau đây của Phan văn Hùm trong « Nội lòng Đồ Chiểu »: « Nghe tin vua Hàm-Nghi chẳng lành, tiên sinh không ngớt thở dài than khóc, cơm cháo lánh mùi mà thồn mồn chết dần » (tr. 40)

(2) L. Cadière, sđd, t. 75 viết: Đó là một tư cách cao quý (chỉ Lê Trục) mà vị quan ba (Mouteaux) không giấu được cảm tình của ông. Ch. Gosselin cũng cùng một nhận xét tương tự.

(3) Trong cuộc đột kích mật khu của Lê Trục khi ông đương là Đề-đốc, người Pháp tìm thấy trong tráp của ông chỉ vòn vẹn có một nén bạc (L. Cadière, sđd, t. 75).

đã phát hành

CHỦ ĐÍCH NAM PHONG

của gs Nguyễn Văn Trung

nhà xuất bản TRÍ ĐĂNG

קניין

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Bàn luận về **Cơ-cấu và Ngôn ngữ**

Được đọc bài của Ông Đặng Tiến về cuốn « *Cơ cấu Việt ngữ* », trên Bách-Khoa số 424 (ra ngày 1-3-75) trước hết tôi xin cảm ơn, không những vì ông đã có vài lời khen ngợi quá hậu, mà nhất là vì những lời mà ông gọi là « *bàn góp* » xây-dựng của ông.

Vì bài phê bình này đã được công khai hóa trên báo và vì tính-cách xây-dựng nói trên của bài, nên tôi xin trả lời những điểm chính đã được nêu lên như sau :

1. Phương - diện lập - trường và phương-pháp :

Nghiên cứu Việt-ngữ về phương-diện ngữ-pháp, tôi không « *triết trung* » như ông Đặng Tiến nói (1). mà đứng hẳn trong cơ-cấu-pháp. Những bước đầu, tức là căn-bản của ngữ-lí-học cơ-cấu, đã được phát triển bởi F. de Saussure, qua trường Prage, trường Copenhagen, trường Mi (với Bloomfield, Sapir...) và qua phái Chomski cùng với Pike. Tôi đã tóm lược những ý-kiến căn bản của 60 năm ngữ-lí-học Tây-phương trong 15 trang mở đầu (từ XXIV đến XXXIX) của Quyển I Tất nhiên rằng cô-đặc lắm ; nhưng mục-dích của tôi, khi viết *Cơ-cấu Việt-ngữ*, không phải là đề trình bày ngữ-lí-học đại-ương, nên chương mở đầu này đã được rút ngắn lại đến tối-đa và thành quả đặc.

Tuy nhiên cũng phải nói thêm rằng trong môn phái cơ-cấu, tôi tự coi là có một chỗ đứng khác các vị đã được kể trên, ở ba điểm :

a) Tôi nghĩ rằng từ F. de Saussure đến Chomski và Pike không có sự gián-đoạn của lập-trường cơ-cấu ; vì ý-niệm cơ-cấu ngày nay không còn tính-cách tĩnh và đã trở thành động, với hai điểm là *sinh-tạo* (génétique) và *biến-cải* (transformationnel).

Cơ-cấu Việt-ngữ nhận cơ-cấu-pháp trong toàn bộ và vì thế có thể nói rằng đã vượt lên trên các môn phái như đã xuất hiện trong lịch sử.

Đó là lí do đã cho phép tôi viết (Q 1, tr. XXVIII) : « Những quan-niệm của ngữ-lí-nọc hiện tại gần với khoa-học đến nỗi rằng tôi không thấy sự khác biệt giữa một công-thức hóa-học với một công-thức câu, giữa những liên hệ ngữ pháp và những hóa trị hay những lực hóa-hợp, giữa những quan-niệm về dạng-vị, âm-vị và những quan-niệm về vi-thể và vi-phần ». Với câu trên, tôi nhận rằng sự tiến bộ sắp tới của ngữ-lí-học cơ-cấu phải coi hóa-học là mẫu-mực. Đọc CCVN, sẽ thấy rằng một vài quan-niệm của hóa

(1) Chữ « *chiết trung* » (mà trong sách in sai là « *triết-trung* » và đã bị bỏ sót trong bản đánh chính) là qui chiếu vào hai phương-pháp *trình bày*, một là phân-tích, hai là tổng-hợp, chứ không qui chiếu vào phương-pháp *khảo-sát* (Q. II, tr. XLV)

học sẽ được đưa vào ngữ-pháp (lần đầu tiên trong ngữ-lí-học). Tất nhiên rằng còn lâu, sự mong muốn này mới có thể thực hiện được đầy đủ.

b) Về một vài điểm lí-thuyết, tôi có những ý-kiến riêng. Như ý-kiến về dụng-thức và cốt-thức (QII, tr.17) khác với cấu-phần biến-cái và cấu-phần căn bản của Chomski; về dạng-vị (Q II, tr. 127), khác với quan-niệm dạng-vị cổ điển của Bloomfield; về mẫu-hình ngôn-ngữ (Q II, tr. 141) khác với quan niệm của Humboldt và Sapir; v.v... Sau này, còn bình luận về sắc-thái của diễn-thuật-từ, và tôi sẽ trình bày sự phê-bình một ý-kiến Jakobson.

Ngoài ra, lại có một số ý-kiến mà tôi đã đưa ra và hãnh-diện mà nói rằng chưa có ai đề cập tới. Sự hãnh-diện này là vì đây là sự đóng-góp của người Việt-nam. Chẳng hạn như quan-niệm "ngữ-trị" (Q II, tr. 54) của một từ hay một dạng-vị. Hoặc quan-niệm về dạng-vị buộc trong Việt-ngữ, và sự nhận-định rằng sự kiệm-ngôn đã được khai-thác bởi Việt-ngữ đến nỗi rằng một âm-vị hay một thanh-vị cũng có thể được dùng làm dạng-vị. Nếu tôi không lầm thì đây là lần đầu tiên trong ngữ-lí-học mà một sự kiện như thế đã được lập ra và chứng minh.

c) Tôi không ngưng lại ở cơ-cấu-pháp như các nhà ngữ-lí-học, và chỉ coi cơ-cấu-pháp như một phương-pháp để khảo sát các xây-dựng của con người, trong đó có ngôn-ngữ của các dân-tộc (1).

Đó là điểm đã được gọi đến trong đoạn cuối của mục 13 (Q. I, trang XXII), tôi trích ở đây hai câu :

"Ngôn ngữ không những là một cơ cấu theo cái nghĩa mà các nhà ngữ học đã định mà còn mang theo những hậu quả của tất cả các cơ-cấu, định-chế trong xã hội loài người. Ngôn ngữ che mắt ta để ta không thấy còn có một cái nhìn trong trắng và uyên nguyên về vũ trụ và nhân sinh".

2- Phần tiên-thiên và phần thụ-đắc trong ngôn-ngữ.

Đây là một điểm đáng đáng đến thái-độ gần như triết-lí của các nhà ngữ-học. Như Skinner chẳng hạn thì cho rằng ngôn-ngữ là do sự học-tập, tức là hoàn-toàn thụ-đắc. Hầu hết các nhà ngữ-học Nga cũng chủ trương điều đó. Chomski, trái lại, cho rằng có những cơ năng bẩm sinh làm nền tảng cho sự thụ đắc ngôn-ngữ. Nhà ngữ-lí này không ngần ngại mà nhận rằng mình ngả về lập trường tâm linh (mentalist) (xem *Aspects of the Theory of Syntax*). Luận án mới của bà Chomski, do G.s. Chomski hướng dẫn, cũng đi đến một kết luận tương tự sau sự khảo sát về ngôn-ngữ trẻ con (*Acquisition of Syntax in Children from Five to Ten*) (2). Lập trường của tôi về điểm này là :

(1) Về sự phân tích huyền thoại, xin xem *Huyền-thoại-lí-học*, Văn Hóa, 2 (1974).

Về sự phân-tích văn hóa, xin xem Văn-minh và Văn-hóa, Hải triều Âm, 1973).

Về thơ, xin xem *Bách-khoa*, 1972

(2) Cuốn sách này chưa được tôi dùng đến khi viết quyển 1 của *Cơ cấu Việt ngữ*. Lí do là vì tôi mới biết cuốn đó hồi đầu năm 1973

Vấn-đề vẫn còn chưa giải quyết, vì trường phái tâm-lí-học của J. Piaget (với Sinclair-de-Zwart, 1969) cho rằng thuyết của Chomski về những cơ-cấu ngữ-lí bẩm sinh phong-phú đặc-loại) có phần quá đáng và có thể là sai lầm.

Một: có một phần tiên thiên, không những là ở sự kiến trúc các cơ quan thâu thanh (tai) và phát thanh (thanh hầu, miệng, mũi) của con người mà còn ở cơ-cấu não bộ và nói chung, cái cơ-cấu tri thức nữa. Do cái cơ cấu này, tất cả các xây dựng của con người đều có tính cách hệ thống, các hệ thống lại có thể miêu tả giảng giải được bởi cơ-cấu-pháp khi hệ-thống chứa đựng những hình thức biểu-tượng (formes symboliques) và những ý nghĩa (significations). Các hệ thống phản ánh trực tiếp hoặc gián tiếp sự kiến tạo của cơ cấu tri-thức. Sự thực hiện các âm lại tùy thuộc vào khả năng của não bộ và các cơ quan. Do đó, mới nói được rằng có một phần tiên thiên trong ngôn ngữ.

Hai: nhưng sự thụ đắc ngôn ngữ là kết quả của một sự học tập, và sự học tập tự nhiên là sự học tập trong một cộng đồng và với những hoàn-cảnh. Đó cũng là một điều mà tôi tưởng là dĩ nhiên, nhất là với các đồng bào có sinh con ở ngoại quốc. Cái tiên thiên của một đứa trẻ cũng như là một thửa đất còn trơ trọi (thực ra thì hơn thế, nhưng đây chỉ là nói ví), ngôn ngữ là cái hạt giống mà người ta trồng vào: có thể là một giống cò, một giống lúa, một giống hoa hay một giống táo. Và cái cây mọc lên là một cây gì đó, tùy hạt giống, nhưng có thể là một cây « thất-phu » hay một cây « thiên-tài » tùy theo sự kết hợp giữa cái tiên-thiên và cái hoàn cảnh của sự thụ đắc.

Tôi nhận có cả cái tiên thiên và

cái thụ đắc trong ngôn ngữ. Đồng thời lại nhận rằng phần tiên thiên « càng ngày càng được nhận là rất lớn ». (QII, tr. 11). Đó là vì sự khảo cứu về cơ cấu não bộ càng ngày càng tinh vi; đồng thời sự khảo cứu ngữ lí cũng càng ngày càng sâu sắc. Như Chomski, gần đây (1971) cũng mới viết: « có cả một hệ thống phức tạp những cơ cấu bẩm sinh, một khả-năng tạo sơ-đồ bẩm sinh (un schématisation inné) có một mẫu hình vô cùng phong phú, ở trong sự trang bị tâm linh nội tạng của đứa trẻ, và đứa trẻ dùng cái hệ thống cùng cái khả năng đó ». Sự đi tìm các hoàn-vũ-cách (universaux) của ngôn ngữ, cũng đi về hướng đó. Mỗi hoàn-vũ-cách được khám phá ra (như trong âm-vị-học bởi Jakobson, trong cú-pháp-học bởi Chomski) là một bằng chứng gián tiếp về cái « khả năng tiên thiên » của tri thức con người đối với hiện tượng ngôn ngữ. Ngược lại, phần vụ của hoàn cảnh, sau sự khẳng định đã xưa của Bloomfield, lại không được đào sâu thêm nhiều, mặc dầu có cả một khoa mới là xã-hội ngữ-lí-học (sociolinguistics). Nhưng đây chỉ là một sự nhận xét về tình trạng hiện tại của khoa học mà thôi. Tôi không thấy có sự mâu thuẫn nào trong ý nghĩ cả, và nếu các câu trích được đặt đúng vào vị trí của chúng trong sách (chứ không bị tách rời ra khỏi đồng văn) thì tôi tưởng không ai có thể cho rằng tôi bất nhất. Chỉ riêng còn sợ có một điều, là cũng như người loạn trí, đã loạn trí rồi mà cứ tưởng rằng mình là người độc nhất còn có lí chăng ?

3- Tính cách chấp định của ngôn ngữ.

Trước hết tôi không bàn cãi về vấn-đề danh-từ. Tôi có nêu lên (Q. II, tr. XXIV, là 24) cái định-nghĩa về *dấu hiệu* (signe), với hai mặt liên đới với nhau (1). Hai mặt này được gọi bởi các nhà ngữ-lí-học sau F. de Saussure là *signifiant* và *signifié*, tôi tạm dịch là *cái-chỉ* và *cái-được-chỉ*, vì chẳng biết dịch sao cho hơn được. Đồng thời, lại nêu lên rằng sự phân-biệt này cũng giống như sự phân-biệt xưa của Mặc-tử và Trang-tử giữa *cái danh* và *cái thực*, hay của St. Augustin giữa *signans* và *signatum*; hoặc sau nữa, của Hjelmslev, là *biểu-hiện* (expression) và *nội-dung* (contenu). Nay mới được biết thêm rằng ông Đặng Tiễn cũng đã đặt ra hai danh từ mới là « *ngôn-ý* » và « *ngữ-thái* ». Tôi rất hoan nghênh, nhưng không hiểu, vì không được biết gì về lí-thuyết ngôn-ngữ của ông Đặng Tiễn. Còn riêng về phần tôi, thì tôi hoàn-toàn theo F. de Saussure và nói rõ rằng *cái-chỉ* là *signifiant*, *cái-được-chỉ* là *signifié*, và cả hai cái là hoàn-toàn thuộc « *hình-thức* » (*forme*) (tr. XXIV), nghĩa là thuộc về *ngữ* (langue) chứ *không thuộc về ngôn* (parole) và cũng không phải là dính đến *chất-liệu* (substance). Nếu có độc giả nào không hiểu thì tôi đành xin lỗi, vì không thể giảng lại về một quan-niệm căn-bản như quan-niệm *dấu-hiệu* trong một bài báo. Xin trả việc đó cho các tác-giả mà tôi kể ở trên.

Do điều này mà có một sự đòi-

hỏi nữa của Đặng-quân. Đặng-quân muốn bức bách tôi phải trả lời vì sao mà dám nói rằng ngôn-ngữ có tính-cách chấp-định và phi-lí.

Sự phát-kiến quan-trọng nhất của cơ-cấu-pháp trong lịch-sử tư-tưởng của loài người liên hệ đến biểu-tượng. Nói một cách vắn-tắt : giữa *cái thực* (*le réel*) và *cái tưởng* (*l'imaginaire*), mà triết-lí cùng khoa-học đi tìm đề hiệu bản-thể là gì, thì cơ-cấu-luận đã đặt ra *cái tượng* (*le symbolique*) và khẳng định sự hiện-hữu của tượng trong các xây-dựng của con người.

Tượng, hay biểu-tượng, là một cái chấp-định mà người ta cho một ý-nghĩa. Thí dụ như trái tim là tượng của tình yêu : màu xanh là tượng của hi-vọng hay tuổi trẻ ; hoa cúc là tượng của v.v... và v.v... Chung quanh ta, trong đời ta, có không biết bao nhiêu là biểu-tượng : dây tơ-hồng, cái hỏa-lò, cái mùi-xoa, cái dờ mà người ta treo ở lò sưởi đêm Noel, con rồng của dân Việt-nam, con gà của người Pháp, con gấu của người Thụy-sĩ...

Ngôn-ngữ cũng là một hệ-thống biểu-tượng. Mỗi tiếng là một biểu-tượng chấp định, được gán cho một nội dung. Tính-cách của tiếng là âm thanh. Cái hình-thức âm-thanh ấy không phải là cái mà nó chỉ, nhưng người ta đồng ý mà cho rằng nó chỉ cái đó. Biểu-tượng là chấp định và

(1) Xin nói rõ lại là liên đới với nhau, chứ không phải là « không có tương quan với nhau ».

phi-lí, nhưng ta nhận nó theo một qui-ước, là qui-ước trong ngôn-ngữ của ta.

Cái thứ-tự giữa các tiếng là một sự chấp-định khác. Thứ-tự giữa các tiếng là một hình-thức có nội-dung, và cả cái hình-thức lẫn cái nội-dung này cũng đều là do qui-ước của ngôn-ngữ định ra.

Căn-bản của ngôn-ngữ có tính-cách chấp-định và phi-lí như thế. Nhưng chấp nhận cái căn-bản ấy rồi, thì ta xây dựng ngôn-ngữ thành một hệ thống, và trong cái hệ thống ấy, ta nhìn thấy những cơ-cấu. Nhìn lên trên cái ngọn, lẽ dĩ nhiên rằng, sau khi các cơ-cấu ngôn-ngữ đã được lập lại, ta sẽ thấy không phải rằng ngôn-ngữ hoàn toàn vô-lí. Nhưng sự phi-lí và chấp-định ở căn-bản thì vẫn có. Và đó là điều tôi đã khẳng định.

Nay ta có thể tìm được những lí-do cho mọi việc, hoặc là lí-do lợi-ích, hoặc là lí-do mô-phỏng, hoặc là lí-do tiết-kiệm, v.v... Nhưng cho rằng các lí-do mà ta đặt ra là đúng đi nữa, thì cũng chỉ có thể nói rằng một điểm nào đó trong ngôn-ngữ không hẳn là vô-lí (nghĩa là không có lí-do), nhưng không thể nào vì vậy mà nói được rằng ngôn-ngữ không chấp-định và không phi-lí (bất chấp lí-trí). Vì rằng, như tôi đã nói ở trên và nhắc lại ở đây, ngôn-ngữ chấp-định và phi-lí trong căn-bản.

Chuyện tiếng con gà gáy chính là một thí dụ chứng tỏ sự chấp định và phi-lí này. Tại sao mỗi dân tộc nghe khác, và tại sao mỗi dân tộc lại

nhồi vào trong tiếng gáy của con gà một ý nghĩa khác?

Nếu Đặng quân muốn hiểu thêm về tiếng gáy của con gà Việt-nam, tôi xin đề nghị đọc thêm bài *Huyền thoại lí-học Việt-nam* (1) của tôi trong đó tôi nói về huyền thoại con gà gọi mặt trời trở lại. Đó là về phần nội dung chấp định. Còn về phần phiên âm tiếng gà gáy, nghĩa là về hình-thức, cũng có sự chấp định vì sự phiên âm này theo các cơ cấu âm-vị-học đã được chấp nhận bởi mỗi ngữ.

Tôi rất mong rằng Đặng quân hay một vị nào khác có thể chứng minh được sự ngược lại, vì khi đó ta sẽ có một lí thuyết mới và một phương pháp mới để xét các sự kiện trong các khoa học nhân văn. Dầu sao, cũng không thể đem câu chuyện trái đất quay quanh mặt trời trong 365 ngày để mà bác bỏ một lí thuyết ngữ học. Về vấn đề này, tôi sẽ không bao giờ cho rằng « có lí », (không phải là « có lí do ») hay « không có lí », mà chỉ nói rằng sự vận chuyển của trái đất đã được đo và tính, lại được giảng bởi thuyết của Newton và của Einstein. Và tuy Képler tin rằng có một lí trí tối thượng, chỉ huy toàn thể vũ trụ, nhưng tôi cũng nghĩ như các nhà khoa học khác, rằng đây là tin tưởng, và tin tưởng ấy có thể đặt ra ngoài sự khảo sát khoa học được mà không hại gì đến kết quả của sự khảo sát. Tất nhiên rằng sự tin tưởng của mỗi cá nhân vẫn được tôn trọng.

Tôi nhận thấy rằng tới đây, bài trả lời đã khá dài, và có lẽ như ta nói « lại quả nhiều hơn là cựa mẫm ngựa ».

(1) Văn Hóa 2 (1974).

Tôi xin tự giới hạn ở những điểm căn bản và rất lớn ở trên. Tất cả các điểm khác đều là chi tiết. Chẳng hạn như về tiếng *ba rọi*: không phải là *ba rọi* trong danh từ *thịt ba rọi* mà là *ba rọi* trong *Nó ba rọi lắm* hoặc *Nó chơi ba rọi lắm*. Hoặc các từ mở đầu bằng *ba* khác, mà Đoàn-quân kê ra một sáu trong đó «hăm bà-lăng» có cả (chú) *ba* (3) *tàu*, (thăng) *ba* (3) *que* vv... lại *rai ba* (3) *sỏi* với những từ như *ba xạo*, *ba vạ* vv... Có cần phải nói rằng việc sơ khai là phân biệt những loại khác nhau trong các «chữ» này không? Và có cần nói rõ rằng tôi không làm từ-diễn và chỉ khảo sát ngữ-pháp thôi không?

Ở một đoạn trên, tôi có nói rằng mong ước cho ngữ-lí-học theo đuôi được hóa-học. Đó là chỉ nghĩ đến rằng ngữ-lí-học sẽ có thể, một ngày nào đó, tiến tới được một số quan niệm đơn-giản chung và khá dụng (opérable) cho mọi ngôn ngữ, để cho phép những xây-dựng thực là khách quan. Nhưng tôi không dám nghĩ như ông Đặng Tiễn rằng ngữ-lí-học có thể thành một khoa-học thực-nghiệm! Và cũng xin đính chính

dùm cho Cl. Bernard rằng giai đoạn thứ ba của sự thực-nghiệm là *thí-nghiệm* (expérimentation) chứ không phải là «kiểm chứng». Tôi chắc đây chỉ là một sự lầm vì vội mà thôi.

Viết *Cơ-cấu Việt-ngữ* cũng như viết về các vấn-đề khác, tôi không bao giờ có ý nghĩ rằng mình đúng và mọi người phải theo mình. Cũng không nghĩ rằng nếu có người đồng ý với mình thì tức là mình đúng, và nếu có người không đồng ý thì mình sai (hoặc người ấy sai). Tôi chỉ biết áp dụng một phương-pháp khá dễ tin được và tiếp tục dùng phương-pháp ấy một cách thuần-nhất và thận trọng cho đến khi nào gặp những trở lực không thể vượt qua được. Lúc đó thì sẽ nhận rằng những nguyên tắc mình dùng không còn khả-năng sản-xuất nữa, và sẽ phải tìm cách để vượt qua, nếu có thể. Đó là đường đi của khoa học, và cái đẹp trên đường khoa-học là có nhiều bông hoa chứ không phải chỉ có mỗi một cái bông mà mình trồng.

Mong rằng sẽ có nhiều bông hoa khác trong ngữ-lí-học Việt-nam.

TRẦN NGỌC NINH

sắp phát hành

Cuốn sách thứ 100

của nhà văn NGUYỄN HIẾN LÊ

MƯỜI CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG

TRÍ ĐẶNG xuất bản phát hành

Ý - nghĩa của một vài vụ từ-chức lịch-sử

Tối thứ tư 26-2-1975 tại thánh-đường Hội Việt-Mỹ Saigon, nhân buổi thuyết-trình về « Một vài vấn đề của báo chí Đông-Nam-Á », diễn-giả Phạm-Kim-Vinh có đề-cập đến ba vụ từ chức trong năm qua đã làm chấn-động dư-luận thế-giới: Tổng-thống Hoa-kỳ R. Nixon, Thủ-tướng Liên-bang Đức W. Brandt, và Thủ-tướng Nhật-bản K. Tanaka.

Đặc-biệt là vụ Thủ-tướng Nhật-bản K. Tanaka: Một tờ báo địa-phương có số lượng phát-hành rất khiêm-cung, — nói trắng ra là « vô danh tiều tốt », — mới vừa viết có một vài bài đả-kích mà Thủ-tướng K. Tanaka đã vội-vã rũ áo ra đi, không một chút ớn ào, không một lời luyến-tiếc...

Trong phần thảo-luận, một thính-giả (tôn trọng hạn-chế số-lượng góp ý do bà Giám-đốc Văn-hóa Nguyễn-Văn-Bông vừa đề ra, nhằm đề cho nhiều người có dịp tham-dự cuộc thảo-luận nhờ đó mà trở nên thêm hào hứng), có nêu lên 3 câu hỏi:

1) Thế... tại sao ô. K. Tanaka lại từ-chức vội-vã như vậy?

2) Thế... diễn-giả có khen hay chê ông K. Tanaka không?

3) Mà có khen hay chê, thì tại sao?
Và diễn-giả trả lời. Tôi không nhớ

rõ từng câu, từng chữ, nhưng đại ý:

1) Ô. K. Tanaka từ-chức nhanh chóng là vì tờ báo chạm đúng «nọc», đánh đúng chỗ;

2) rất khâm phục ô. K. Tanaka;

3) vì ô. K. Tanaka có tinh-thần thượng-võ, biết tôn-trọng «luật chơi» (có lẽ diễn-giả phiên-dịch thành-ngữ «règle du jeu», hay «jouer le jeu»...) Ông không những rũ áo ra đi, mà còn tuyên-bố không hận-thù tờ báo; hơn thế, còn ngợi-khen ban biên-tập có tài và (tuy không nói ra) «chịu chơi»... Ngoài ra, Thủ-tướng K. Tanaka còn là người biết tiên-liệu: ông từ chức để tránh những đồ-vỡ quan-trọng hơn, do đó tai-hại hơn có thể xảy ra cho ông, cho đảng ông, cho nước ông. Như thế là ông biết vì quyền-lợi cao-cả của tổ-quốc, của đoàn-thể, mà sẵn lòng hy-sinh quyền lợi của cá-nhân ông. Ông là một người yêu nước... (1)

Thật hùng - hồn và tế - nhị. Câu chuyện nói lên, hay đúng ra nhắc lại cả một triết-lý tưởng đã trôi xa vào dĩ-vãng, hay ít ra cũng đã trở nên

(1) Diễn-giả là một trong số các cây bút nòng-cốt của nhật báo Chính-Luận. Về đoạn này, bài tường-thuật trong Chính-Luận ra ngày thứ sáu 28-2-1975 viết: «... rất phục vì ông ta ít ra cũng đã tự-trọng và tránh được cho xú-sở của ông ta nhiều đồ vỡ, nhiều bất ổn...»

quá lỗi-thời khiến cho một số người coi như « ngây thơ », nên không ngần ngại đặt cho cái tên hàm-súc là: « quân-tử Tàu ! »

Tuy-nhiên, muốn gặp các « quân-tử Tàu » đó, thiên - nghi không phải chỉ có sang Tàu, mà cũng chẳng cần phải ngược dòng thời-gian quá xa lên tận kỷ-nguyên Xuân-Thu, Chiến-Quốc... Thời - đại nguyên - tử của chúng ta, may-mắn và vinh-hạnh thay, đôi khi vẫn còn điểm những trường-hợp sao sáng đó trên một nền trời tối, khác nào vài ba hạt kim-cương lóng-lánh, tình-cờ lạc-lõng nơi nước đọng, bùn lầy !

oOo

1) Cách đây khoảng 10 năm, tại Ấn-độ, xứ-sở của Thánh Gandhi. Một tai-nạn lưu-thông khủng-khiếp đã xảy ra. Chẳng hiểu người phụ-trách bề « ghi » đường « rầy » lầm-lẫn hay ngủ quên làm sao đó, khiến hai đoàn xe lửa đang phóng hết tốc lực, đâm bổ vào nhau. Những toa xe rạn vỡ, nhẵn nhúm, nằm ngổn-ngang như một trò chơi trẻ con nhưng quái-dã; những nạn-nhân chết hay bị thương phơi bày rên xiết, thật thê-thảm lạ thường. Tổng-trưởng Hỏa-xa hạ lệnh điều-tra qui-định trách-nhiệm vật-chất; nhưng cùng lúc đích thân đến tận nơi xảy ra tai-nạn để tỏ lòng ái-điều và ủy-lạo các nạn-nhân, ông không quên loan tin đã đệ đơn xin từ chức, để chuộc lại một phần rất nhỏ nhoi về cái tội lỗi tày đình đó ! Vì [bề nào thì ông cũng là cấp chỉ huy tối-cao, có trách-nhiệm tinh-thần...

2. — Cách đây 3 năm, tại Nhật bản, quê hương của võ sĩ đạo. Một phi công tập dượt điều-khiển phi-cơ của cơ quan an ninh quốc gia. Chẳng hiểu vì « không thuộc bài », hay vì muốn « lãng mạn » thực hiện một đường bay « ngoạn mục », phi công đã « lả lướt » nơi hành lang không-phận dành cho các phi-cơ dân-sự. Một tai nạn khủng khiếp đã xảy ra. Tổng giám đốc cơ quan an ninh quốc gia (tương đương với Tư-lệnh không-quân, vì từ sau đệ nhị thế-chiến, Nhật bản chánh thức không có quân-đội hiệu theo quan niệm cổ điển) đệ đơn xin từ chức. Vì ở vào chức vị chỉ huy, ông đòi hỏi được lãnh phần trách nhiệm tinh thần...

3. — Cách đây cũng khoảng 2 hay 3 năm, và cũng tại Nhật-bản. Một phi cơ JAL (Japan Air Lines, tựa như Hàng Không Việt Nam đối với nước ta) cất cánh từ Sapporo, bị không tặc chiếm đoạt, cưỡng bách đổi hướng bay đi Bắc-Hàn (Cộng sản) thay vì một tỉnh ở ngay Nhật bản. Một cuộc điều đình, giàn xếp, được diễn ra giữa các tên không tặc và giới thẩm quyền Nhật-bản, khiến cả thế giới nín thở, đợi chờ. Thứ trưởng Giao thông tình nguyện hiến thân làm « con tin », tất tả bay sang tận Bình Nhưỡng (thủ đô Bắc Hàn) để điều đình, thương lượng. Và ông đã thành công trong nhiệm vụ yêu cầu phóng thích các hành khách vô tội, trong số có nhiều ông già, bà lão và con nít, vì là đường bay quốc nội.

Cử chỉ của ông Thứ-trưởng thật

thăm lặng mà trầm hùng. Tuy không nói ra, nhưng dư luận đều am hiểu rằng, hơn ai hết và hơn bao bao giờ hết, ông coi cái chết nhẹ như lông hồng; và đứng trước sự sống còn của hơn một trăm người vừa hành khách vừa nhân viên phi hành, sinh mạng của chính ông là cấp chỉ huy hữu trách, quả thực là mong manh, không đáng kể.

Được nghe nói, chẳng hiểu sai hay đúng đến mức độ nào. Dường như ông có tri kỷ với một số cộng sự viên và thân hữu tâm phúc, đây không những chỉ là một vấn đề nhân phẩm, mà còn là một vấn đề quốc thể, một vấn đề uy quyền và uy tín quốc gia..

4. — Năm 1972, Thế-vận hội tổ chức tại Munich.

Một vụ khủng-bố khiếp-dã đã xảy ra, trong khuôn-viên làng thế-vận. Một nhóm người trong tổ-chức «Tháng Chín đen» (Septembre noir) đột-nhập tòa nhà dành cho phái-đoàn Do-thái, và giết chết một số lực-sĩ thành-viên. Mặc-dẫu đã hết sức làm đủ bốn phận, nhưng sự-kiện đáng tiếc đã xảy ra: Giám-đốc cơ-quan phụ-trách an-ninh Thế-vận hội đệ đơn xin từ chức...

5. — Tại Copenhagen, thủ đô Đan-Mạch, sau đệ-nhi thế-chiến. Một câu chuyện thật thú vị về lưu-thông.

Một ông Hoàng-tử, một hôm vì trời nắng chói không nhìn rõ, vô tình vượt đèn đỏ. Một người cảnh binh thời còi, và vì ông Hoàng lái xe thường nên người cảnh-binh không

nhận ra. Khi biết đây là một nhân vật trong Hoàng-gia, người cảnh-binh chào xin lỗi, mời đi... Nhưng ông Hoàng (không từ chức, nhưng) từ chối; yêu cầu người cảnh-binh cứ biên phạt:

— Tôi là một ông Hoàng, là một công dân, lại càng có trách-nhiệm tinh-thần làm gương cho các công-dân khác...

6. — Nguyên Thủ-tướng Liên-bang Đức W. Brandt xuất-thân là con vô thừa nhận. Ông không hề dấu diếm điều đó. Sau, nhờ lòng hiếu học, chí cương quyết, mà đã vươn mình lên đến vị-trí cao xa nhất của bức thang danh vọng: Thủ-tướng một cường-quốc, được giải thưởng Hòa-bình Nobel... Ông được nhiều người mến phục: có tài, có lòng, lại thân lập thân..

Một tờ báo đối-lập, có tiếng, một hôm khám phá tại ngay văn phòng Thủ-tướng có một nhân viên Cộng-sản Đông-Đức nằm vùng. Nhân-viên này thật lợi hại, có uy-thế, vì được Thủ-tướng W. Brandt hết sức biệt đãi và tín nhiệm, do đó, một số tai hại có thể dễ xảy ra, kín-đáo và sâu-đậm, trong bao nhiêu lâu mà không một ai ngờ vực... Nội-vụ bị phanh-phui; các bằng-chứng được trưng-bày. Thủ-tướng W. Brandt từ-chức, với một thái-độ rất «thề-thao», và sau đó, không còn mấy ai nhắc-nhở đến câu chuyện...

7. — Tại Anh, vào khoảng năm 1963. Tổng-trưởng Quốc-phòng Profumo liên-lạc mật-thiết với một thiếu-nữ trẻ, đẹp, có duyên. Nội-vụ bị đổ bể:

thiếu-nữ đồng-thời còn là người tình kiêm điệp-viên của Tùy-viên quân-lực Nga-sô ở Luân-đôn...

Các báo-chí thì đua đàm-tiểu và đả-kích. Profumo nhận lỗi, thẳng-thắn xin từ-chức, vì tự xét đã không làm tròn nhiệm-vụ và không xứng-đáng với tía-nhiệm mà nội-các dành cho...

8.— Tháng 4, năm 1969, Tổng-Thống nước Pháp Charles de Gaulle muốn thực-hiện một số cải-cách táo-bạo ảnh-hưởng đến một số cơ-chế căn-bản. Ông cho tổ-chức trưng-cầu dân-ý; long - trọng tuyên - bố nếu không được đa-số quốc-dân tán-thành ủng-hộ, ông sẽ ra đi.

Charles de Gaulle thất-bại. Ông không buồn khi hay tin. Và tôn-trọng lời hứa, ông rũ áo ra đi, 3 năm trước khi mãn nhiệm-kỳ.

Một quan-niệm cao-cả và tể-nhị về trách-nhiệm và thiên-chức. Cũng như khi ông cáo-biệt quốc-dân, sau nửa đêm 27 rạng ngày 28; thật vắn-tắt mà thật hùng-hồn thu gọn trong hai câu tuyên bố trên đài phát-thanh:

— Tôi ngưng hành-sử chức-quyền Tổng-thống. Quyết định này có hiệu lực hôm nay, kể từ buổi trưa...

Đề rồi sau đó, lặng lẽ đi vào lịch-sử, lưu lại hậu - thế bức chân-dung độc-đáo của một nhà lãnh-đạo, có thể đôi khi lầm lẫn nhưng đã từng có công lớn với tổ-quốc, có lẽ có phần nào ham quyền (chớ không tham quyền), nhưng không hề cố vị...

9.— Sau đả-nhị Thễ-chiến, Nhật-bản thất trận, bị ngoại-quân chiếm đóng, lần đầu trong lịch-sử. Ô. Yoshida hy-sinh ra lãnh sứ-mệnh làm Thủ-tướng. Ông là một người có tài lại có lòng: ngay cả những ai không tán-thành chính-kiến của ông, cũng không hề dám tỏ một thái-độ nào bất-kính.

Phục-vụ một thời gian, tự xét đã góp được phần nào vào công cuộc trùng-tu và phục-hưng đất nước; lại nghĩ rằng đối với đời sống và quyền lợi chung của dân-tộc, một trang lịch-sử đã lật qua khiến vai trò của mình không còn cần thiết, và một khuôn mặt mới được xuất hiện sẽ hợp với tình-thế hơn, ông cương-quyết rũ áo ra đi, về sống đời ẩn-dật tại một ngôi nhà nhỏ cách thủ-đô Đông-Kinh lối 100 cây số. Sau này và cho đến khi ông lâm-chung, năm 1967, các vị chánh-khách Nhật-bản cũng như ngoại quốc, mỗi khi có dịp, thường kính-cần hầu-hoan tới nơi thăm viếng. Hoặc đề học hỏi về những kinh nghiệm bản-thân, hoặc đề tỏ lòng ngưỡng mộ sâu xa đối với một vị ân nhân của quốc-gia, một vị cứu tinh của dân-tộc. Thủ-tướng E. Sato khi tại nhiệm, đang công du Việt-nam, được hung tín Yoshida trút hơi thở cuối cùng, đã vội vã cáo lỗi xin chấm dứt cuộc viếng thăm để trở về Đông Kinh kịp dự lễ quốc-táng, bày tỏ nỗi đau thương và lòng sùng-bái đối với một người đàn anh, một bậc thầy, một vị sư-phụ... Phải trông thấy tận mắt hay nhìn hình ảnh nguyên Thủ-

tướng E. Sato khi nhận điện văn, mới hiểu được nỗi niềm thương tiếc của người còn lại đối với và đứng trước uy tín của người đã ra đi.

10. — Tại Việt-nam. dưới triều nhà Nguyễn...

Năm 1867, quân Pháp định ngày thôn tính nốt 3 tỉnh miền Tây Nam kỳ. Phan-Thanh-Giản biết thế không chống nổi, ra lệnh cho các quan quân đánh chịu nộp thành trì cho khỏi sự tai hại, rồi ông uống thuốc độc tự vẫn...

Năm 1873, quân Pháp bắn súng vào thành Hà-nội, Nguyễn Tri-Phương bị thương nặng, bị quân Pháp bắt. Nghi mình là một bậc công thần, nay vì việc nước mà bị thương đến nỗi phải bắt sống, không làm tròn nhiệm vụ với triều-đình, nên không chịu buộc thuốc, rồi nhịn ăn mà chết...

Năm 1882, quân Pháp đánh thành Hà-nội. Sau 3 giờ giáp chiến, Hà-nội thất-thủ... Hoàng-Diệu treo lên cây thắt cổ tự vẫn...

oOo

Các nhân vật trên đây có là «quân tử Tàu» lỗi thời có lạc lối lầm đường hay đã là những khối óc siêu-phàm, ưu thời mãn thế ? Cũng khó mà

trả lời, vì tất cả là tùy theo quan-niệm, về nhân-sinh, triết-lý, nghĩa-vụ và trách-nhiệm...

Có một điều mà chúng ta không thể phủ-nhận, là : khi còn tại-nhiệm, các vị đó có thể được khen, bị chê ; được thương, bị ghét. Nhưng một khi đã từ-chức (hay tự vẫn), hợp thời hợp cảnh, vì biết tự lãnh trách-nhiệm trước lương-tâm và lịch sử, các vị đều đã thu hút được rất nhiều cảm-tình và kính-nể của những người đồng-bối cũng như của các kẻ hậu-sinh. Các lầm-lỗi, nếu có, được quên đi ; các thành công được nhắc nhở, khiến danh tiếng thêm nổi bật như những vì sao sáng, những tấm gương trong, về trách-nhiệm, phẩm-cách, về nghĩa-vụ luận, và nhân-sinh quan, lưu lại cho hậu-thế...

Trên đây chỉ là những câu chuyện kể chơi, để nghe chơi, buổi trà dư tửu hậu ; hay những bài thơ tuyệt diệu, những bức tranh « trọc thủy thanh trần », càng ngắm lâu, càng nhìn xa, càng thấy đẹp ?... Để ai nấy cùng chiêm-nghiệm, suy tư.

Vì : lỡ làng, nước có thể đục, mà bụi vẫn trong. Và : trăm năm, kim cò, chỉ còn một tấm lòng là đáng kể...

Saigon, tháng 3, 1975

MỸ LINH PHƯƠNG

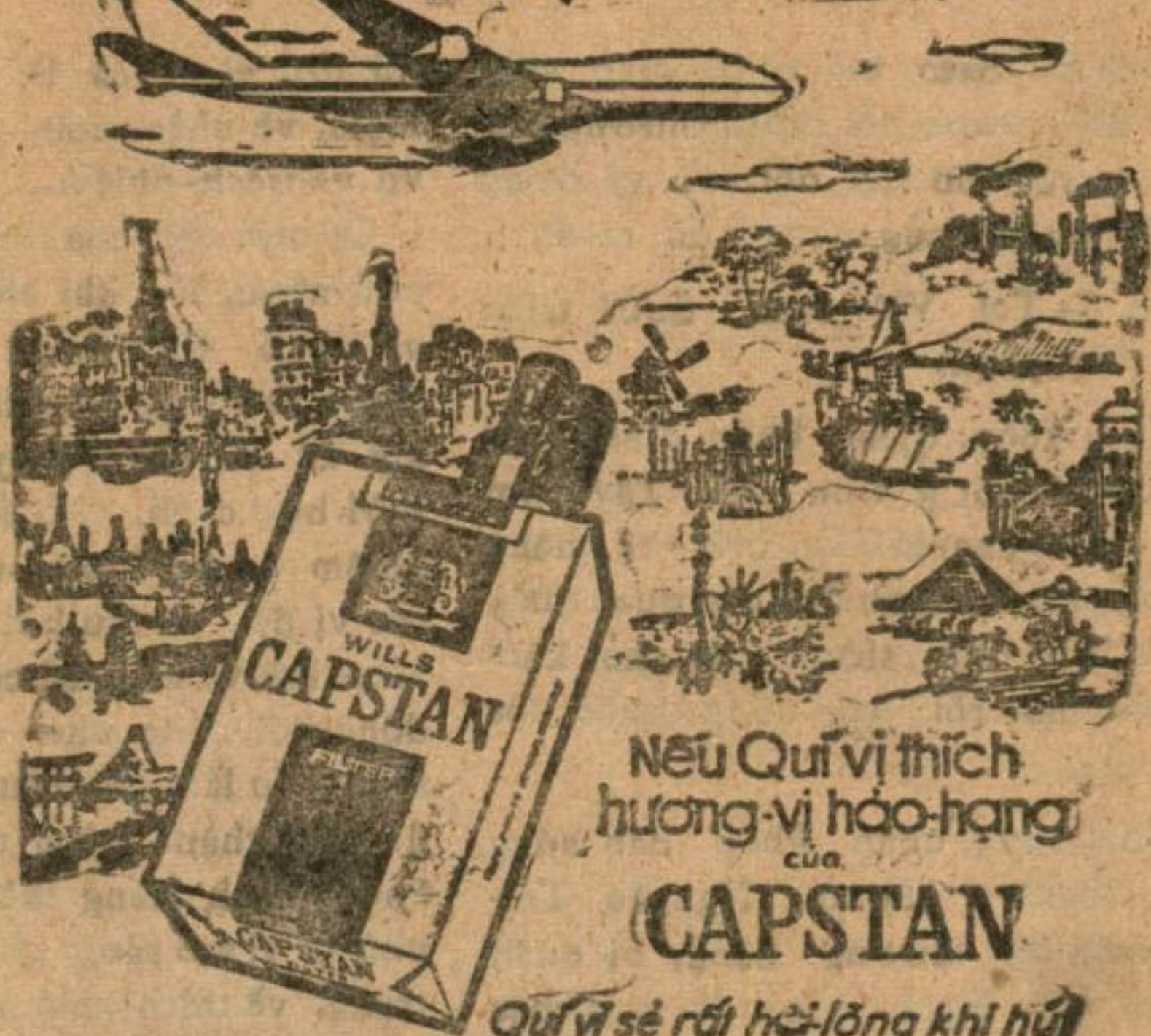
PHÒNG TRANH ĐÌNH CƯỜNG

tại Viện Văn hóa Pháp

31 Đồn Đất Saigon.

Từ 6 đến 16-3-1975

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



CAPSTAN điều dài đầu lọc

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTREME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tổ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Văn chương học đường

Vào dịp Tết vừa qua Nha Sinh-hoạt học đường Bộ Văn-hóa Giáo-dục và Thanh-niên có tổ chức một cuộc thi dành cho các tờ báo Xuân học đường. Các trường ở Saigon có thể gửi báo dự thi đến Nha tổ chức. Các trường ở tỉnh phải gửi về TY Giáo-dục địa phương, đề Ty chọn lựa tờ báo xuân khá nhất gửi về tranh giải với các tờ báo của các trường thủ đô. Kết quả đã có trên 50 tập báo xuân học sinh dự thi, từ những tập in ronéo đơn sơ của các trường quận lý thiếu thốn đồ mọi phương tiện cho đến các tập in off-set rực rỡ bìa láng bốn năm màu.

Đọc hết các tập báo xuân học đường dự thi, ta có niềm vui hiếm hoi như đọc được các tập bản thảo của các cây bút trẻ. Từ mấy năm nay, vì nhiều lý do, đất đứng dành cho những người trẻ mới viết bị thu hẹp. Tạp chí văn nghệ tờ thì giảm số trang tờ đóng cửa. Nhà xuất bản văn học thuần túy không thể chịu đựng nổi sự sa sút phát hành, quay sang hoạt động xuất bản giáo khoa. Cơ hội dành cho những người mới viết hiếm hoi, thành thử trong giới học sinh sinh viên, những người có khả năng văn chương chỉ được cơ hội xuất hiện hằng năm trên báo xuân học đường.

Tình cảnh eo hẹp của sinh hoạt văn học hiện nay khiến văn chương học đường trở thành một ngành sinh hoạt văn học đáng lưu ý. Mà đúng

vậy, đọc được trên bốn mươi tập báo xuân xuất bản rải rác trên toàn quốc, chúng ta tìm thấy được nhiều điều đáng suy nghĩ.

oOo

Sau một thời gian làm việc, Hội đồng Giám Khảo (1) quyết định trao giải nhất cho tập báo xuân trường nữ trung học Gia Long, giải nhì cho trường nữ trung học Bùi thị Xuân Đà Lạt, giải ba cho trường Võ trường Toàn; và giải khuyến khích cho trường nữ trung học Sương Nguyệt Anh, trường Trương Vĩnh Ký, và trường nữ trung học Lê văn Duyệt.

Trong 6 giải thưởng, các trường nữ trung học đã chiếm hết 4. Đây không phải là một may mắn ngẫu nhiên. Giá trị văn chương và hình thức trình bày của hai tập báo xuân Gia Long và Bùi thị Xuân đã được đa số giám khảo công nhận.

Rồi nếu xét riêng từng bài viết, thì tác phẩm tương đối có giá trị của phái nữ cũng nhiều hơn tác phẩm của phái nam. Tinh cảm trong thi ca, phong phú hơn, đối thoại trong truyện ngắn linh hoạt hơn. Ngoài bài thơ của Vũ thị Gio Linh, nữ sinh Gia Long được chọn đọc trong dịp lễ phát thưởng cho các hiệu đoàn có báo

(1) Hội đồng Giám-khảo do Bộ VHGD và TN mời, gồm có: Minh Quân, Minh Đức Hoài Trinh, Bình Nguyễn Lộc, Võ Phiến, Tô Oanh, Lê Tất Điều, Nguyễn Mộng Giác, Phạm Tấn Kiệt, Lê Quan Tân.

xuân xuất sắc tổ chức ngày 9-3-75 (1) chúng ta còn tìm thấy rất nhiều bài thơ hay khác trong tập báo trường nữ trung học (như bài «Gửi người em lớp 6» của Trần Bích Tiên, học sinh Bùi thị Xuân Đà Lạt đã được trích đăng trên Bách Khoa số trước); những bài thơ lời lẽ trong sáng nhưng bên trong, đằng sau ngôn ngữ bình dị hồn nhiên, đã thấy man mác rung động nhẹ và lặng của tuổi mới lớn.

Trong khi những bài có giá trị hầu hết là thơ, và chỉ một số nhỏ truyện ngắn đạt được các tiêu chuẩn cần thiết của truyện, thì truyện ngắn của phái nữ lời cuốn người đọc không phải nhờ ở bố cục hoặc ý nghĩa, mà nhờ hoàn toàn ở linh hoạt của đối thoại (có thể kể thêm những truyện khác có một ưu điểm tương tự, như truyện của Lotus ở Lê văn Duyệt, Nguyễn thị Lan Hương ở Pleiku, Cung ở Chi Lăng...)

Rõ ràng trong khả năng sáng tác, cả thơ lẫn truyện, nữ sinh đạt được trình độ nghệ thuật cao hơn nam sinh. Có thể nhiều người sẽ giải thích: chẳng qua là do ở sự phát triển tâm lý sớm của phái nữ — Ở cùng một lớp tuổi, bao giờ phái đẹp cũng tỏ ra nhạy cảm và mau mắn ứng phó hơn phái mạnh. Đọc hết mấy mươi tập báo xuân học đường, để rút ra được nhận xét về ưu thế của phái nữ trong sinh hoạt văn chương, chẳng qua chỉ là xác nhận lại một điều đã cũ về tâm lý! Chưa phải là một hiện tượng đâu!

Nhưng vấn đề không đơn giản như

vậy, vì chúng ta lại ghi nhận thêm một điểm đáng lưu ý: trong các tập báo xuân học đường, gần như người cha luôn luôn vắng mặt. Cả nam sinh lẫn nữ sinh đều âu yếm, trù mến nói về người mẹ. Mẹ may áo mới, mẹ sửa soạn đưa hành và bánh chưng. Mẹ âu sầu than thở chưa tìm đủ tiền sắm Tết... Biết bao từ ngữ đẹp dâng hết cho người mẹ. Các tùy bút hay nhất của học sinh, cảm động chân thành nhất, đều lấy đề tài từ tình mẹ. Rồi thêm sông mẹ, biển mẹ, quê mẹ... Trong lúc đó, người cha luôn luôn ở xa, hoặc hình ảnh phảng phất mờ ảo sau làn hương nghi ngút trên bàn thờ. Cha là cõi chết, là quá khứ. Mẹ là nguồn sống, là hiện tại. Rõ ràng nữ giới chiếm ưu thế thực sự và nam giới bị đẩy vào một góc riêng, đề tưởng niệm.

oOo

Lần thần nghĩ xa về trước, chúng ta thấy hiện tượng đó đã có từ lâu. Lấy phái tính của các nhà văn nhà thơ làm tiêu chuẩn nhận định, chúng ta có thể tìm cái mốc văn học ở những năm 1965, 1966. Trước đó, gần như nam giới giữ vai trò chủ động trong sinh hoạt văn học. — Những người chủ biên của Sáng Tạo, Quan Điểm đều thuộc nam giới — Nhắc đến thế hệ 1954-1963 các nhà văn học sử có thể kể tên Mai Thảo, Vũ Khắc Khoan, Thanh Tâm Tuyền, Võ Phiến, Võ Hồng, Vũ Hạnh, Doãn Quốc Sỹ, Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc... toàn là nam phái. Sau đó, trong các nhóm

(1) Bài thơ nhan đề *Bây giờ là xuân cuối*, Xuân Ất Mão Gia Long.

Văn Nghệ, Hiện Đại, Thế Kỷ Hai Mươi... một lớp người mới xuất hiện, giữ vai chủ động trên văn đàn. Kể tên ra, chúng ta thấy nào Lê Tất Điều, Thế Uyên, Viên Linh, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn... Dĩ nhiên cũng có các nhà văn nhà thơ nữ, nhưng họ chỉ là đóa hoa trang điểm trên tạp báo. Vai trò chính, khuynh hướng, đường lối, vẫn ở trong tay phái nam, nhưng từ 1966 trở về sau, sự chủ động đó bắt đầu bị thử thách. Các cây bút nữ xuất hiện ngày một nhiều, giá trị được công nhận cả phần phẩm lẫn phần lượng. Độc giả có ngỡ ngàng ban đầu, theo dõi sinh hoạt của họ với đôi chút nể nang lẫn tò mò. Rồi độc giả bị họ lôi cuốn, uốn nắn cả thói quen, cảm quan. Thời cực thịnh của các cây bút nữ đến ngay sau đó. Trên tạp chí, trên tuần báo điện ảnh, trên nhật báo, tên tuổi các nữ sĩ cùng khắp: Nguyễn thị Hoàng, Nhã Ca, Túy Hồng, Trùng Dương, Minh Quân, Nguyễn thị Thụy Vũ... « Các cây bút nữ », « đàn bà và nghề văn », trở thành chủ đề trên tạp chí. Chưa hết, họ chiếm cả ba giải của giải Văn học nghệ thuật toàn quốc, dẫn đầu số sách phát hành. Hiện tượng đó tiếp tục xảy ra. Vài năm gần đây, phái nữ vẫn giữ được ưu thế. Các cây bút sáng tác đều đặn trên tạp chí văn học đa số thuộc phái nữ: Trần thị Ngh, Lệ Hằng, Nguyễn thị Ngọc Minh, Du Li, Vô Ưu..., và nếu căn cứ vào các báo xuân học đường 1974 để tiên đoán sinh hoạt văn học ba bốn năm sắp tới, thì có lẽ cái ưu thế đó của phái

nữ vẫn duy trì. Người sáng tác thuộc phái nữ, đề tài sáng tác, nhân vật điển hình thuộc phái nữ, và cả độc giả cũng là phái nữ. Ngôi trường không nằm thoi loi giữa biển khơi, mà nằm giữa phố phường, làng mạc, ở ngay trong cuộc nhân sinh. Ngoài xã hội phái nữ chiếm ưu thế, thì trong cuộc tranh đua giữa các báo Xuân học đường, phái nữ cũng phải chiếm ưu thế. Các nam sinh có vị tự ái phái tính mà vùng vẫy phản uất, cũng đành phải công nhận một thực tại. Và sau cơn phản chí, họ tủi thân! Họ kiểm điểm lại cuộc đời họ, họ sẽ thấy không có lúc nào đủ bình an để làm gì khác hơn là cắm đầu cắm cổ học. Cha mẹ thúc giục nhắc nhở bên tai! Sở động viên ấn định rõ số tuổi tối đa để được hoãn dịch học vấn! Họ không được có quyền lơ đãng, không được phép lằm lờ. Lằm lờ một lần, là hạn trăm năm. Tuổi trẻ trôi qua, quạnh quẽ và khô khan. Đời hỏi họ đủ thành thời viết văn, làm thơ khó quá! Họ đành chào thua các cô vậy!

oOo

Chiến tranh đầy người đàn ông lên một góc tường niệm. Chưa hết! Chiến tranh còn hằn dấu vết trên các trang báo học trò. Chiến tranh tàn phá thôn quê, và làm trù phú thêm thành thị. Các hố sâu giữa đời sống nội thành và vùng thôn quê càng ngày càng cách biệt đến độ những cảm nghĩ, những lối nhìn, những trang phục của cùng một dân tộc ở hai vùng hoàn toàn khác biệt. Trên báo xuân học đường, chúng ta dễ dàng đoán ra vị trí của ngôi

trường khi đọc vài bài thơ, một cái tùy bút, đoản văn. Có thể tạm phân chia ra hai dòng văn chương học đường: dòng thành thị và dòng nông thôn. Đề tài khác, lối dùng chữ khác, nếp sống khác. Cùng tâm sự với em nhỏ lớp sáu, Trần Bích Tiên bảo:

Này em lớp sáu, này em nhỏ
 « Gặp em rồi muốn thuở không quên »
 Trời ơi câu đó ngày hôm trước
 Ai rót vào hồn chị hỏi em?

Sách trên tay chị nghe chường nặng
 Sao cặp em đầy vẫn nhẹ tênh?
 Thôi nhé em về con phố dưới
 Giữ hoài cho chị tuổi Hoa Niên.

(Trần Bích Tiên 10C2
 Bùi Thị Xuân)

còn Nguyễn đăng Châu ở Quảng-Nam thì bảo:

Anh nói bé nghe chuyện làng
 chuyện xóm
 Chú Bảy anh Ba ngã xuống hôm nào
 Đường quê mình đi dày công
 nuôi nấng

Bằng xác bà con sữa mận máu đào
 Lơ lửng lá trời anh nói bé nghe
 Minh lại xóm quê một bữa đầu hè
 Yêu lắm bé thơ, chiều thương dấu cũ
 Có mẹ ngồi chờ trên chiếc chõng tre.

(Nguyễn đăng Châu — Đất Hồng
 Phan Chu Trinh)

Các tập báo còn khác biệt rõ ràng ở hình thức. Báo xuân học đường thành thị rực rỡ, sang trọng (in off-set trên giấy trắng láng, bìa nhiều màu, khổ lớn như các tập báo của Sương Nguyệt Anh, Võ Trường Toản, Lê quý Đôn, Hồng Bàng...), báo xuân tỉnh lẻ hoặc quận lỵ in

ronéo trên giấy hăm. Chúng ta dễ dàng đoán ra được phi tôn, rồi từ đó đoán tiếp gia cảnh của phụ huynh học sinh.

Chiến tranh ở các vùng nông thôn có cường độ khác nhau, cho nên bỏ ra ngoài sự khác biệt về đề tài hay hình thức giữa nội thành và ngoại ô, chúng ta còn ghi nhận được những sắc thái đặc biệt của văn chương học đường một vài vùng: như sắc thái « an toàn » của văn chương học đường tại thủ đô, và sắc thái « hiện thực » của tập báo xuân Đất Hồng — Phan Chu Trinh Đà Nẵng (đặc biệt nhất là các bài thơ của Quảng Điền, Nguyễn đại Bường, Lê văn Quang, Nguyễn đăng Châu, Nguyễn hoàng Thư).

Các đợt sóng của chiến tranh xô qua, tạo nên các phân ly. Nhưng cũng sẽ có những gợn sóng phản hồi: chiến tranh đẩy người dân ra khỏi đất tồ, đưa họ vào các trại tạm cư. Đứa trẻ ngơ ngác nhìn phố xá lạ. Vài tháng sau, đứa bé sẽ được gửi cho một người anh người chị làm việc ở xa nuôi nấng giùm. Chú bé lên đường. Rồi chú bé tập cầm bút viết báo Xuân. Cho nên chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi đọc được những tiếng *Mô, Tê, Răng, Chừ* trên tập báo Xuân của một quận lỵ hẻo lánh miền cực nam, hoặc tìm thấy những chữ *Hồng-thêm* ngún nguây, *A-nheng* thân ái trên trang báo học sinh ở các tỉnh cực bắc.

oOo

Bao nhiêu suy đoán, nhận định trên đây đều dựa trên một cái nền

không mấy vững : là mấy mươi tập báo xuân học đường dự thi đủ đại diện cho sinh hoạt văn chương học đường trên toàn quốc.

Không mấy vững, vì thề lệ dự thi có hai điều kiện khắc khe :

— mỗi tỉnh chỉ được quyền giữ một tập báo xuân về trung ương dự thi. Do đó, một số báo xuân học đường địa phương bị loại ngay từ vòng sơ kết, ở ty văn hóa giáo dục và thanh niên.

— Các tập báo hợp lệ phải có giấy phép kiểm duyệt của bộ Dân Vận và Chiêu hồi. Vì nhiều lý do, chúng ta có thể nghi ngờ sự khách quan của

ban tuyển trạch ở các ty văn hóa giáo dục và thanh niên địa phương. Đó là chưa kể sự bất công giữa quyền dự thi một trường trung học đô thành với quyền dự thi của một trường ở tỉnh. Điều kiện kiểm duyệt cũng quá khắc khe, nên chúng ta thông cảm nỗi khó khăn trong việc xin kiểm duyệt và việc ấn loát của các trường xa xôi thị tứ. Chúng tôi đề nghị bộ Văn hóa giáo dục và Thanh niên trong các kỳ thi sau, bỏ hẳn hai điều kiện này. Trong khi chờ đợi, những lời suy luận từ đầu đến giờ có lẽ chỉ là những lời « đoán mò » !

Saigon 5-3-1975

NGUYỄN MỘNG GIÁC

- * Một ngã rẽ của dòng sông, ngôi trường bên bãi cát, cô giáo, chàng phé bình, đám trẻ hồi cư trên phố đỏ.
- * Sự nghiệt ngã của kiếp sống, nét thi vị của tình yêu, khát vọng thầm kín của cảm giác

Bạn đọc sẽ tìm thấy khung cảnh, xúc cảm đặc biệt ấy trong :

DẠM DÀI VÓ MỎI

Truyện dài mới nhất của NGUYỄN MỘNG GIÁC nhà văn đã tạo những dư luận nồng nhiệt và mâu thuẫn trong sinh hoạt văn học năm 1974.

AM TIÊM xuất bản mùa xuân 1975

Quà Tết cho các bạn yêu thơ :

ĐẤT HỨA QUÊ NHÀ

- tập thơ thứ ba của HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN
- tiếng hát lồng lộng bi tráng của một tâm hồn lang thang và tha thiết với quê hương.
- Kiên Giang viết tựa. Du Tử Lê viết bạt
- Đồng Dao xuất bản. Nam Cường tổng phát hành.

NÊN TÌM HIỂU NƯỚC BẠN KAMPUCHEA

có liên quan mật thiết với dân tộc Việt-nam chúng ta, bằng những sách giá trị :

LÊ HƯƠNG

SỬ CAO MIÊN

Quyển sử Cao-Miên đầu tiên viết bằng Việt ngữ, khảo cứu công phu, từ lập quốc đến hôm nay.

Sách dày 264 trang khổ to, nhiều tài liệu, hình ảnh quý giá.

VIỆT KIỀU Ở KAMPUCHEA

Người Việt-Nam đến sinh sống tại Cao-Miên từ lúc nào và sống làm sao từ ba thế kỷ nay.

Sách dày 264 trang khổ to, có nhiều hình ảnh.

NGƯỜI VIỆT GỐC MIÊN

Hiện có bao nhiêu người Việt gốc Miên sống tại miền Nam Việt-Nam và họ sống như thế nào : tình trạng xã hội, phong tục, tập quán, tôn giáo, văn hóa, kinh tế được trình bày rõ ràng trên quyển sách dày gần 300 trang khổ to.

TRUYỆN CỔ CAO-MIÊN

Toàn bộ 2 quyển dày gần 500 trang gồm những truyện cổ đưa vào sử Cao-Miên, truyện gốc Bà-la-môn, truyện gốc Phật giáo, truyện dân gian, truyện các loài thú, đọc rất thú vị.

CHÂU ĐẠT QUAN

CHÂN LẠP PHONG THỔ KÝ

Quyển sách duy nhất mô tả vùng Angkor, đế đô nước Cao-Miên ngày xưa, giữa thời cực thịnh. Một tài-liệu vô cùng quý giá để tìm hiểu về Cao-Miên. Bản Việt-ngữ của Lê Hương.

● Những sách trên đều có bán tại:

NHÀ SÁCH KHAI TRÍ 62 Lê Lợi Saigon

Bạn đồng môn

Nhóm thực tập có tất cả ba người : Hân, hân và một sinh viên tên Phương. Khi đọc tên mình trong danh sách niêm yết, Hân không khỏi có một chút bất như ý vì phải làm việc với hai tên nam sinh viên. Chắc hẳn bọn hân sẽ dành hầu hết cả và không để mình mó tay vào bất cứ việc gì cho xem, Hân nghĩ một cách bức bối. Cô thù người ngó tằm bằng bằng đôi mắt ghét bỏ, như thể chính nó đã đóng vai quyết định trong việc chia nhóm của cô. Năm vạt áo dài, Hân xoay mình để bước xuống bậc cấp và chạm phải hân. Hân kêu :

— Oái ! Sao chị dẫm lên chân tôi

Đỏ bừng mặt, Hân ngược nhìn hân. Rõ ràng hân giả vờ vì cô chỉ mới đụng khẽ vai hân. Hân cắn môi, có lẽ để ngăn một nụ cười, và nói, trước khi Hân có thì giờ xin lỗi để bước đi :

— Chị thực tập chiều thứ ba phải không ?

Hân gật đầu để khỏi trả lời tiếng “ừ”

— Nhưng sao anh biết ?

— Sao lại không biết. Tôi ghi chung tiểu nhóm với chị nữa kìa. Tên tôi đây này....

— Trần Hưng Quốc ! Tên kêu quá. Hân trêu hân. Cô vuốt tóc để dấu nụ cười và bước thật nhanh.

Như thế đó, và Hân đã phải học chung với hân, một cách tình cờ thế o

ý cô nhưng chẳng tình cờ chút nào theo ý hân. Cô không quen hân trước và dĩ nhiên chẳng hiểu hân lấy một tí. Tất cả những gì cô biết về hân là hân ở trong đội bóng rổ của nhà trường, thế thôi.

Hân và nhóm bạn của hân thường gây sự chú ý trong giảng đường vì sự ăn mặc giống nhau đồng loạt và vì hay nghịch phá. Hân nổi nhất bọn, vì hân cao nhất nhưng cũng vì hân bảnh trai hơn cả. Chính lý do thứ hai đã khiến Hân cố tình phớt lạnh trước sự cầu thân của hân. Cứ xem cách các nữ sinh viên khác nhìn hân thì biết rằng điều tốt hơn cả là nên giới hạn đến tối đa việc nói chuyện với hân trong giảng đường. Hân không muốn cái vỏ trầm lặng của cô bị phá vỡ vì những lời bàn tán của bè bạn, nhất là bởi một người như hân, một cậu nhóc tí, dưới mắt Hân.

oOo

— Này này đừng có chọc tôi. Tôi sắp sửa nổi giận rồi đó.

Hân nói lớn và cố rút tay ra nhưng hân thân nhiên giữ chặt tay cô dưới bàn tay hân đang đè cứng trên mặt bàn. Qua ánh sáng trắng của ngọn đèn thủy ngân, Hân trông thấy mắt hân ánh lên một vẻ kiêu ngạo ranh mãnh. Miệng hân phảng phất một nụ cười :

— Cứ tự nhiên. Tôi thích nhìn anh nổi giận.

Cô quắc mắt :

— Nhưng thả tay tôi ra đã.

Hắn từ từ nhấc tay và nói chậm rãi :

— Đừng có cấu tôi nhé. Móng tay anh nhọn quá.

Hắn đứng tựa lưng vào bàn, bóp bàn tay, vừa nhìn hắn. Hắn cũng nhìn lại cô, vẻ thản nhiên, vô tội và như không hề biết rằng chính hắn vừa chộp lấy tay cô siết mạnh đến nỗi cô xuyết ứa nước mắt vì đau.

A, đại gì mắc mưu hắn chó. Hắn đang chờ mình trả đũa đây mà. Hắn nghĩ thế và bỏ ra đứng tựa vào tường. Hắn ngạc nhiên, trông theo nhưng rồi lại tiếp tục loay hoay điều chỉnh và đo, ghi, trong cái ánh sáng lờ mờ của phòng thực tập.

— Phương sắp bị cấm thi, vắng mặt ba lần rồi. Anh biết lý do không?

— Ừ, tôi tưởng anh nhất định không nói chứ. Anh không giận, giỏi thật. Này, có đau tay lắm không?

— Mặc xác tôi. Trả lời câu hỏi đi.

— Hách quá. Y như cô giáo ra lệnh cho học trò.

Rồi hắn chống tay lên má, ngó Hân. Cô khoanh tay, gật đầu :

— Ừ, và đừng có kêu tôi bằng anh, tôi ghét lắm. Kêu tôi bằng chỉ Hân đi.

Thình lình hắn đứng lên và chỉ bằng vài bước hắn đã đến ngang trước mặt Hân. Cô hơi hoảng vì không biết hắn định làm gì. Lỡ hắn nắm cả hai tay cô như ban nãy thì

chết. Căn phòng nhỏ dành riêng cho bài thực tập này chỉ có hắn và cô. Nhưng không, hắn cúi xuống nói vào tai Hân một cách ôn tồn :

— Này, đừng có đòi làm lớn. Anh không thấy anh chỉ đứng đến tai tôi sao. Nói chuyện với tôi, anh phải ngược lên mà.

— Với em trai tôi ở nhà, tôi cũng ngược lên vậy.

— Bướng bỉnh ! Nhưng không phải là không trị được. Anh sinh tháng mấy?

— Tháng bảy.

— Tôi sinh tháng tư. Vậy tôi lớn hơn anh ba tháng.

Nói xong, hắn đi vòng quanh bàn, gõ tay lên từng dụng cụ để trên đó, về đặc ý.

— Đừng có mừng vội. Con gái cùng tuổi với con trai thì già hơn hai ba năm lận, biết chưa.

— Ngu gì mà biết.

Hân ngồi xuống ghế. Tiếng quạt máy chạy vù vù. Bên kia cửa phòng, những nhóm sinh viên khác đang nói chuyện ào ào. Hắn cũng ngồi lên mặt bàn, đối diện với cô. Hân nghĩ: luôn luôn hắn muốn hơn mình.

— Thật anh không biết tại sao anh Phương bỏ học à. Ngay trong giờ lý thuyết tôi cũng không thấy anh ấy.

Hắn cầm cây viết lên, che ngang đôi mắt và hỏi lại :

— Tại sao anh bận tâm đến Phương?

— Phương không phải là bạn học của tôi sao. Của anh nữa chứ. Nếu bỗng nhiên anh nghỉ học tôi cũng sẽ hỏi Phương như vậy.

Hắn gật gù rồi trả lời :

— Phương đâu cần thi nữa mà cấm với không cấm. Nghỉ học luôn rồi. Ba nó chết cách đây một tháng, con trai lớn phải đi tìm việc, phải có trách nhiệm với bảy em. Vậy đó.

Hắn nhú mày, cúi nhìn mặt bàn một lúc rồi lại hỏi :

— Ba Phương sao chết ?

— Đi lính, đánh nhau.

— Vậy rồi sao ? Phương nghỉ học, sang năm hết hạn hoãn dịch, làm sao ?

— Không hoãn dịch thì đi lính. Dễ vậy mà anh cũng hỏi.

Hắn nói tình queo khiến Hân ngạc nhiên. Cô nhìn hắn, cố tìm một vẻ gì chứng tỏ hắn cũng lưu tâm đến Phương mà không thấy. Hắn có vẻ bàng quan rất thật tình. Cô thở dài :

— Tội nghiệp Phương, tương lai anh ấy thay đổi chỉ trong có một ngày.

— Thôi, anh đừng có phân ưu nữa. Ở trường hợp Phương, tôi sẽ rất vui vẻ mà vào quân trường.

Hân nổi giận, cô lớn tiếng :

— Dẹp cái giọng đó của anh lại đi. Anh mà vào quân trường ? Dễ dẫu gì. Bao giờ mà những người như Phương, như em Phương chết hết cả thì cũng chưa chắc tới phiên

anh. Anh chỉ nói giỏi thôi. Anh đâu có nhìn thấy cái gì.

— Thấy cái gì ? Hắn chớp ngang đề hỏi.

— Nghèo ! Đói ! Anh chưa bao giờ hít thở cái không khí ngột ngạt của một vùng chiến tranh. Anh chưa bao giờ sống trong một trại tạm cư. Anh chưa bao giờ thấy một đứa bé bị phỏng bom xăng. Anh đúng là thứ dân thành-phố-từ-chân-tóc.

Hắn có vẻ bị chạm tự ái :

— Vậy là sao ? Anh tưởng tôi không biết gì cả, tôi ngu lắm sao ? Sách đó, báo đó, đề làm gì ? Tôi có đọc, rất nhiều là khác. Nhưng tôi làm gì được ? Ngay cái thân tôi, tôi còn phải nhờ cậy gia đình. Hễ rớt thì đi lính. Vì thế phải học. Học trước đã.

— Đó là triết lý sống của anh, của những người như anh.

Một sự im lặng khó chịu đè nặng lên căn phòng. Một lúc hắn đưa tay lên vuốt tóc, mái tóc dài như của một ca sĩ ngoại quốc, và cười, nụ cười làm lạnh :

— Đừng nói chuyện đó nữa, tôi ngán lắm. Sao anh không kể cái gì vui hơn. Ở quê anh chẳng hạn. Có phải ngoài đó nhiều biển và núi lắm ?

— Ở, chung quanh toàn là biển và núi. Và con người luôn luôn cảm thấy bị chèn ép, phải tìm cách chống lại.

— Họ tưởng như vậy chứ.

— Đâu có, sự thật là như vậy. Tâm hồn họ luôn luôn bị kích động.

Hắn mở cây viết ra, sấm soi cái ruột viết trước ngọn đèn và nói với Hân :

— Khi gặp anh lần đầu, tôi nghĩ : chắc anh phải hiền lắm.

— Đó là quyền của anh. Nhưng mà, thôi, đừng nói nữa.

Hai người thu dọn những dụng cụ, soạn lại sách vở, tắt đèn và mở cửa bước ra. Họ là những sinh viên muộn nhất. Người giảng nghiệm ngồi ở bàn đang chăm chú vào một cuốn sách, không ngẩng lên.

Hân ký tên vào phiếu thực tập của mình. Cô lật phiếu của Phương lên và nhìn ba khoảng trống trên đó. Chắc cô sẽ không còn gặp lại Phương, khó khăn quá.

— Anh còn học gì nữa không ? Hân hỏi.

— Không.

— Chiều nay trời đẹp quá.

— Ờ.

Hắn đi song song với Hân trên đường ra cổng. Hoa lim-sét rải vàng những con đường trong trường. Một luồng gió ulla đến và cả một cơn mưa vàng rơi trên vai Hân.

oOo

Leo lên ngồi sau xe hắn, Hân nói ngay :

— Anh nhiều chuyện lắm. Tại sao không đến thư viện ? Nhà anh xa không ?

— Anh sợ đến nhà tôi à ?

— Chuyện gì phải sợ.

— Thôi thôi đừng hỏi nữa.

Hắn phóng xe như bay, lao vun vút qua mặt các xe khác và Hân chỉ có một việc duy nhất để làm là ngồi yên chịu trận. Khi đến một ngã tư có đèn đỏ cô mới có dịp để nói :

— Anh định đến nhà thương phải không ?

Hân ngoái đầu :

— Còn anh thì khiếp rồi phải không ?

— Chạy nhanh hơn nữa, nếu có thể. Đừng tưởng tôi sợ.

Xe vòng những con đường đông nghẹt và chậm lại ở Lê Lợi.

— Tôi không thích phố xá. Hân nói.

— Tôi thì trái lại.

— Tôi cũng không thích gặp người quen.

— Đủ ba vòng phố thì mình về nhà.

Hắn nói thản nhiên. Hân đếm đủ ba vòng phố và chắc chắn hắn không chạy thêm nữa, liền nói :

— Tôi nhức đầu với cái bụi khói này. Tôi hứa lần sau sẽ không nghe anh nữa. Anh nghịch quá.

Bỗng dưng, hắn chạy chậm hẳn lại và nói bằng một giọng nhỏ nhẹ để thương đến nỗi Hân không ngờ :

— Thôi, tôi không đùa nữa, mình về nhà. Hân sẽ dễ chịu với không khí ở nhà tôi, im vắng, mát mẻ. Có cả vườn cây cho Hân đi dạo nữa. Tôi chạy chậm này, Hân nói chuyện đi.

— Sao hết kêu tôi bằng anh rồi

— Hân chứ ! Hân-Hân.

— Đừng sửa tên tôi. Hân không cũng được rồi. Hay là chị Hân, tốt hơn.

— Sao lại chị. Bé bỏng như Hân phải để người ta che chở, săn sóc cho. Hân chỉ giả vờ. 'Tôi biết Hân ngoan lắm.

Lạ chưa. Hân nói như vậy mà Hân lại mắc cỡ mới chết chứ. Cô ngồi yên, không còn cái sắc bén, ngang bướng thường ngày. Nếu hân cứ tìm cách chọc tức cô thì dễ dàng biết mấy.

Khi hân ngừng xe trước cổng một biệt thự ở đường NTC, Gia-định, Hân bước xuống, bối rối ngó những hoa thông thiên trong khi hân đẩy xe vào.

Phòng học của hân ở phía trái ngôi nhà, trông ra vườn hoa. Hân kéo ghế rồi ngồi xuống cạnh Hân.

— Ông bà già không có nhà, lũ em đi học cả. Vắng quá, phải không Hân ?

Hân lấy viết và giấy ra, cô chống tay lên cằm :

— Hôm trước anh giữ kết quả bài thực tập. Mình làm bài đi.

— Thùng thăng đã. Sao Hân chăm học quá vậy.

— Tôi muốn làm việc trước đã.

Hân soạn trong chồng sách, đưa cho Hân tờ giấy ghi kết quả rồi khoanh tay nhìn cô làm việc. Hân suy nghĩ một lát rồi bắt đầu viết bài tường trình. Lát sau, cô đẩy tờ

giấy về phía hân :

— Lấy tích phân và nhân chia ra dùm. Tôi ngán mấy con số lắm. Con gái vốn sợ toán.

Hân cười nhẹ, có vẻ trêu cợt câu nói của Hân. Hân nhìn quanh căn phòng. Có một vẽ ngăn nắp và hòa hợp chứng tỏ hân có khả năng trang trí. Bức tranh vẽ cảnh biển động với những màu và những nét bạo treo cạnh bàn học. Một hoa bích hợp bằng gỗ gắn trên tường. Hân hỏi :

— Anh có đi hướng đạo ?

— Lúc trước. Bây giờ hết rồi. Mỗi tuổi có mỗi ý thích.

— Hiện giờ anh thích gì ?

Mắt hân nhìn lên, có vẻ ngạc nhiên. Nhưng rồi hân đáp ngay :

— Nhiều lắm, làm sao kể hết.

— Ví dụ ?

— Thích ngồi đây nói chuyện với Hân chẳng hạn.

— Nhảm. Bài xong chưa ?

Cô đứng lên, vòng ra sau lưng hân nhìn vào tờ giấy. Kết quả đã được đóng khung.

— Chỉ có chừng này mà phải đi xa từ Saigon đến Gia-định.

— Còn nhiều chứ, sao lại chỉ có chừng đó. Hân hát đi.

— Hát ?

Hân dừng lại ở một bên đối diện với hân và mở to mắt hỏi lại. Khiến hân phì cười :

— Hát thì hát chứ sao. Hân làm gì ghê thế.

— Tôi hát dở thậm tệ.

— Ai tin được Hân hát Dạ khúc nhé, đề tôi đệm cho Hân. Guitare? Piano? Tôi đánh piano không được hay, em gái tôi khá hơn.

Hân không trả lời, cô đứng nhìn ra bên ngoài cửa sổ. Cây đại-tượng-quân giữa vườn nom thật hùng dũng mạnh mẽ như cái tên của nó.

— Kia Hân, hát đi chứ.

— Tôi thích nghe hát ru em hơn.

— Đừng đùa nữa.

— Tôi đâu có đùa.

Hân ngồi phịch xuống ghế và ngó Hân như thề trách móc. Cô chỉ ra ngoài vườn:

— Anh coi, nắng sáng loáng trên các ngọn lá trông thật đẹp.

— Hân thích ra vườn?

— Cũng được.

Hân đi trước dẫn đường. Hân trông thấy bờ vai rộng và dáng cao lớn của hân như bảo cho cô biết hân không phải là một cậu bạn nhỏ của cô như cô đã tưởng. Hân đi lẫn vào các cành lá, nghe lá chạm vào má, vào tóc để cảm thấy được vẻ hồn nhiên của cây cỏ. Cô ngắt một đợt mận non đưa lên mũi.

— Ngồi xuống đây đi.

Hân nói và ngồi xuống một băng đá. Hân làm theo lời hân. Hân ngấm những lá mận non mướt màu đỏ cô đang cầm.

— Hân có vẻ thích thiên nhiên lắm phải không?

— Còn anh, chắc anh thích thành phố lắm?

— Tôi cũng thích thiên nhiên chứ. Nhưng cuộc đi chơi núi, chơi biển chắc hẳn phải thú vị hơn là chui vào rạp xiê hay các quán cà-phê.

— Tôi thích núi vì ngày xưa quê nội tôi ở trên một nguồn sông. Còn tôi thích biển vì bây giờ các cô tôi đều ở một trại tạm cư sát bờ biển. Lý do là như vậy đó. Cái khác biệt cũng từ đó mà có.

Hân giang thẳng hai cánh tay trên thành ghế, im lặng. Trong bóng râm, đôi mắt hân như đen hơn, âm u hơn. Hân nheo mắt, ngó những khóm hoa đằng xa.

— Tôi sinh ra và lớn lên trong thành phố này. Những bạn của tôi cũng vậy. Những nơi tôi được phép đi đến là các hồ bơi, những sân thể thao, những con đường phố...

— Chính anh cũng thích được giam mãi trong cái nhà tù sơn son thếp vàng đó.

— Ba má tôi không để tôi thiếu thốn bất cứ cái gì và tôi không có một lý do nào để làm trái lời họ.

Hân cười nhẹ:

— Ai ngờ giữa thành phố Saigon lại có được những thanh niên ngoan ngoan như anh. Biết bao nhiêu người bằng anh hoặc nhỏ hơn đã phải tự lực trong nhiều việc, dĩ nhiên anh có thể cho rằng vì họ không có đủ điều kiện như anh.

— Hân hạch sách tôi như thề tôi đã làm điều gì lắm lỗi lắm.

Hắn bước vài bước rồi trở lại chỗ cũ, ngồi vòng tay nhìn xuống mũi giày, im lặng. Hắn cũng im lặng. Cuối cùng, không thể dừng được, cô lên tiếng:

— Có phải hàng ngày anh vẫn ăn cơm?

Hắn ừ bằng một giọng nghi ngại, mắt đắm đắm nhìn hắn.

— Cơm từ đâu? Từ gạo. Gạo từ đâu? Từ lúa. Lúa trên những cánh đồng vùng quê. Tức là đời sống anh vẫn gắn liền với thôn quê mà anh không biết.

— ?

— Đã có bao giờ anh đi xa chưa?

— Có. Đà Lạt, Vũng tàu, Nha Trang, hè nào tôi cũng đi cả.

Hắn đứng bật dậy, cô vò những lá mạn và vứt ra xa. Hắn cũng đứng lên.

— Trưa lắm rồi. Hắn nói.

— Lẽ ra chúng ta đã có một buổi sáng vui vẻ để còn nhớ được lâu. Để tôi hái cho hắn một ít hoa nhé.

— Đi đâu cho xa. Hái cho tôi mấy cái hoa tử muội cạnh hàng rào đây cũng được rồi.

Khi đưa hoa cho hắn, hắn ngập ngừng thật lâu trước khi hỏi:

— Tại sao lại là hoa tử muội?

— Thì vì là hoa tử muội chứ sao.

oOo

Trời nóng bức. Trong giảng đường hơi người hừng hực bốc ra khiến

Hắn mệt ngất. Những chiếc quạt trần xoay tít. Không xua kịp cái không khí hâm hấp ra ngoài hai cánh cửa.

Lưng áo hắn ướt đầm. Cô uể oải đưa mắt nhìn xuống những hàng ghế thấp hơn trước mặt. Cô có ý tìm Quốc mà không thấy. Hắn đã vắng giờ thực tập hai lần rồi. Cô không nghĩ rằng hắn có thể bỏ ngang việc học.

Đôi khi hắn tưởng bắt gặp mái tóc hay vai áo hắn ở một góc giảng đường nào đó nhưng khi người kia quay lại thì cô biết mình lầm.

Giáo sư xách cặp bước vào. Sinh viên lục tục đứng lên. Những người ngồi ở bực cấp loay hoay một cách khó khăn. Họ cố tình chậm chạp để chỉ phải nhòm người lên một chút. Giáo sư ngừng lại trước cái bực gỗ dẫn lên sân khấu. Ông đưa cặp mắt dò xét pha lẫn ái ngại, chán chường, nhìn đám sinh viên đang nhón nháo như một lũ giặc.

Ông đưa tay ra hiệu, các sinh viên ngượng ngập ngồi xuống. Giáo sư định bước vài bước nhưng không còn một khoảng trống nào cho ông. Ông đứng phía sau bàn giáo sư, nhìn xuống giảng đường như tìm ở các môn sinh một sự biểu đồng tình.

— Làm sao tôi có thể dạy dỗ gì trong cái tình trạng như vậy?

« Thừa thầy, lỗi không ở chúng con. Chúng con không hề muốn học trong cái tình cảnh này cũng như thầy không muốn dạy trong cái tình cảnh này. Chẳng một ai trong chúng ta muốn cả. » Hắn nghĩ thế nhưng làm sao cô dám nói thành lời.

Buổi học bắt đầu. Giáo sư loay hoay trước tấm bảng, trước đám học trò khò sở cổ thu xếp tay chân để ghi được bài học. Bụi phấn đỏ trắng trên đầu, trên tóc những sinh viên ngồi kề bảng.

Hân ghi bài như cái máy. Cô mệt mỏi, chỉ muốn được thoát ra bên ngoài để hít một chút khí trời.

Khi giáo sư vừa buông micro xuống bàn, sinh viên đã ứa đến cửa như được giải thoát. Hân bước chậm rãi xuống từng bậc cấp, cố để dừng đọng nhào những chông vờ để ngòn ngang trên mặt đất.

Cô đứng ở trước cửa một lát và thấy hân xăm xăm đi lại.

— Kìa Hân. Tôi đi tìm Hân muốn chết.

— Có việc gì không? Anh đi đâu mấy tuần nay?

Hân có vẻ ngần ngại, nhịp nhịp mũi giày trước khi nói:

— Lại đăng quán một lát. Ở đây đông quá.

Hân kéo ghế cho Hân và trầm ngâm thật lâu. Rồi hân cắn một bên môi và bắt đầu:

— Chắc Hân không biết tôi sắp đi xa. Giấy tờ đã xong cả. Ngày mốt là lên đường.

Lặng người đi một chút vì ngạc nhiên, Hân đánh rơi chiếc khăn tay xuống góc bàn. Hân cúi nhặt, bóp chặt trong lòng bàn tay rồi đưa trả cho cô. Mắt hân ngưng lại trên bàn tay cô đang đưa ra. Hân nói nhỏ:

— Vậy mà tôi tưởng...

— Tôi chỉ dự phần rất ít vào cái quyết định này. Ba tôi bảo ông không muốn thấy tương lai tôi bị chôn vùi trong những giảng đường chật hẹp, những phòng thí nghiệm cũ kỹ nghèo nàn ở đây. Tôi cần phải đi học để có một tương lai sáng sủa sau này.

— Tức là tương lai anh không ở trên nước Việt-nam hay sao?

Hân xoay tròn ly nước trên bàn khiến cái thìa nhỏ va vào thành ly kêu leng keng.

— Hình như đúng như vậy, tôi mệt mỏi lắm khi phải chen chúc trong những giảng đường, những phòng thực tập bần thiêu, để rồi được cái gì?

— Ô cnao, anh nói nghe như một ông cụ bảy mươi tuổi mắc bệnh bi quan trầm trọng. Anh mới hơn hai mươi thôi mà.

— Vậy học để làm cái gì, ở đây? Hân nói thử coi.

— Bao nhiêu người vẫn học trong những điều kiện thế này, họ không chủ bại giống anh và vì vậy chưa hẳn họ đã trở nên vô ích.

Hân cười:

— Họ làm được những gì, Hân kể thử xem. Những chỗ nào sẽ được dành cho họ? Có phải là những địa vị khiêm nhường vào bậc nhất trong các công sở?

— Không phải. Hân hết.

— Vậy thì sao ?

— Tôi không so sánh giá trị bằng cấp ở Việt-nam và ở nước ngoài. Tôi cũng không định nói tới các chức vị ông lớn bà lớn đâu mà anh tưởng lầm. Tôi nói rằng cứ học đi và anh sẽ biết là anh nên làm gì. Không phải chỉ chú ý đầu trên các chõng cours mà là học thêm trong đời sống, là một trường đại học đã cung cấp không ngừng những bài học mới và đến bộ cho chúng ta.

— Như vậy, Hân không mừng thấy tôi được đi sao ? Hân hỏi.

— Có chứ. Tôi mừng cho anh vì anh sẽ được tự do trông thấy những điều mới lạ hơn lúc ở Saigon. Anh sẽ được tự do mở rộng nhiều cánh cửa và thông dong đi vào con đường anh sẽ chọn, nếu như anh dám chọn.

Hân đẩy một mảnh giấy nhỏ đến trước Hân :

— Đây này, địa chỉ của tôi. Hân nhớ viết thư và kể chuyện Saigon cho tôi nghe với nhé.

Hân nhìn những hoa phượng rơi trên mặt đất. Có thể nào những hoa kia vẫn còn tiếp tục hấp thụ được nhựa đất hay không.

Sinh viên đang lũ lượt kéo vào giảng đường. Hân đứng lên :

— Tôi phải vào học.

— Hân hứa với tôi đi.

— Tôi sẽ không hứa gì với anh cả. Cũng như anh không cần phải hứa gì với bất cứ ai. Anh nên hứa với chính anh, với chính tuổi trẻ của anh thì hơn. Và tôi mong là khi có những việc đòi hỏi phải tham dự, anh sẽ không từ chối. Chắc chắn chừng đó tôi sẽ có nhiều chuyện để viết cho anh. Anh đi, chúc bình an và vui vẻ. Và đừng quên là anh đang có tuổi trẻ, đừng để trôi qua một cách phí phạm.

Hân đưa tay phác một cử chỉ, nhưng Hân đã quay lưng, bước nhanh. Cô đến chỗ ngồi vừa lúc giáo sư bắt đầu giảng. Cô mở cặp và bỏ tờ giấy nhỏ của hân vào một ngăn, kín nhất.

VÔ ƯU

LỚP DẠY DÀN HUÊ

do Bà ĐỐC TRAI và Cô VĂN HOÀNG OANH hướng dẫn

- DÀN TRANH
- DÀN NGUYỆT
- DÀN TỖ BÀ

dạy theo phương pháp cổ truyền và phương pháp ký âm
DẠY TỪNG KHÓA HOẶC DẠY RIÊNG TỪNG NGƯỜI
THEO GIỜ HẸN.

Xin hỏi tại nhà số 10 Cư xá Kiến Thiết Tân-định
19 đường Nguyễn Hữu Cánh Saigon — Đ.T 97.854 ngoài giờ làm việc

Độc âm hành

Thơ VÕ TẤN KHANH

ngiêng cốc chưa khô lòng đã cạn
nghêu ngao lời đục rót canh chầy
vầng trăng vàng những hồn xưa sáng
có rủ nhau về vui tối nay ?

cổ buốt rang khô niềm hận cũ
qua rồi, cơ nghiệp lỡ hai tay
lòng vui chưa đến đầy chung rượu
chút mộng cơ hồ như cát bay

cho dầu đời khô như chiếc lá
cũng còn theo được đến hôm nay
ô, ta ví trước làm trâu ngựa
thì đã so lưng gánh đọa đày

trăng cũng như vầng trăng thuở đó
tình nào chưa đậm nếp mối cay
năm năm ta ở nhờ ăn trọ
chăn chiếu người, quên chuyện rủi may

lời ngọt nào hơn câu hẹn ước
ơn em vô lượng khó đong đầy
trang giấy vui buồn khó nét mực
ta đành gửi lại khói sương bay

lưu lạc đã từng thân với phận
đời cũng như ta hận chất đầy
hồi ơ giữa buổi thời ly tán
ai tính làm chi chuyện trả vay ?

buồn lắm nhưng mà không có bạn
dần ly đập vỡ máu loang tay
khung cờ cũ bụi un hôi hám
bàn ghế long chân nhện bám đầy

cũng muốn như người reo thích chí
lộc lừa tráo trở bán lương tri
nhưng ta ruột thẳng lòng không lụy
đau đớn cười xem cuộc thế xoay

mắt vẫn tinh anh dù tuổi tác
rượu mùi chưa đậm có đâu say
giọng khàn nhưng vẫn ngâm thơ được
còn chút hồn vui nghịch khói mây

Ô hô ta muốn cười nghiêng ngửa
làm gã điên lây lắt dạn dày
cối áo đem lòng phơi giữa chợ
cho người qua lại khóc thương vay
trăng vẫn như vàng trăng thuở đó
đêm tàn nghe lạnh chút heo may
quê nhà tiếng gọi run trong gió
mòn môi trông ta lụn tháng ngày
sức bạc cha nường lần gậy trúc
mẹ cười heo hắt tóc sương bay
hai thân còm cõi nhà xiêu dột
giấc mộng thôi đành ngậm đắng cay
vàng đá hơi đâu thời nhiều loạn
tóc tơ ai bán để đem bày ?
đổ lòng mấy bận quên, vui sống
thương tiếc hoài chi chuyện đổi thay
cổ buốt chưa khô dòn tâm sự
đàn ta so lại đã long dây
hồn xưa đâu, những lời ca cũ
ta khóc không ra lệ lúc này

Chiều trong rừng sâu ngồi đánh chén

Thơ NGUYỄN HUY CHƯƠNG

Mười năm hồn treo như ánh trăng
Bàn chân hồ hải cũng bắn khoăn
Mười năm đời như mây như gió
Mãi bốn ba chưa ấm chỗ nằm
Hào khi ngày xưa như bóng mây
Tuổi thanh xuân hồ như lá bay
Chiều nay vó ngựa ghi cương lại
Trong góc rừng sâu đánh chén say
Là thế đó mười năm chiếc bóng
Vàng trăng xưa treo mãi trong hồn
Hào khi giờ tan như bọt nước
Mười năm hư ảo một giòng sông
Đời ta, ồ vui như cánh chim
Mười năm như một cuộc đi tìm
Chân bước mệt nhọc trên đất nước
Sỏi đá khóc mềm như trái tim

Tình ta với Huế ngày xưa

Thơ THỦY TRIỀU

- * ói những chiều mây phủ hoàng hôn
trên ngôi thành cổ đứng u buồn
mùa thu sương khói dâng đầy mắt
em cũng nghe hồn như khói sương
- * và những chiều xưa mưa bến sông
em về sách vở gói thương mong
sàng ngang đợi chuyển đồ Thừa phủ
ta thoáng nhìn em đẹp nào nùng
- * rồi những con đường em bước đi
lòng ta như một bóng hoa quỳ
theo em gót nhỏ qua lòng phố
ta bỗng nghe tình đau biệt ly
- * từ đó thời gian như nước trôi
xô đời ta dạt đến muôn nơi
lòng em đâu bề đâu còn nhớ
ơi chút tình si đẹp tuyệt vời !

Bài cho người em An-cựu

Thơ ĐÔNG

Gửi Sơn, Văn hóa

- * Thôi, em tạm bỏ phố phường vài bữa,
Theo ta về thăm lại xóm làng xưa.
Thăm con sông với điệu nước hiền hòa,
Trong và đục theo từng mùa mưa nắng.
- * An-cựu đó, những chiều trên bến vắng
Ta ôm đàn ngồi đợi chuyển đồ ngang.
Em sang sông thuở ấy áo lụa vàng,
Bờ vai nhỏ, dịu dàng như bóng nắng.
- * Thôi em tạm bỏ phố phường vài bữa,
Theo ta về nghe kể chuyện ngày xưa
Mây đỉnh núi thương nắng vàng An-cựu
Ta thương em biết nói mấy cho vừa.
- * Em thuở ấy, đôi má hồng màu lựu
Mắt thơ ngây chưa đầy sóng ưu phiền
Dáng em hiền như bóng chiều An-cựu
Nhìn em cười nghe vỡ nỗi niềm riêng.

Tôi đi dự Hội-nghị Quốc-tế An-sinh Nhi đồng và Phát-triển Quốc-gia

Từ trước tới nay chúng ta đã bỏ quên một vấn đề hết sức quan trọng là vấn đề Nhi đồng. Vì chiến tranh liên tục, vì kinh tế khó khăn, chúng ta đã lãng phí cả một tài nguyên quốc gia. Tuy trong hiện tại nhi đồng là thành phần không sản xuất mà lại tốn kém, nhưng tương lai của chúng rất quan trọng: đó là những người sẽ kế tiếp chúng ta trên đất nước này, trên trái đất này. Số nhi đồng và thanh thiếu nhi chiếm 50% dân số nước ta, tại sao chúng ta lại không cố gắng lo lắng an sinh cho chúng để chuẩn bị cho chúng vào đời biết dẫn thân cho quốc gia dân tộc chứ không phải vào đời như «những con nai vàng ngơ ngác».

Số cô nhi lớn lao, hậu quả của chiến tranh, số trẻ em bị bỏ rơi. Số trẻ không được chữa trị đúng mức khi lâm bệnh. Số trẻ thiếu dinh dưỡng giữa lúc cần tăng trưởng. Số trẻ phạm pháp. Số trẻ bất túc. Số trẻ thất học v.v... Có ai trong chúng ta dám bảo đó là những việc không đáng quan tâm không?

Vì lý do đó mà Hội-nghị Quốc-tế An-sinh Nhi-đồng và Phát-triển Quốc gia mới được triệu tập, kẻ ra cũng hơi muộn, nhưng có còn hơn không.

Trong khuôn khổ hội-nghị này, tôi được mời tham dự đề trình bày về một vấn đề thuộc phạm vi nghề nghiệp của tôi.

Tôi nóng lòng mong đợi ngày khai mạc hội nghị. Nóng lòng đề làm xong phần sự thuyết-trình-viên được giao phó mà cũng là đề có dịp học hỏi thêm với các nhà chuyên môn lỗi lạc từ các phương trời xa tới.

Cũng đã từng được tham dự các hội nghị quốc tế về Nhi đồng tại ngoại quốc và đã học thêm được rất nhiều đề trau dồi nghề nghiệp của mình cho nên kỳ này được tham dự một hội nghị quốc tế ngay tại xứ mình, quả thật tôi đã hết sức vui mừng, ước mong có dịp đóng góp phần nào ý kiến đề cải tiến đời sống nhi-đồng tại Việt-Nam.

Xin mời quý vị hãy cùng tôi đi Thủ-Đức. Gần tới hội trường, từ đàng xa đã thấy mấy chục lá cờ của các nước bay tung bay trước gió với màu sắc rực rỡ dưới ánh nắng ban mai, lòng tôi rung lên một niềm kiêu hãnh...

Hội-trường được đặt ở phòng khánh tiết của trường Đại-học. Đây là một phòng lớn gồm một sân khấu khá rộng và ba dãy ghế. Dãy giữa, nhìn thẳng lên sân khấu, gồm toàn ghế mới toanh trông thật vui mắt. Còn hai dãy bên là loại ghế thường. Dĩ nhiên là chúng tôi phải nhường dãy ghế đẹp ở giữa cho các hội thảo viên ngoại quốc và chỉ sử dụng hai dãy ghế đặt ở hai bên cánh trái và cánh phải của hội trường mà thôi.

Tới giờ khai mạc thì hội trường đông nghẹt. Nhất là hai dãy ghế ở hai bên, đa số là quý vị tu sĩ Phật giáo, Thiên Chúa giáo, áo vàng, áo nâu, áo xám, áo trắng, áo đen hòa lẫn trong một bầu không khí thật tưng bừng.

Sau phần nghi lễ khai mạc do Thủ tướng Chính phủ chủ tọa thì Bác sĩ Phó Thủ-tướng và cũng là Chủ tịch ban Tổ chức hội nghị này lên diễn đàn đọc diễn văn.

Ở đây chúng tôi nhận thấy khuyết điểm đầu tiên của Ban Tổ-chức trong lúc lập chương trình và ấn định thời gian cho các bài diễn văn. Đã đành thế nào cũng có việc xê xích nhưng ở đây sự xê xích đó đã quá lớn. Trong chương trình đề 30 phút cho bài diễn văn của Phó Thủ-tướng, nhưng ông đã nói trong 1 giờ 30 phút. Hơn nữa nội dung bài diễn văn không đi sát với đề-tài ở trong chương trình là « Hiện trạng Nhi đồng tại Việt Nam ». Tại sao không đề là « Diễn văn khai mạc của Phó Thủ tướng » có phải gọn không.

Sau đó là hai bài diễn văn về sức khỏe và giáo dục Nh-đồng của hai vị Tổng-trưởng Y-tế và Giáo-dục. Nghị trưá quá trễ.

Chiều họp lại. Chúng tôi được nghe các bài thuyết trình của quý vị hội-thảo-viên ngoại-quốc và một bài của ông Chủ-tịch Hội Hồng-thập-tử V.N. Các bài thuyết trình này chứng tỏ quý vị hội-thảo-viên ngoại-quốc đã thấu hiểu hoàn cảnh của Việt-nam, nhất là tình trạng an-sinh nhi-đồng.

Quý vị hãy nghe một vị hội-thảo-

viên trình bày :

« Hãy nghĩ đến trẻ nhỏ lúc óc hiểu kỳ vừa chớm nở nhưng không được thỏa mãn vì người lớn đang vật lộn với cuộc sống hay không có thì giờ lắng nghe câu hỏi của nó.

« Hãy nghĩ đến những lo lắng không hề được giải đáp của trẻ bị mất người thân hay gia đình tan vỡ.

« Hãy nghĩ đến trẻ từ 5 đến 10 tuổi. Trong thời kỳ tốt nhất cho việc học sinh-ngữ nhưng lại thiếu thốn phương tiện.

« Hãy nghĩ đến những trẻ lớn hơn hay đang bắt đầu phát triển ý thức cộng đồng nhưng chúng lại phải mục kích cảnh nhà cửa, xóm làng, nhà thờ, đền chùa bị nổ tung.... »

Một vị khác, người Nhật-bản đã 88 tuổi mà cũng đến dự Hội-nghị. Ông là Tổng Giám-đốc cơ quan An-sinh Cô-nhi Á-châu. Ông đã đặt các hộp quỳên tiền ở hầu hết các nhà Ngân-hàng trên khắp nước Nhật. Trong vòng một năm ông đã quỳên được 40 triệu Yen, tương đương với 80 triệu bạc Việt-nam. Ông còn huy động cả sự đóng góp của các Đài Truyền hình để chiếu lên những hình ảnh của các em cô nhi tại các Trung-tâm huấn-nghệ. Chính ông đã lên truyền hình để nói cho quảng đại quần chúng Nhật-bản biết đến tình trạng khốn khổ của cô nhi Việt-nam. Trong suốt một năm hiệp hội các Đài Phát-thanh thương-mại ở Nhật-bản đã dùng làn sóng điện để kêu gọi dân Nhật hãy « mở rộng vòng tay thương cảm đến trẻ Việt-nam ». Quốc-hội Nhật cũng quỳên góp một phần lương liên tiếp hàng 5, 10

tháng để đóng góp vào công cuộc cứu trợ cô nhi Việt-nam.

Bác-sĩ G. Sicault trong Ủy-ban Quản-trị UNICEF nói «không thể giới hạn hoạt động trong việc bảo vệ nhi đồng. Mỗi cá nhân phải có cơ hội đồng đều để phát triển».

UNICEF và chính sách thanh thiếu niên cũng đề cập đến vấn đề là, dù trong tương lai, sẽ có một giải pháp nào đi nữa cho Việt-nam thì người ta cũng không thể không nghĩ đến con số rất cao các nạn nhân vô tội là bầy trẻ ở các trại tỵ nạn, các cô nhi, các trẻ em bắt cóc, phạm pháp hay đi vào con đường phạm pháp.»

Bài thuyết trình của cô Ursula M. Gallagher nhấn mạnh :

«Hiểu biết những nhu cầu của trẻ con và những phương pháp thích ứng để thỏa mãn những nhu cầu ấy có ảnh hưởng rất quan trọng đến sự tồn vong của một quốc gia».

Cô nói : «Ở bên Hoa-kỳ có những dịch vụ cố vấn nhằm giúp cho các bậc cha mẹ còn quá trẻ, chưa biết cách săn sóc trẻ con để họ chu toàn trách nhiệm dưỡng nhi. Trong trường hợp cha mẹ đưa bé vẫn không quan tâm đến những lời cố vấn, khuyến bảo, cứ đánh đập đứa bé và bỏ rơi, nó thì Tòa án sẽ ra một án-lệnh để tách rời đứa bé khỏi cha mẹ nó».

Một vị hội thảo viên ngoại quốc khóc nói :

«Tương lai và sự sống còn của giới nhi đồng liên hệ mật thiết với các điều kiện về môi trường vật chất, kinh tế và xã hội. Sự nghèo khó, bệnh tật, dốt nát và đói rách ngày càng trở nên những bài toán

nan giải tại mỗi quốc gia ! Thất quân bình giữa sự tăng gia nhân số và phát triển kinh tế là nguyên nhân chính đưa đến mọi sự rối loạn».

Vị ấy tiếp : «Sống trong thế giới ngày nay là cả một vấn đề phức tạp dù cho sống trong một hoàn cảnh xã hội kinh tế ổn định, hướng chỉ trong một hoàn cảnh bất thường như ở Việt-nam.»

Có vị lại so sánh công việc an-sinh nhi đồng ở Việt-nam với các nước khác và thấy rằng «ở V.N. tương đối còn có sự dễ dàng vì trẻ chỉ tị nạn ngay trong nước. Còn vấn đề an sinh nhi đồng ở ngoài quốc-gia của trẻ sống mới thật sự gặp rất nhiều khó khăn như là phải học ngôn ngữ mới, phong tục mới, tiếp xúc với giống người mới. Đời sống gia đình nhiều khi bị ngưng trệ vì phải di chuyển từ trại này sang trại khác».

Trên đây là tóm tắt các ý kiến có liên quan đến vấn đề an sinh nhi đồng ở Việt-nam do các vị hội-thảo-viên ngoại-quốc đã nêu lên trong phiên họp khoáng đại thứ hai của hội nghị nhi đồng quốc tế.

Những ý kiến này chứng tỏ chúng ta không cô đơn vì đã có rất nhiều quốc gia trên thế giới thông cảm sâu xa với những vấn đề khó khăn của chúng ta. Các quốc gia này đã dành và sẽ dành nhiều sự giúp đỡ nữa cho nhi đồng Việt-nam. Việc cần là chúng ta phải có ngay một chính sách, một kế hoạch và một đạo luật để bảo vệ nhi quyền trong cộng đồng quốc gia.

(Còn tiếp)

✿ LÊ THỊ MÃO (Bà Trần Văn Kha)

SINH HOẠT

Tết Ất-Mão với Nhà văn Nguyễn-Ngu-Í

Mùng hai Tết, vừa đi làm về, đang tiếp một người bạn thì thấy cậu Ngu-Í (1) lù lù xuất hiện, tôi ngạc nhiên :

— Cháu nghe cậu về quê ăn Tết mà, sao bây giờ còn ở đây ?

— Cậu định đi từ 29 Tết, nhưng mợ ngăn không cho, còn bắt cậu uống mấy viên thuốc ngủ, tỉnh ra cậu ghé thăm cháu đây.

Ông có vẻ khác thường. Lừ đừ. Xanh xao. Khăng khiu. Hom hem. Cặp kính cận trữu nặng trên sống mũi đã cong như còng eong hơn. Một tay ông cầm chai thuốc Hémoglobine Deschiens, tay kia ôm mấy tờ báo xuân và mấy cuốn sách. Sau đó tôi được biết rõ thêm rằng vì những biến cố của vụ báo chí gần đây, ông quá xúc động đến nỗi chứng bệnh điên muốn tái phát trở lại, và mợ tôi — bà Ngu Í — đã phải dùng “biện pháp mạnh” bắt ông uống thuốc ngủ, ngủ luôn một giấc hai năm liền, từ tối 30 Tết Giáp Dần, đến sáng mùng hai Ất Mão. Cách đây vài tuần tôi ghé thăm, thấy ông khá, đã mừng rằng cả năm nay ông khỏi phải vào nằm Dưỡng trí viện Biên-hòa thì hôm nay ông lại muốn đau lại, tôi thắc mắc :

— Mỗi ngày cậu vẫn uống đều 1 viên Thorazine kia mà ?

— Đâu có ! Cả hai tháng nay cậu gạt mợ nói là uống nhưng liệng đi cả. Tối 30 mợ bắt cậu uống ngay trước mặt...

Người bạn tôi đứng lên ngỏ lời chúc Tết. Nghe xong, ông nói :

— Không ! Tôi không muốn phát tài. Cũng chẳng muốn sống lâu. Và tôi cũng đã quyết định là không chúc Tết một ai cả...

Thấy có chuyện lạ, anh bạn tôi len lén bỏ về.

Tôi thì biết ông quá nên không ngạc nhiên tí nào cả. Còn nhớ Tết năm nào ông nằm giữa xa lộ, mặc một chiếc áo dài màu nâu, đầu cạo trọc, đợi xe Mỹ tới cán, vậy mà họ chẳng kịp, bắt ông chở thẳng vào Dưỡng trí viện. Tết trước nữa, giữa đêm giao thừa, ông gói đom đóm trong khăn tay làm đèn lồng đi lang thang trên quốc lộ 1, giữa rừng cao su Long Khánh, rồi cũng bị xe tuần tiễu chở vào nhà thương Biên-hòa !

Trong lúc hai cậu cháu ngồi uống trà, ăn kẹo hột điều, tôi gọi chuyện :

— Tết, cậu có sáng tác được bài thơ nào mới không ? Cho cháu nghe với.

— Cậu đã quăng bút từ hơn năm nay không viết lách gì nữa !

— Cậu muốn bắt chước người xưa ném bút theo đao cung chẳng ?

— Không, cậu quăng bút chứ không ném bút. Ném là còn nhắm một cái gì, cậu thì quăng luôn. Từ đầu năm ngoái cậu đưa Bách-Khoa

(1) Lời ghi của B.K. — Nhà văn Ngu-Í là cậu của người viết bài này : B.s. Đỗ Hồng Ngọc. Sau bài này Ô. Ngu-Í đã phải vào Dưỡng-trí-viện Biên-Hòa.

một bức thư gửi bác Nguyễn Hiến Lê, trong đó cậu nói lên sự mệt mỏi, chán chường, thất vọng của lớp tuổi ngoài 50 của cậu. Bức thư đã không được phép đăng, Cậu càng chán nản nên đã quăng bút luôn. Tuy vậy năm nay xúc động vì một người bạn người em thì đúng hơn, suýt chết vì tai nạn, cậu đã làm bài thơ này, cháu thử nghe. Rồi ông đọc.

CHÚT NỮA hay là BÀI THƠ ĐẦU SAU 1 NĂM QUĂNG BÚT

*Chút nữa thì ra chú chẳng còn
Người anh như bị vứt đầu non
Điếng tê tự hỏi đầu thân xác
Hốt hoảng, ô hay, lạc vía hồn?
Một lữa, thẳng ngay, nào đếm thử
Hai miền, nát bét, mấy lòng son
Mất luôn chú nữa, trời Trong Trắng
Còn lại gì đây : ciêb « chịu đòn »*

— Lâu ngày cậu mới làm thơ mà vẫn không mất vẻ Ngu Í tí nào! Rồi tôi trở lại vụ Tết :

— Năm nay cậu ăn Tết ra sao ?

— Cậu thất nghiệp từ mấy năm nay. Lúc này chỉ ở nhà rửa chén quét nhà cho mợ, thỉnh thoảng còn bị mợ rầy quét nhà, rửa chén không sạch, quên cho chim cho gà ăn. Một mình mợ lo chạy « nuôi đủ hai con với một chồng ». Thực làm vợ Phan Bội Châu. Trần Kế Xương cũng không khổ bằng làm vợ Nguyễn Ngu Í...

— Không biết bà Trần Kế Xương có lúc nào « cần nhân » chồng không cậu nhỉ ?

— Chắc là phải có chứ, nhưng

ông đã không nói đó thôi !

— Cậu vẫn còn nhận mỗi tháng 5000đ. tác quyền cuốn « Tài liệu truyện Kiều » ở nhà sách Khai Trí đó chứ ?

— Ngừng rồi :

Chắc quý vị độc giả Bách Khoa còn nhớ một tin sinh hoạt trên tạp chí này cách đây hơn năm, viết rằng nhà văn Ngu Í bán một tác phẩm cho nhà xuất bản Khai Trí với một điều kiện đặc biệt nhất trong lịch sử Văn học Việt-nam, nếu không muốn nói văn học thế giới, là tác giả sẽ nhận tác quyền mỗi tháng 5000đ. cho đến ngày ngưng hẳn tiếng súng, nghĩa là cho đến lúc Việt-nam thực sự có hòa bình. Lời cam kết thực lạ lùng nhưng đã phản ánh được niềm mơ ước chung của người làm văn hóa ở đây. Dĩ nhiên ông Ngu Í không thể không biết tấm lòng quảng đại của ông Khai Trí muốn giúp đỡ cho một nhà văn trong lúc bệnh hoạn, thất nghiệp, như ông đã từng giúp đỡ một số nhà văn lâm cảnh túng thiếu khác hay đã tài trợ cho những hoạt động văn hóa, như tuần báo Thiếu Nhi, Tập san Sử Địa v.v... Và ông Ngu Í đã đến lãnh tác quyền hàng tháng tại Khai Trí với lòng mong ước tiếng súng sớm ngưng trên đất nước Việt-nam. Ông đã lãnh được 18 tháng, vậy mà tiếng súng vẫn còn, mà còn khốc liệt hơn, Và vẫn thất nghiệp, vẫn đau yếu, đầu năm nay ông lại đến Khai Trí thì người đại diện ông Khai Trí nói là đề sẽ hỏi lại ông Khai Trí đã. Tuy không còn nhận được trợ cấp nữa nhưng

ông vẫn xác nhận rằng ông Khai Trí đã quá tốt với ông và sự giúp đỡ của Khai Trí như vậy đã là hiếm có còn Việt-nam thì bao giờ mới có hòa bình? Được biết tác phẩm đó dày hơn 1.000 trang, gồm tất cả những tài liệu liên quan đến truyện Kiều từ xưa đến nay.

Tôi lại hỏi thăm về tập thơ « *Có những bài thơ* », của ông sao đợi mãi không thấy ra mắt, ông lại cười :

— Anh Trí Đăng có nhã ý xin giúp cậu tập *Có những bài thơ*. Ruột đã xong từ ba năm nay, bìa cũng đã có mẫu do Đình Cường vẽ, nhưng đến nay tập thơ vẫn chưa xong vì anh Trí Đăng bề bộn công việc quá. Hôm trước cậu có nhắc thì anh cho biết là đã đề thất lạc đâu mất cả rồi!

— Thế còn tập phỏng vấn 165 văn nghệ sĩ hay *Quan niệm sáng tác về Văn, Họa, Nhạc* của cậu nghe nói được phủ QVK đặc trách Văn Hóa in, sao mãi cũng không thấy?

— Họ đòi phải có đủ hình ảnh của những người được phỏng vấn, mà cậu thì già, chạy không nổi nữa rồi. Và lại sau khi QVK Mai Thọ Truyền mất đi, hình như họ đã đổi ý hay sao vì trong giao kèo họ hứa sẽ in trong năm 1974.

Thấy ông nói toàn chuyện ...dang dở, tôi đổi đề tài :

— Cậu có dự định gì cho năm nay?

— Dự định thì nhiều lắm. Đáng lẽ sau bộ *Sống và Viết*, cậu còn ra một loạt *Sống và Hát*, *Sống và Đàn*, *Sống và Vẽ...* mà rồi đành bỏ dở vì sức khỏe suy kém.

Cậu còn định lo in cuốn *Khi người*

điên trở về để trả món nợ tình thần với mẹ, hoàn tất tập *Có những bài thơ* để tặng bạn bè, gom góp những bài báo đã viết từ hồi còn làm Thư ký Tòa soạn kiêm thầy cò tờ « Thanh Niên », lấy tên là « *Tạ Nhạ* » hay 33 năm nâng bút, và nếu có thể thì viết cuốn hồi ký « *Nếu tôi nhớ rõ* » và một tập « *Những bức thư tình tưởng không bao giờ viết* »...

— Tết đến, cậu có thấy trong lòng xao xuyến một chút xuân?

— Không. Đã lâu lắm rồi!

— Sao cậu còn viết được « *Những bức thư tình...* »

— Cậu vẫn ám ạch vì cả đời mình « *chưa có người yêu để gọi em* » nên sẽ viết cho những người mà cậu lơ mơ yêu họ và tưởng là họ cũng lơ mơ yêu mình...

— Tôi mời ông ở lại dùng cơm. Có món măng kho rất quê hương mà ông vẫn thích, tôi nói :

— Lúc này rất nhiều gia đình không ăn Tết. Mình được như vậy là « *sang* » rồi phải không cậu? Sang quá trong lúc này quả thực là bất nhân.

— Không những bất nhân mà còn là tội ác. Được mỗi ngày hai bữa cơm no, sống yên lành đã hạnh phúc lắm rồi.

Thấy ông nhai một cách khó khăn, tôi hỏi :

— Răng cậu sao vậy?

— Cậu chỉ còn có... 7 cái răng mà cái sắp rụng, cái lung lay. Nhai mạnh đựng đau chịu không nổi cháu à!

ĐỖ HỒNG NGỌC

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

3 Cuốn sách thứ 100

Trên Bách Khoa số 417 (9-11-74), mục Thời sự Văn nghệ loan báo rằng nhà văn Nguyễn Hiến Lê đã cho xuất bản trong vòng 20 năm qua được 97 tác phẩm, gồm 110 cuốn, về rất nhiều bộ môn khác biệt. Cho tới nay, tác giả « Nhà giáo họ Khổng » đã cho ra mắt người đọc trước Tết cuốn sách thứ 98 (*Mạnh Tử* — xb Cao Thơm) và sau Tết cuốn thứ 99 (*Văn minh Á-Rập* — nxb Phục Hưng). Cuốn sách thứ 100 do nhà xuất bản Tri Đăng ấn hành, có thể sẽ ra mắt vào tháng 4/75 tới đây, mang tựa là: « *Mười câu chuyện văn chương*. » Vào dịp xuất bản cuốn thứ 100 này nhà sách Khai Trí sẽ cho trưng bày trong một tuần lễ đầy đủ 100 tác phẩm của nhà biên khảo và dịch thuật đã đóng góp cho văn-học nhiều nhất nước hiện nay.

Ô. Châu Hải Kỳ, một nhà văn kiêm nhà giáo ở Nha Trang, người viết về cuộc đời và sự nghiệp của nhà văn Nguyễn Hiến Lê từ ngót hai năm nay và đã hoàn thành phần I (Cuộc đời), nay cũng sắp viết xong nốt phần II (Sự nghiệp). Được biết số lượng sách lớn lao trên đây của ông Nguyễn Hiến Lê, người ta cũng thấy được công trình người viết, vì ông Châu Hải Kỳ đã phải đọc qua tất cả các tác phẩm này, lại phải lựa chọn đề đọc kỹ một số tác phẩm tiêu biểu, rồi mới khởi sự viết được phần « Sự nghiệp ». Độc giả rất trông đợi cuốn sách của nhà văn ở Nha thành chóng được hoàn tất và xuất bản.

Triển lãm hội họa Pháp quốc hiện đại

Một cuộc triển lãm hiếm có ở Việt-nam tại Thư viện Quốc-gia Saigon từ 26-2 đến 9-3-75 vừa qua, đã trưng bày 66 họa phẩm nguyên tác của 37 họa sĩ thời danh nước Pháp, mà nguyên số tiền bảo hiểm nghe nói cũng rất lớn lao, đã làm những người yêu Mỹ-thuật tại Thủ-đô rất vui thích vì từ trước đến nay phần lớn người ta chỉ được xem hình ảnh những bức họa này trong các tác phẩm về hội họa của Pháp.

Tạ-Tỵ, một họa sĩ Việt-nam trên 20 năm nay sáng tác liên tục đã từ trường phái Lập-thể chuyển sang trường phái Trừu-tượng và cũng là một cây bút quen thuộc của độc giả Bách-Khoa, sẽ viết một bài nhận định về cuộc triển lãm hội họa hiện đại của Pháp quốc trên Bách Khoa số tới đây.

Đổi nghề

« Cô Ký » Minh Đức Hoài Trinh cuối năm vừa qua đã có một quyết định quan trọng. Chị muốn giã từ cuộc sống « lang thang » ở xứ người, nên đã xây cho mình căn nhà rất xinh đẹp mà chị đặt tên là « Vị Ương », để buộc chặt cánh chim lại quê hương. Cũng vì vậy mà chị đã nhận dạy một số giờ cho một vài Đại-học ở phân khoa báo chí và chị cũng nhận nói chuyện ở nhiều nơi về các vấn đề liên quan đến báo chí và ký giả... Chìm đắm trong tất cả những công việc bất thường và mới mẻ trên đây (tất nhiên công việc thường nhật của MDHT vẫn là sáng tác) nên « Cô

Ký» của bạn đọc không còn thì giờ để viết đều đặn các « Lá thư »... trên Bách-Khoa như trước được nữa. Mong bạn đọc thông cảm cho.

Cũng xin ghi thêm là trong thời gian vừa qua nhạc sĩ Dương-Thiệu-Tước đã phổ nhạc 4 bài thơ của Minh-Đức Hoài - Trinh trong thi phẩm « Bài thơ cho ai », *Bông lau trắng, Mây vẫn còn bay, Ngọc Lan, Tình*

chúng mình sẽ được vẽ lên tranh (3 bài trên đã được phát thanh trên đài Quân đội). Ngoài ra nhạc sĩ Dương-Thiệu-Tước (Anh Vương) còn sáng tác một bài nhạc mang tựa là : *Mất duyên, rồi cảm hứng* sau khi đọc truyện dài mới nhất của MĐ HT : « Trà thất ».

THU THỦY

HỘP THƯ

— Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

THƠ : Nguyễn thiên Minh, Nguyễn văn Gia, Nguyễn niêm Nghiễm, Lê thánh Thư, Bùi công Toa, Đông Chinh, Võ văn Lê, Lê nguyên Ngử, Triều Nguyên, Hồ Việt Khuê, Trùng Văn, Hoài Diễm Từ, Dã Ca, Nguyễn đình X, Mai quế Phương, Rừng man di, Hoài mặc Thanh, Nguyễn quan Hà, Huỳnh kim Sơn, Vũ Vốn, Lê Yên Linh Phương, Thạch Diễm, Nguyễn hữu Viện.

TRUYỆN : Tăn Hoa (Nắc thang đầu đời), Dã Ca (Thảo Hạ), Kinh Dương Vương (Em bé hướng đạo), Đào Lâm (Người quân tử).

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã gửi cho Bách Khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gửi thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp Thư này. Bởi vậy, các bài gửi đến, ngoài bút hiệu xin quý bạn nhớ đề tên thực và ghi lại cho địa chỉ hiện đại để tiện liên lạc.

— *Tạ chí Đại Trường* (Saigon) Sẽ

đăng bài của Anh trên số tới đây. Mong tin Anh luôn.

— *Trần H. Thư* (Cần Thơ) Gửi lời thăm Anh và sẽ đăng « Gió lên » trên số tới (L.N.C.).

Cáo lỗi

Lá thư Trần văn Khê, nói về Nhạc hội Shiraz, vì gửi về trễ, nên không đăng kịp vào số này, phải dành lại kỳ tới. Xin cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

Ban Chủ trương Bách Khoa

Nhường lại

Một Bộ Encyclopedia BRITANNICA 24 cuốn, bìa simili đỏ (ấn bản 1959) với giá 70.000đ.

Hỏi tại Bách-Khoa, 160 Phan Đình Phùng Saigon. (ĐT. 25.539)

BỘ BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP
ĐẦY ĐỦ MƯỜI TÁM NĂM
(1957 - 1974).

Quý bạn đã viết thư hỏi, xin liên lạc ngay tại Bách Khoa 160 Phan Đình Phùng Saigon 3, ĐT 25.539.

Bảo-tàng viện Nông Công Ngư nghiệp...

(tiếp theo trang 13)

15 đến 20 năm sau có muốn tìm nữa cũng đồ con mắt. Vì sao? Vì những dụng-cụ đó vốn chóng hư hỏng, và những người thợ có thể đóng những dụng-cụ đó đang trên đường về với tổ tiên.

— Trong lãnh-vực công-nghiệp và ngư-nghiệp ta cũng thấy hiện-tượng tương-tự do hậu-quả của sự phát-triển kỹ-nghệ biến-chế và việc canh-tân phương-tiện cùng kỹ-thuật đánh cá. Ngày nay, đồ dùng bằng plastic mềm hoặc cứng đang bành-trướng mau lẹ và phổ-biến thật rộng-rãi, khắp hang cùng ngõ hẻm: lồng bàn nhựa thay cho lồng bàn tre, rổ rá nylon thay cho rổ rá đan tay, áo mưa plastic đánh bật chiếc toi lá. Khoảng 1951, 1952, khi đang còn học đệ thất (lớp 6) Trung-học, tôi vẫn còn mang toi lá, và hơn một nửa bạn cùng lớp cũng mang kè kè chiếc toi lá như thế vào những ngày mưa của xứ Huế. Áo mưa bằng vải trắng cao-su chỉ dành cho hạng học sinh con nhà giàu hay ở lớp cao hơn. Hiện nay, vào mùa mưa, di-chuyển trên các tỉnh QK. I, họa hoằn lắm mới được thấy một chiếc toi lá. Không mấy ai nghĩ rằng món vật-dụng rẻ tiền và tầm-thường này đã che mưa và che lạnh cho dân Việt hơn bốn ngàn năm nay, nên cũng không mấy ai thêm quan tâm đến chiếc toi lá đã bị đào-thải từ bao giờ và như thế nào.

Hơn 15 năm trước, cái cảnh Tế-Hạnh đem tấm lòng yêu quê-hương ra diễn tả:

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới,
Nước bao vây, cách biển nửa
ngày sông.

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai
hồng,

Dân trai tráng trong làng đi đánh cá.

Chiếc thuyền nhẹ, hăng như con
tuấn-mã,

Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt
Trường-giang.

Cánh buồm giương to như mảnh
hồn làng,

Rướn thân trắng, bao la thâu góp gió.

.....

là cảnh thường thấy đối với dân vùng sông nước. Ngày nay, cảnh đi đánh cá vẫn còn và còn nhiều, nhưng «phăng mái chèo mạnh mẽ vượt Trường-giang» đã hiếm mà cảnh những cánh buồm trắng no gió lúc ra đi hay trở về cũng không thấy nữa: chỉ thấy làn khói đen phun lên trời và tiếng động-cơ vang trên mặt nước xanh. Đứng tưởng người ta chỉ việc bỏ chèo, bỏ buồm và chỉ cần gắn động cơ vào ngư-thuyền là đủ để gọi «canh-tân ngư-nghiệp». Thật nhiều thay đổi: ngư-thuyền phải thay hình đổi dạng cho thích-hợp với việc động-cơ-hóa, rỗi lưới nylon, phao plastic thay cho lưới gai, phao gỗ, phao ống tre v.v.

Tóm lại, trước sự cơ-giới-hóa nông, công, ngư-nghiệp, hậu-quả trước mắt là tất cả những dụng-cụ về canh-nông, ngư-nghiệp, những sản-phẩm thủ-công-nghiệp, những dụng-cụ thủ-công-nghiệp (đàn ép dầu mè, dầu lạc, guồng quay tơ, đàn

ép mía, khung dệt vải v.v.) rồi sẽ bị đào-thải hết, đào-thải tàn nhẫn và tự nhiên theo luật tiến-hóa của nhân-loại. Nếu không đề tâm tổ chức gìn giữ, bảo tồn ngay từ bây giờ thì một ngày kia sẽ không còn gì nữa. Không có một Bảo tàng viện về nông, công và ngư-nghiệp đề lo sưu-tập và bảo trì ngay từ bây giờ thì chỉ 20 năm sau, có bạc tỉ cũng khó kiếm, lúc bấy giờ có hối cũng vô ích và hoài niệm chỉ là xót xa. Có người sẽ nêu câu hỏi :

— Việc gì phải vội. Những cổ-vật cách đây mấy ngàn năm, mấy trăm năm mà nay người ta còn tìm ra, còn giữ được, huống gì những thứ tầm thường kia, khi nào lại không có sẵn.

Đã trả lời ý kiến này, chúng tôi chỉ xin đặt lại một vài câu hỏi : đời sống của một cái rồ, cái rá bằng tre dài bao lâu ? Một chiếc xe đạp nước bằng gỗ, không dùng, sẽ tồn tại được

bao nhiêu năm ? Một cái cối xay lúa làm bằng tre, đất sét và gỗ đem dãi dầu mưa nắng, vì không còn đặc-dụng, sẽ vững được mấy năm ? Khi những người thợ đóng cối xay, thợ chằm tơ chết đi, ai có thể chế-tạo được những vật dụng đó ?

Trong đà tiến bộ chung của thế-giới, việc canh-tân mọi ngành sinh-hoạt là cần thiết để sinh tồn, để giàu mạnh. Ta không thể vì hoài cổ mà chủ trương « xua bày nay làm » một cách phi-lý và phản tiến-bộ ; nhưng ta cũng không vì muốn tiến nhanh, tiến mạnh mà quên mất quá-khứ, cội nguồn. Tây-phương và những nước tiên-tiến tại Á-châu tiến nhanh hơn ta gấp bội, nhưng quá-khứ của họ dù là tầm-thường, vẫn được trân-trọng giữ gìn.

VÕ VĂN DẬT

Kỳ tới : Những đề nghị thiết thực về việc thiết lập Viện Bảo-tàng NCNN,

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Giấy phép KD số 328/75 BDVCH/PHBCNT/ALP/GP ngày 21-03-1975.

Phát hành ngày 24-03-75 — Số lượng 3.000.

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chị cô



NƯỚC-NGỌT "CON-COP"

Chai "HÒA TIỀN"!

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc **QUỐC TẾ**



Nếu Quý vị thích
hương vị hảo hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc